

Quyển 16

Thứ 11. TƯ SỞ THÀNH ĐỊA

Phần 1

Như vậy đã thuyết Văn sở thành địa. Sao gọi là *Tư sở thành địa*? Nếu nói lược thì do 3 chủng tướng: **A.** Do tự tánh thanh tịnh; **B.** Do tư trạch sở tri; **C.** Do tư trạch các pháp.

A. Tự tánh thanh tịnh:

Do 9 chủng tướng: 1. Như có người một mình ở chốn không nhà, tư duy quán xét thẳm sâu, như điều đã được nghe, như điều đã thấu đạt, suy xét đạo lý các pháp; 2. Xa lìa tất cả điều không nên tư duy và tư duy tỉ mỉ thẳm sâu điều nên tư duy; 3. Năng khéo rõ biết cách thuyết bằng im lặng và thuyết bằng tiếng lớn; 4. Phàm điều tư duy chỉ nương nơi nghĩa, không nương nơi văn; 5. Đối với pháp chỉ sanh tín giải ít phần, tức ở nơi ít phần pháp ấy dùng tuệ quán sát; 6. Bền bỉ tư duy; 7. An trụ tư duy; 8. Tương tục tư duy; 9. Đối với điều đã

tư duy năng khéo rớt ráo, trọn không giữa đường nhằm chán, sợ hãi, thối chí, khuất phục. Do 9 tướng đây gọi là thanh tịnh thiện tịnh tư duy.

B. Tư trạch sở tri:

Đó là khéo tư duy chọn lọc nghĩa được quán sát.

Những gì gọi là nghĩa được quán sát? Tức là ở nơi pháp có, rõ biết tướng có; ở nơi pháp không phải có, rõ biết tướng không. Như vậy gọi là nghĩa được quán sát.

1. Quán sát pháp có: Nên biết pháp đây lược có 5 chủng: **a.** Pháp có tự tướng; **b.** Pháp có cộng tướng; **c.** Pháp có giả tướng; **d.** Pháp có tướng nhân; **e.** Pháp có tướng quả.

a. Những gì gọi là pháp có tự tướng? Nên biết pháp đây lược có 3 chủng: 1. Có tướng thắng nghĩa; 2. Có tướng tướng trạng; 3. Có tướng hiện tại.

Có tướng thắng nghĩa: tức là trong các pháp, nghĩa là lời nói; là sở hành cảnh giới của trí xuất thế gian; là tướng phi an lập.

Có tướng tướng trạng: do nương 4 chủng quán sát tướng trạng: 1. Ở xứ ấy có được tên như vậy; 2.

Ở xứ ấy có được sự việc như vậy; 3. Tên gọi đây, sự việc đây, không phải không được xác định; trong đây không được xác định là vì nguyên nhân mê loạn, hoặc vì vô thường; 4. Tên gọi đây, sự việc đây tùy chuyển không bị ngăn ngại, không phải hoặc ở xứ đây tùy chuyển, hoặc ở xứ đây thối hoàn.

Có tướng hiện tại: tức là nếu đã sanh và tánh nhân quả.

Tất cả như vậy hợp chung làm một, gọi là pháp có tự tướng.

b. Những gì gọi là pháp có cộng tướng? Nên biết tướng đây lại có 5 chủng: 1. Cộng tướng chủng loại; 2. Cộng tướng do thành tựu sở tác; 3. Cộng tướng của tất cả hành; 4. Cộng tướng của tất cả hữu lậu; 5. Cộng tướng của tất cả pháp.

Cộng tướng chủng loại: tức là mỗi chủng loại riêng biệt như sắc, thọ, tưởng, hành, thức hợp chung làm một, gọi là cộng tướng chủng loại.

Cộng tướng do thành tựu sở tác: tức là pháp thiện hữu lậu, đối với sự chiêu cảm quả ái, do năng thành xong việc làm cộng tướng, gọi là cộng tướng. Pháp thiện hữu lậu đối với sự chiêu cảm quả ái như vậy, thì pháp bất thiện đối với sự chiêu cảm quả phi

ái; niệm trụ, chánh thắng, thân túc, căn, lực, giác chi, đạo chi, các pháp trợ Bồ-đề phân đối với sự chiêu cảm đặc Bồ-đề, do năng thành xong việc làm cộng tướng gọi là cộng tướng, nên biết cũng vậy.

Cộng tướng của tất cả hành: tức là tướng của tất cả hành tánh vô thường.

Cộng tướng của tất cả hữu lậu: tức là tướng hành hữu lậu tánh đều là khổ.

Cộng tướng tất cả pháp: tức là tướng của tất cả pháp, tánh không, vô ngã.

Tất cả như vậy hợp chung làm một, gọi là pháp có cộng tướng.

c. Những gì gọi là pháp có giả tướng? Đó là nếu ở xứ đây lược có 6 chủng ngôn luận sanh khởi, nên biết xứ đây gọi là có giả tướng. Những gì gọi là 6 chủng ngôn luận? 1. Ngôn luận tương ưng có chủ; 2. Ngôn luận xa lìa đây kia; 3. Ngôn luận chúng cộng thi thiết; 4. Ngôn luận các pháp tụ tập; 5. Ngôn luận không khắp tất cả; 6. Ngôn luận không phải thường.

- Ngôn luận tương ưng có chủ: là các ngôn luận phối hợp với chủ mới hiểu được tướng ấy, không thể không có chủ. Như nói khi sanh, sanh

của ai đây? Đợi có chủ mới phát khởi ngôn luận đây: Đó là sanh của sắc, sanh của thọ, tưởng, hành, thức. Không phải như lúc đã có sắc sanh mà nói sắc của ai đây, đây không cần đợi có chủ mới phát khởi ngôn luận. Sanh như vậy, thì lão, trụ, vô thường... tâm không tương ưng hành, tùy chỗ thích hợp phải nên biết tường tận. Đây gọi là ngôn luận tương ưng có chủ. Nếu ở xứ đây khởi ngôn luận đây, nên biết xứ đây là có giả tướng.

- Ngôn luận xa lìa đây kia: tức là các ngôn luận không phải lấy đây để hiển đây, cũng không phải lấy kia để hiển kia. Đây gọi là ngôn luận xa lìa đây kia.

Ngôn luận lấy đây hiển đây: là ngôn luận ở nơi xứ thật tướng chuyển, cũng ở nơi xứ giả tướng chuyển.

Ngôn luận lấy kia hiển kia: cũng là ngôn luận ở nơi xứ thật tướng chuyển, cũng ở nơi xứ giả tướng chuyển.

Ngôn luận không phải lấy đây hiển đây, cũng không phải lấy kia hiển kia: là ngôn luận một hướng ở nơi xứ giả tướng chuyển.

Sao gọi ngôn luận lấy đây hiển đây là ở nơi xứ

thật tướng chuyển? Như nói sự rắn chắc của đất.

Sao gọi ngôn luận lấy đây hiển đây là ở nơi xứ giả tướng chuyển? Như nói sự tròn của đá.

Như sự rắn chắc của đất, sự tròn của đá, thì sự ẩm ướt của nước, sự giọt của dầu, sự ấm của lửa, sự cháy bùng của ngọn lửa, sự lay động của gió, sự khua của gió lốc, nên biết cũng vậy.

Sao gọi là ngôn luận lấy kia hiển kia, ở nơi xứ thật tướng chuyển? Như nói nhận biết của mắt, cảm xúc của thân... hết thấy như vậy.

Sao gọi ngôn luận lấy kia hiển kia là ở nơi xứ giả tướng chuyển? Như nói sự uống ăn, xe cộ, y phục, đồ trang sức... là những tên gọi mà Phật dùng chỉ các đức tính khác nhau.

Sao gọi ngôn luận không phải lấy đây hiển đây, cũng không phải lấy kia hiển kia là một hương ở nơi xứ giả tướng chuyển? Như nói cửa của nhà, tường của nhà, miệng của bình, bụng của hũ, xe của quân, cây của rừng, ba của mười, mười của một trăm... Hết thấy loại như vậy gọi là ngôn luận xa lìa đây kia.

- Ngôn luận chúng cộng thi thiết: đó là ở nơi ngôn thuyết giả lập ngôn luận tự tánh của 6 chủng

tướng trạng: 1. Tướng trạng sự; 2. Tướng trạng sở thức; 3. Tướng trạng tịnh diệu; 4. Tướng trạng nhiều ích; 5. Tướng trạng ngôn thuyết; 6. Tướng trạng tà hành.

Tướng trạng sự: tức là sở thủ của thức.

Tướng trạng sở thức: tức là sở thủ của tác ý, năng khởi nơi thức.

Tướng trạng tịnh diệu: tức là sở thủ của xúc.

Tướng trạng nhiều ích: tức là sở thủ của thọ.

Tướng trạng ngôn thuyết: tức là sở thủ của tướng.

Tướng trạng tà hành: tức là sở thủ của tư.

- Ngôn luận các pháp tụ tập: tức là ngôn luận ở nơi nhiều sự việc hòa hợp lại kiến lập tự tánh. Như ở nơi nội sắc, thọ, tướng, hành, thức kiến lập chủng chủng ngôn luận như ngã...; ở nơi ngoại sắc, thanh, hương, vị, xúc hòa hợp khác nhau, kiến lập chủng chủng ngôn luận như nhà, cửa, bình, y phục, xe cộ, quân đội, rừng cây...

- Ngôn luận không khắp tất cả: tức là các ngôn luận có chỗ tùy chuyển, có chỗ không dùng. Như ở nơi nhà cửa thì có ngôn luận về nhà cửa. Ở nơi nhà cửa thì có chỗ tùy chuyển, nhưng ở nơi

thôn xóm, tụ lạc, đình làng, quốc gia... thì có chỗ không dùng. Ở nơi bồn, bình có ngôn luận về bồn, bình. Ở nơi bồn, bình thì có chỗ tùy chuyển, nhưng ở nơi dụng cụ... thì có chỗ không dùng. Ở nơi quân đội có ngôn luận quân đội, có chỗ tùy chuyển, nhưng ở nơi những loại khác như nam, nữ, trẻ nhỏ, thiếu niên... thì có chỗ không dùng. Ở nơi rừng có ngôn luận rừng, có chỗ tùy chuyển, nhưng ở nơi cái khác như gốc, thân, cành, nhánh, lá, hoa, quả... thì có chỗ không dùng.

- Ngôn luận không phải thường: do 4 chủng tướng nên biết: 1. Do phá hoại; 2. Do không phá hoại; 3. Do gia hạnh; 4. Do biến đổi.

Do phá hoại: tức là bình lọ bị vỡ rồi, xả bỏ ngôn luận bình lọ, thay vào đó sanh ngôn luận là miếng, mảnh.

Do không phá hoại: tức là chủng chủng vật cùng hòa hợp, hoặc dạng viên, hoặc dạng bột. Lúc bấy giờ xả bỏ ngôn luận chủng chủng tạp vật, thay vào đó là ngôn luận viên, bột.

Do gia hạnh: tức là có một miếng vàng, qua giai đoạn gia hạnh tạo thành các đồ trang sức như vòng đeo tay. Bấy giờ xả bỏ ngôn luận miếng vàng,

thay vào đó là ngôn luận vòng đeo tay...

Do biến đổi: tức là thức uống ăn đến lúc biến đổi, bấy giờ xả bỏ ngôn luận thức uống ăn, thay vào đó là ngôn luận phần, tiểu...

Tất cả loại như vậy gọi là ngôn luận không phải thường. Tùy các sự vật, phát khởi sáu chủng ngôn luận như vậy, nên biết vật này đều là giả có.

Đây gọi là pháp có giả tướng.

d. Những gì gọi là pháp có tướng nhân? Nên biết nhân đây lược có 5 chủng: 1. Nhân khả ái; 2. Nhân không khả ái; 3. Nhân trưởng dưỡng; 4. Nhân lưu chuyển; 5. Nhân hoàn diệt.

Nhân khả ái: là pháp thiện hữu lậu.

Nhân không khả ái: là pháp bất thiện.

Nhân trưởng dưỡng: trước kia sanh khởi pháp thiện, bất thiện, vô ký. Do tu tập, khéo tu tập, nhiều tu tập, năng khiến về sau sanh pháp thiện, bất thiện, vô ký triển chuyển tăng thêm mạnh mẽ, gọi là nhân trưởng dưỡng.

Nhân lưu chuyển: do chủng tử đây, do huân tập đây, do trợ bạn đây mà pháp kia lưu chuyển. Đây đối với pháp kia, gọi là nhân lưu chuyển.

Nhân hoàn diệt: tức là các hành hoàn diệt, tạp

niễm hoàn diệt. Sở hữu tất cả đạo năng tịch tĩnh, năng Bát-niết-bàn, năng hướng đến Bồ-đề và tư lương kia, bao gồm cả phương tiện, năng sanh, năng trọn vẹn, gọi là nhân hoàn diệt. Như vậy gọi chung là pháp có tướng nhân. Nếu rộng phân biệt, nên biết tướng đây như trong tư duy nhân quả.

e. Những gì gọi là pháp có tướng quả? Đó là từ 5 nhân kia hoặc sanh, hoặc được, hoặc thành tựu, hoặc trọn vẹn, hoặc dụng chuyển. Nên biết đây gọi là pháp có tướng quả.

2. Quán sát pháp không: Nên biết tướng đây cũng có 5 chủng: **a.** Chưa sanh không; **b.** Đã diệt không; **c.** Hỗ tương không; **d.** Thắng nghĩa không; **e.** Rốt ráo không.

Chưa sanh không: là các hành vị lai.

Đã diệt không: là các hành quá khứ.

Hỗ tương không: là các pháp khác, do tướng còn lại, hoặc tánh xa lìa, hoặc tánh chẳng phải có. Hoặc các pháp còn lại cùng các pháp khác, tánh không hòa hợp.

Thắng nghĩa không: do tự tánh ngôn thuyết của thế tục giả đặt tánh để an lập ngôn luận.

Rốt ráo không: là các loại rốt ráo không có như cô gái đá...

3. Quán sát năm chủng tánh có và năm chủng tánh không:

- Năm chủng tánh có: **a.** Tướng viên thành thật, tánh có; **b.** Tướng y tha khởi, tánh có; **c.** Tướng biến kế sở chấp, tánh có; **d.** Tướng sai biệt, tánh có; **e.** Tướng không thể thuyết, tánh có.

Tướng viên thành thật: là tướng thắng nghĩa.

Tướng y tha khởi: là tướng của tướng duyên sanh.

Tướng biến kế sở chấp: là tướng giả thi thiết.

Tướng sai biệt: là tướng không hai, tướng sanh, tướng lão, tướng trụ, tướng vô thường, tướng khổ, tướng không, tướng vô ngã, tướng sự, tướng sở thức, tướng sở thủ, tướng tịnh diệu, tướng nhiều ích, tướng của tướng ngôn thuyết, tướng của tướng tà hành...

Tướng không thể thuyết: do 4 chủng không thể thuyết, nên gọi là tướng không thể thuyết.

1. Vì không, nên không thể thuyết. Đó là có bổ-đặc-già-la đối với các uẩn kia, không thể tuyên nói là khác hay không khác.

2. Vì thẳm sâu nên không thể thuyết. Đó là pháp tánh lìa lời, không thể nghĩ bàn, như pháp thân Như Lai không thể nghĩ bàn, cảnh giới chư Phật Như Lai diệt rồi về sau hoặc có hoặc không... không thể tuyên thuyết.

3. Vì năng dẫn vô nghĩa nên không thể thuyết. Đó là các pháp không thể năng dẫn phát pháp nghĩa phạm hạnh. Chư Phật Thế Tôn tuy chứng, mà không thể thuyết.

4. Vì sự an lập của pháp tướng pháp nhĩ nên không thể thuyết. Chỗ gọi là chân như, so với các hành... không thể tuyên thuyết tánh khác hay không khác.

- Năm chủng tánh không: **a.** Tướng thắng nghĩa, tánh không; **b.** Tướng tự y, tánh không; **c.** Tất cánh tự tướng, tánh không; **d.** Tướng không sai biệt, tánh không; **e.** Tướng có thể thuyết, tánh không.

C. Tư trạch các pháp:

Nên biết đây có 2 chủng: **1.** Tư trạch nghĩa Tố-đát-lãm (Kinh); **2.** Tư trạch nghĩa Già-tha (Kệ tụng).

Tư trạch nghĩa Tố-đát-lãm, như trong *Nhiếp*

sự và trong *Bồ-tát tạng*, phần *Dạy trao* sẽ rộng thuyết.

Tư trạch nghĩa Già-tha lại có 3 chủng: **1.** Kiến lập thắng nghĩa Già-tha; **2.** Kiến lập ý thú nghĩa Già-tha; **3.** Kiến lập thể nghĩa Già-tha.

1. Kiến lập thắng nghĩa Già-tha:

Như kinh thuyết:

*Đều không có chủ thể
Và tác giả, thọ giả
Các pháp cũng vô dụng
Dụng chuyển chẳng phải không*

*Chỉ mười hai hữu chi
Uẩn, xứ, giới lưu chuyển
Xét kỹ tất cả đây
Chúng sanh chẳng thể được*

*Ở trong và ở ngoài
Tất cả đây đều không
Kẻ năng tu không đó
Cũng thường không sở hữu*

Ngã, ngã thật không có
Do điên đảo vọng chấp
Ngã, hữu tình đều không
Chỉ có pháp hữu nhân

Các hành đều sát-na
Còn không trụ hướng dụng
Tức thuyết kia sanh khởi
Là dụng, là tác giả

Mắt không thể thấy sắc
Tai không thể nghe tiếng
Mũi không thể ngửi hương
Lưỡi không thể nếm vị

Thân không thể cảm xúc
Ý không thể biết pháp
Ở đây cũng không thể
Nắm giữ cùng sai khiến

Pháp không thể sanh khác
Cũng không thể tự sanh
Các duyên có nên sanh
Không cũ, mới, mới có

*Pháp không thể diệt khác
Cũng không thể tự diệt
Các duyên có nên sanh
Sanh rồi tự nhiên diệt*

*Lấy hai phẩm làm nương
Bèn khá đắc sanh đây
Nơi cảnh hằng phóng dật
Lại nữa tà thắng tiến*

*Cuốn trôi theo ngu si
Đuổi theo tà thắng tiến
Bị tham ái dẫn dắt
Nơi cảnh thường phóng dật*

*Do các pháp có nhân
Các khổ cũng như vậy
Vì hai hoặc căn bản
Mười hai chi phân hai*

*Không thể tự tác dụng
Cũng không do người tạo
Không ngoài đây năng tạo
Mà tác dụng chẳng không*

*Không trong cũng không ngoài
Không phải giữa hai chủng
Bởi hành đây chưa sanh
Đúng thời mới có được*

*Giả các hành đã sanh
Do đây nên không được
Vị lai không có tướng
Quá khứ khá phân biệt*

*Phân biệt đều từng trải
Chưa từng cũng phân biệt
Hành tuy không đầu mối
Nhưng đầu có thể được*

*Các sắc như đồng bọt
Các thọ là bọt nổi
Các tướng đồng bóng nắng
Các hành tựa cây chuối*

*Các thức như việc huyễn
Sở thuyết “ngày một gân”
Các hành đồng lúc sanh
Cũng đồng lúc trụ diệt.*

*Si chẳng thể tự si
Cũng chẳng thể si kia
Chẳng ngoài, năng có si
Mà si chẳng phải không*

*Vì tư duy bất chánh
Các ngu si được sanh
Tư duy bất chánh đây
Chẳng phải không ngu khởi*

*Phước, phi phước, bất động
Hành có ba, nên biết
Lại có ba chủng nghiệp
Tất cả không hòa hợp*

*Hiện tại chóng hoại diệt
Quá khứ không chỗ trụ
Vị lai nương các duyên
Nhưng tâm lại rong ruổi*

*Hết thấy cùng theo nhau
Không tương ứng cũng vậy
Chẳng hết thấy tất cả
Mà nói tâm tùy chuyển*

Nơi đây chẳng không dứt
Tương tự, không tương tự
Bởi thuận theo ngã kiến
Dụng thế tục chẳng không

Nếu nơi sắc thân hoại
Tên “thân” cũng diệt theo
Nói đời nay, đời sau
Tự làm tự thọ quả

Vì trước sau sai khác
Vì tự nhân quả nhiếp
Tác giả cùng thọ giả
Đồng, dị không thể thuyết

Đạo “nhân” không thể dứt
Hòa hợp, tác dụng chuyển
Từ tự nhân sanh khởi
Và nhiếp thọ sở tác

Vui hý luận làm nhân
Hoặc nghiệp tịnh bất tịnh
Các chủng tử dị thực
Cùng quả ái phi ái

*Nương các chủng dị thực
Mà sanh khởi ngã kiến
Bên trong tự chứng biết
Không sắc không thể thấy*

*Phàm phu không hiểu biết
Chấp đây làm nội ngã
Vì ngã kiến làm nương
Khởi nhiều thứ vọng kiến*

*Chung vì chấp tự chủng
Vì trợ bạn tập trước
Vì thuận theo lắng nghe
Phát sanh nơi ngã kiến*

*Tham ái cùng với duyên
Mà sanh khởi nội ngã
Do nhiếp thọ hy vọng
Tập nhiễm theo bên ngoài*

*Thế gian thật đáng sợ
Ngu si nên giữ lâu
Trước khởi ái tàng rồi
Do đây hướng hý luận*

Chỗ ái tàng của kia
Hiền Thánh biết là khổ
Khổ bức bách kẻ ngu
Không sát-na tạm dừng

Bất bình đẳng cột tâm
Gom góp các khổ kia
Gom góp là kẻ ngu
Chấp ngã, duyên khổ vui

Những người ngu cố chấp
Như voi lún bùn sâu
Bởi si nên tăng thương
Hành khắp, gây tạo khắp

Đất chia nhiều dòng nước
Thế gian dòng nước dữ
Lửa, gió, mặt trời không làm kiệt
Chỉ trừ hành Chánh pháp

Nơi khổ chấp ngã thọ
Khổ lạc biết rõ khổ
Phân biệt đây khởi kiến
Từ kia sanh, sanh kia

Ý hằng thời nhiễm ô
Các hoặc đồng sanh diệt
Nếu giải thoát các hoặc
Không trước cũng không sau

Không phải kia sanh rồi
Sau ý tịnh mà sanh
Kia trước không nhiễm ô
Nói giải thoát các hoặc

Cái có nhiễm ô đó
Tánh rớt ráo thanh tịnh
Đã không có sở tịnh
Sao đặc có năng tịnh?

Vì các chủng tử diệt
Vì các phiền não tận
Tức nơi đây vô nhiễm
Hiện thị hai sai biệt

Vì tự nội sở chứng
Vì chỉ các khổ tận
Vì dứt hẳn hý luận
Tất cả không hý luận

*Chúng sanh gọi tương tục
Và trong tướng pháp tướng
Không sanh tử lưu chuyển
Cũng không Bát-niết-bàn.*

Trong đây nương theo thắng nghĩa vô ngã của bồ-đặc-già-la để tuyên nói về thắng nghĩa Già-tha.

Vì muốn đối trị hai biên chấp tăng ích và tổn giảm, ở nơi nhiếp thọ nói là chủ thể, ở nơi các nghiệp dụng nói là tác giả, ở nơi các quả báo nói là thọ giả. Nửa kệ tụng *Đều không có chủ thể; Và tác giả, thọ giả* như vậy, tức ngăn chặn trừ bỏ sự phân biệt của ngã đối với tự nghĩa.

Các pháp cũng vô dụng, tức là ngăn chặn trừ bỏ sự phân biệt của ngã đối với pháp. Do đây xa lìa biên chấp tăng ích.

Dụng chuyển chẳng phải không, hiển thị tánh của pháp là có. Do đây xa lìa kế chấp biên tổn giảm. Dụng có 3 chủng: 1. Dụng của chủ thể; 2. Dụng của tác giả; 3. Dụng của thọ giả. Nhân vì dụng đây mà giả lập chủ thể, tác giả và thọ giả.

Tuy nói các pháp, mà chưa tuyên thuyết những gì là pháp, nên kế đến tụng rằng: *Chỉ có mười hai chi... nửa kệ tụng*. Như thứ lớp hữu chi, các uẩn... lưu

chuyển. Đây hiển thị không nắm giữ nhiều loại ngã vi tế, liền năng đối trị chấp về chủ tế, tác giả và thọ giả. Nhãn sắc làm duyên, sanh quả là nhãn thức, không có người thọ riêng. Trong đây hiển thị tức mười tám giới nói là tánh thọ giả.

Tuy nói đây không chủ, nhưng chưa tuyên thuyết những gì là không có chủ. Vì muốn hiển thị điều này, nên kế lại nói: *Xét kỹ tất cả đây; Chúng sanh chẳng thể được*. Nói xét kỹ, tức là do nương ba lượng để quán sát hiển rõ điều kia. Chúng sanh nếu là không, sao nói kiến lập thành tựu trong ngoài? Để trả lời nghi vấn đây, kế đến thuyết rằng: *Ở trong và ở ngoài; Tất cả đây đều không*. Điều này hiển thị trong, ngoài chỉ là giả kiến lập.

Sao nói kiến lập thành tựu hai chủng là năng quán và sở quán? Đó là kế đến thuyết rằng: *Kẻ năng tu không đó; Cũng thường không sở hữu*.

Sao nói là kiến lập thành tựu hai chủng là thánh giả và dị sanh? Đó là kế thuyết rằng: *Ngã, ngã thật không có; Do điên đảo vọng chấp*. Đây hiển ngã của thánh giả và dị sanh quyết định không có tánh ngã chân thật, chỉ do điên đảo vọng kế chấp là có.

Sao nói kiến lập thành tựu kia đây? Đó là kế đến thuyết rằng: *Ngã, hữu tình đều không.*

Sao nói là kiến lập thành tựu nhiễm tịnh? Đó là kế thuyết rằng: *Chỉ có pháp hữu nhân.* Kẻ nhiễm kẻ tịnh đều không thể có được.

Tuy đã thuyết các pháp đều không có tác dụng, mà chưa tuyên thuyết vô dụng thế nào? Đó là kế đến thuyết rằng: *Các hành đều sát-na; Còn không trụ hướng dụng.* Như trước đã thuyết thì sự dụng chuyển chẳng phải không.

Sao nói là vô dụng mà có dụng chuyển? Đó là kế đến thuyết rằng: *Tức thuyết kia sanh khởi; Là dụng là tác giả.* Vì quả nên gọi là dụng, vì nhân nên gọi là tác giả. Kia sanh khởi, tức là hiển thị từ các xứ, các thức được sanh. Kia được sanh, vì không phải là nhân... mà kia được thành tựu.

Như trước đã thuyết các pháp vô dụng, ở đây lại hiển vô dụng lược có 7 chủng: 1. Không có dụng tác dụng, đó là mắt không thể thấy sắc...; 2. Không có dụng tùy chuyển, đó là không có khả năng giữ gìn và sai khiến; như thứ lớp ấy thì chủ thể, tác giả đều không có được, nên không có thể tùy chuyển động tác dụng; 3. Không có dụng sanh khác, tức là

pháp không thể sanh cái khác; 4. Không có dụng tự sanh, tức là cũng không thể tự sanh; 5. Không có dụng di chuyển, tức là các duyên có nên sanh, chẳng phải do cái cũ, cái mới, mới được có; 6. Không có dụng diệt khác, tức là pháp không thể diệt cái khác; 7. Không có dụng tự bị diệt, tức là cũng không thể tự diệt.

Hỏi: Như các duyên có nên sanh, vậy thì các duyên có nên diệt ư?

Đáp: *Các duyên có nên sanh; Sanh rồi tự nhiên diệt.* Như trước đã thuyết có pháp hữu nhân, muốn hiển thị người tại gia và người xuất gia có pháp có nhân tự tánh tạp nhiễm. Cho nên kể đến thuyết rằng: *Lấy hai phẩm làm nương; Liên khá đắc sanh đây.* Hai kệ tụng đây hiển thị có pháp có nhân vô minh, ái.

Kế tiếp năm kệ tụng sau, từ câu *Do các pháp có nhân* cho đến câu *Nhưng đâu có thể được*, hiển thị nhân và thời phần sở y sai khác của phẩm tạp nhiễm. Trong đây các pháp có nhân, đó là vô minh cho đến thọ. Các khổ có nhân, đó là ái cho đến lão tử. Lời đây hiển thị ba chủng tạp nhiễm là phiền não, nghiệp và sanh. *Vì hai hoặc căn bản*, hiển thị

phiền não tạp nhiễm. Duy giữ lấy phiền não tạp nhiễm tối thắng. Nhưng nói: *Không thể tự tác dụng...* lại riêng chú trọng hiển thị nghĩa nghiệp tạp nhiễm, vì chỗ tạo tác của kia có sự sai biệt, vì quả dị thực kia không thể nghĩ bàn. *Không thể tự tác dụng*, vì phải đợi sự trợ ban của thiện hoặc ác khác dẫn dắt. *Cũng không do người tạo*, vì phải đợi công dụng của tự mình mà được thành tựu trọn vẹn. *Không ngoài đây năng tạo*, vì cần yếu đợi nhân trước sanh sai biệt, mới có sở tác.

Trong kệ tụng: *Không trong cũng không ngoài...* tức là hiển thị nương vị lai không sanh tạp nhiễm, nương các hành hiện tại, quá khứ năng sanh tạp nhiễm. *Giả các hành đã sanh*, tức do tướng đây không có phân biệt, vì vị lai không có tướng, nên không phân biệt như đây như vậy, vì đương lai nhất định không thể biết. Nếu không đúng như vậy, phân biệt các loại khác nhau, hoặc thời có thể được. Nếu ở quá khứ, tức có thể phân biệt như đây như vậy, vì từng có tướng mạo có thể phân biệt, chẳng phải chỉ có *từng trải qua* mới có thể phân biệt. Chưa từng trải qua, tuy không phân biệt rõ ràng nắm giữ tướng mạo, nhưng tùy theo chủng loại cũng có thể phân

biệt. Đây hiển thị nương hành hiện tại, phân biệt làm nhân sanh các tạp nhiễm.

Hành tuy không đầu mối; Nhưng đầu có thể được, đây hiển thị thời phần tạp nhiễm sai biệt, vì từ thời vô thủy đến nay thường triển chuyển theo đuổi, vì sát-na sát-na mới sanh khởi. Từ đây về sau hiển phẩm thanh tịnh. Vì lúc như thật quán, đắc thanh tịnh; hoặc vì tự tướng, tức là quán sát như đồng bọt...; hoặc vì cộng tướng, tức là quán sở hữu cộng tướng của hữu vi đồng sanh, trụ, diệt; hoặc vì thế tục và thắng nghĩa đế, tức là *Tuy không có kẻ si; Chẳng phải không ngu si*. Vì thế tục đế do các duyên sanh nên thuyết ngu si năng si.

Lại nữa, hiển thị *chẳng phải kẻ không ngu*, mà khởi tư duy bất chánh. Cho nên kia là ngu si sở si. Lại do thế tục tuyên nói các thức theo đuổi các hành như phước... Nếu theo thắng nghĩa, thì không có sự theo đuổi.

Lại ba pháp nên biết tức là quá khứ, vị lai, hiện tại. Ba chủng nghiệp tức là nghiệp thân, khẩu... *Tất cả chẳng hòa hợp*, tức là vì xoay vần không hòa hợp. Sở dĩ vì sao? *Hiện tại chóng hoại diệt; Quá khứ không chỗ trụ; Vị lai nương các duyên; Nhưng*

tâm lại rong ruổi. Nếu kia cùng đây lại xoay vần tương ứng với nhau, như hành phước... nhưng không có sự hòa hợp. Đạo lý tâm tương ứng với kia cũng vậy. Như thế sao nói có thật tánh rong ruổi? Điều này thế nào? Đó là tâm cùng các hành kia hoặc tương ứng, hoặc không tương ứng. Không phải như đây với kia, hoặc có lúc không tương ứng, hoặc có lúc không phải không tương ứng. Lại chẳng phải tất cả tâm, hoặc tương ứng, hoặc không tương ứng. Như vậy nếu nương thắng nghĩa, tâm có thật tánh rong ruổi không thành tựu được. Cho nên, nay sẽ hiển thị nương thế tục mà nói sở hữu nhân duyên của tâm rong ruổi.

Nơi đây chảy không dứt, tức trong kệ tụng đây hiển thị thế tục đế, không phải không có tác dụng, cùng với tùy chuyển. Lại nương thắng nghĩa thì không có tác giả và thọ giả. Nương thế tục, nên được nói đến là tự tạo tác và tự thọ dụng.

Lại tác giả, thọ giả, hoặc là đồng, hoặc là khác đều không thể thuyết. Vì hiển nghĩa đây, nên kể đến nói kệ tụng: *Vì trước sau sai khác...* Như vậy vì thắng nghĩa thì không có chủ thể, tác giả, thọ giả, chỉ có nhân quả. Ở nơi tướng nhân quả, giải

thích thông suốt những nghi nan.

Tiếp theo năm kệ tụng sau, từ câu Đạo “nhân” không thể dứt cho đến câu Phát sanh nơi ngã kiến, hiển thị ở nơi đây khởi ngã chấp điên đảo.

Kệ tụng thứ nhất hiển thị tuy không có ngã mà có hậu hữu không bị tuyệt dứt. Lại các nhân quả, chẳng phải liền một lúc có, chẳng phải từ hết thấy tất cả được sanh. Lại con đường nhân đây không có tuyệt dứt được.

Trong bốn kệ tụng, như thứ lớp giải thích bốn điều nghi nan đây. Kệ tụng thứ hai hiển thị tướng nhân quả. Ba kệ tụng sau hiển thị ở trong các nhân quả, vô ngã mà khởi ngã điên đảo.

Trong bốn kệ tụng đây, hiển thị cảnh sở duyên của kia, chỗ y nương của kia, nhân của kia, quả của kia. Kệ tụng đầu hiển thị cảnh sở duyên kia. Tự bên trong sở chứng, bởi vô sắc khó thấy, khó có thể tầm tư, cho nên gọi là vô sắc. Kinh nói tướng sắc chính là vì tầm tư. Khó nói cho người, nên không thể thấy. Kệ tụng thứ hai, hiển thị chỗ y nương của kia và quả của kia. Phạm phu là chỗ nương, các kiến là quả. Kệ tụng thứ ba, hiển thị nhân kia đồng sanh ngã kiến, bởi sự sanh khởi của

kế chấp chung tự chủng tùy miên, các ngoại đạo... phân biệt ngã kiến; bởi sự sanh khởi của thói quen trước... Kiến chấp ngoại đạo đây chủ yếu vì lớp lớp tập quen, vì tư duy bất chánh, lại vì thuận theo người lắng nghe pháp bất chánh, mà được sanh trưởng. Trong đây hiển thị do các lỗi lầm của tác ý nương vào sở duyên, phân biệt ngã kiến mới được sanh khởi.

Kế đến năm kệ tụng sau, từ câu *Tham ái cùng với duyên* cho đến câu *Hành khắp, gây tạo khắp*, hiển thị ngã kiến của kia, do tập nên thứ lớp phát sanh khổ. Lại tức khổ đây cùng với ngã kiến là nhân duyên hai khổ. Lại năng chướng ngại đối với sự giải thoát.

Trong đây kệ tụng ban đầu hiển thị nơi nhóm tập. Kệ tụng thứ hai, thứ ba hiển thị A-lại-da thức mà hành khổ nhiếp lấy. Ái tàng đây rồi, lại hướng đến hý luận, đó là “Ta sẽ có, không phải sẽ có...”. Nói ái tàng, tức vì nhiếp làm thể của mình. Lại khổ đây ở tất cả thời hằng thường triển chuyển đuổi theo *không sát-na tạm dừng*. Kệ tụng thứ tư hiển thị khổ đây là năng kế chấp ngã và duyên khổ vui. Kệ tụng thứ năm hiển thị kế chấp ngã, vì

do ngu si nên chướng ngại sự giải thoát. Nói tăng thượng, tức là vì so với hai khổ khác. Nói hành khắp, tức là vì triển chuyển đuổi theo các thọ. Gây tạo khắp, tức là vì khắp thiện, ác, vô ký.

Kế đến hai kệ tụng sau, từ câu *Đất chia nhiều dòng nước* cho đến *Từ kia sanh, sanh kia*, hiển thị hành khổ mà A-lại-da thức nhiếp cộng với cái khác tương tự. Lại hiển một việc khác, chỉ hành theo chánh pháp mới làm cho tận dứt các dòng chảy rất bạo ác ở thế gian. Nói các dòng chảy, thí như sáu căn, năm thú, ba cõi. Nói hành pháp, hiển thị hiểu rõ giải thoát biến tri và phục biến tri. Hiểu rõ phục biến tri, tức là rõ biết khổ, cũng là rõ biết “ta thọ khổ, thọ lạc, đều nương nơi khổ”. Lại phân biệt đây, năng khởi các kiến. Từ kia được sanh, cũng năng sanh kia, đây hiển thị đã hiểu rõ phục biến tri.

Sáu kệ tụng còn lại, hiển thị hiểu rõ giải thoát biến tri, đó là *Ý hằng thời nhiễm ô; Các hoặc đồng sanh diệt; Nếu giải thoát các hoặc; Không trước cũng không sau*. Không phải trước, vì hằng luôn đồng sanh cùng các phiền não. Không phải sau, vì cùng hoặc kia đồng thời diệt. Lại hiển thị

tướng của giải thoát, đó là không phải kia sanh rồi, sau mới thanh tịnh, riêng có ý thanh tịnh khác sanh. Tức là kia từ trước đến nay vốn không nhiễm ô, nên gọi là giải thoát. Vì thành nghĩa đây, nên lại có lời tụng rằng: *Cái có nhiễm ô đó; Tánh rớt ráo thanh tịnh.*

Lại nữa, hiển thị 2 chủng giải thoát, đó là: giải thoát phiền não và giải thoát sự. *Vì các chủng tử diệt; Và các phiền não tận*, hai lời tụng này hiển thị giải thoát phiền não. *Tức nơi đây vô nhiễm*, hiển thị giải thoát sự. Như trong kinh nói: “Bí-sô nên biết, nếu ở mất tham dục đoạn hẳn, như vậy mất đây cũng sẽ vĩnh viễn đoạn dứt...” cho đến nói rộng.

Như vậy đã hiển thị hữu dư y giải thoát rồi, kế sẽ hiển thị vô dư y giải thoát. *Vì tự nội sở chứng*, hiển thị vì kia không thể nghĩ bàn. *Vì chỉ các khổ tận*, để khiến trừ hư vọng kế chấp, chỉ chấp tánh không. Như vậy nói hữu dư y vĩnh viễn tịch diệt. Nói là tịch diệt, chẳng phải hoàn toàn tánh không. Không hý luận, tức là tánh giải thoát này chỉ tự bên trong sở chứng, hoặc khác, không khác, chết rồi về sau sẽ có hoặc sẽ không... tất cả hý luận chẳng thể nói đến.

Vì hiển thị bổ-đặc-già-la và pháp đều không lưu chuyển sanh tử hoặc Bát-niết-bàn, cho nên lại tụng kệ rằng: *Chúng sanh gọi tương tục; Và trong tướng pháp tướng; Không sanh tử lưu chuyển; Cũng không Bát-Niết-bàn.*

2. Kiến lập ý thú nghĩa Già-tha:

Như kinh thuyết: “Một thời, Đại Phạm thiên vương Sách-Ha là chủ của thế giới, đi đến chỗ Đức Thế Tôn, đánh lễ chân Phật rồi lui ngồi một bên, dùng Già-tha vi diệu mà tán thán thỉnh cầu:

Nơi học đến cứu cánh
 Khéo đoạn các lưới nghi
 Nay thỉnh cầu việc học
 Vì tôi dạy tu học.

(Phật dạy:)

– Đại Tiên, khéo lắng nghe
 Học lược có ba chủng
 Tăng thượng giới, tâm, tuệ
 Nơi kia cần tu học.

Nên viên mãn sáu chi

*Thành tựu bốn lạc trú
Bốn, mỗi một bốn hành
Trí tuệ thường thanh tịnh*

*Đâu khéo trụ căn bản
Kế tâm vui tịch tĩnh
Sau thánh kiến, ác kiến
Tương ứng, không tương ứng*

*Trước tịnh, lạc tĩnh lự
Cùng nơi để thiện xảo
Tức ở trong các đế
Nên sanh, xa, tăng trưởng*

*Ở trong các học xứ
Có bốn cõi, ba xứ
Hai cõi nên xa lìa
Hai cõi nên chứng đắc*

*Hai an trụ hai chủng
Một năng hướng Niết-bàn
Dần kế làm nhân duyên
Thuần tập mà tu tập*

Trước tiên lia làm ác
Rốt sau lạc thanh mẫn
Các học đây đứng đầu
Nơi học đây thông duệ

Do đây tu tịnh trí
Tịnh sanh, lạc thanh mẫn
Các học đây là giữa
Nơi học đây thông duệ

Từ đây tâm giải thoát
Diệt hẳn các hý luận
Các học đây là trên
Nơi học đây thông duệ

Nếu hành hướng bất tịnh
Cũng hướng nơi thiện thú
Hành đây nói là đầu
Nên biết đây chẳng cùng

Nếu hành hướng thanh tịnh
Chẳng phải cỡi cứu cánh
Hành đây nói là giữa
Nên biết cũng chẳng cùng

Nếu hành hướng thanh tịnh
Ở các cõi cứu cánh
Hành đây nói là trên
Nên biết đây tất cùng

Hoặc hữu học, vô học
Nên biết đều thông duệ
Hoặc hữu học, vô học
Nên biết đều ngu phu

Nếu xả bỏ nhiếp thọ
Cũng đoạn trừ thô trọng
Cùng hiện kiến sở tri
Tức thọ trì ba học

Hoặc có duyên, không duyên
Cũng hiển hiện thô, tế
Do thọ trì xa lìa
Phát lời ngộ dẫn dắt

Học đầu chỉ có một
Học thứ hai hai chủng
Học thứ ba đủ ba
Người tuệ đều vượt qua

*Không hủy hoại Thi-la
Nơi học, nguyện năng thuận
Không chê bần quĩ phạm
Ở năm xứ, xa lìa*

*Nếu xuất ly không phạm
Không làm ác, làm ác
Nơi học kia tâm cầu
Cùng siêng tu hạnh kia*

*Trọn không có xả bỏ
Mạng khó cũng không tổn
Thường trụ trong chánh hạnh
Thuận Tỳ-nại-da chuyển*

*Nguyện tu trị làm đầu
Cũng tu trị tịnh mạng
Đều xa lìa hai biên
Cũng xả bỏ tà nguyện*

*Nơi các pháp chương ngại
Trọn không lòng đấm nhiễm
Loạn tâm pháp mới sanh
Tâm phải chóng xa lìa*

*Không chìm quá, nổi quá
Hằng khéo trụ chánh niệm
Căn bản quyến thuộc tịnh
Mà tu hành phạm hạnh*

*Cần phát siêng tinh tấn
Thường kiên cố dũng mãnh
Hằng tu không phóng dật
Khéo an trụ năm chi*

*Giấu điều thiện của mình
Cũng phát lộ các ác
Được các y phục thấy
Xấu đẹp đều hoan hỷ*

*Ít thuận với việc đời
Thô xấu cũng tùy chuyển
Thọ công đức Đâu-đà
Là tịch lià phiền não*

*Phải đầy đủ oai nghi
Nên lượng mà nhiếp thọ
Trọn không có hành động
Trá hiện tướng oai nghi*

*Không tự khoe thật đức
Cũng chẳng khiến người khen
Tuy có sự mong cầu
Mà chẳng hiện dị tướng*

*Câu xin từ nơi người
Trọn không cưỡng bức não
Như pháp mà thu được
Được rồi không khinh chê*

*Không tham đắm lợi dưỡng
Cùng mong người cung kính
Cũng không chấp các kiến
Tăng ích và tổn giảm*

*Không thuận theo thế gian
Văn, chú thuật vô nghĩa
Cũng chẳng vui tích chứa
Nhiều y, bát vô nghĩa*

*Sợ thêm lớn phiền não
Không tập nhiễm cư gia
Vì tịnh tu trí tuệ
Nên thân cận Hiền Thánh*

*Không nuôi chứa bạn bè
Sợ ưu bỉ phát loạn
Hay sanh khổ phiền não
Mới phát, tâm xa lìa*

*Không thọ nơi tín thí
Sợ ung nhọt gia hại
Nơi chánh pháp Như Lai
Từng không có xả bỏ*

*Đối người trong tiếm phạm
An vui không gây tạo
Thường xét lỗi lầm mình
Biết rồi sớm phát lồ*

*Nếu phạm điều ngăn cấm
Phải như pháp ra khỏi
Trong công việc nên làm
Năng đồng mãnh tự làm*

*Nơi Phật và đệ tử
Oai đức cùng ngôn giáo
Tất cả đều tín thọ
Thấy tội lớn không chê*

Nơi pháp thật thâm sâu
Chỗ không thể suy lường
Năng xả ý thầy trước
Không chấp chặt tự kiến

Thường vui sống xa lìa
Cùng biên tế ngoại cụ
Hằng tu tập thiện pháp
Bền tinh tấn dững mãi

Không có dục, sanh dục
Không oán ghét, oán ghét
Lìa thù miên, thù miên
Lúc không ở tịch tĩnh

Lìa làm ác, làm ác
Không lo toan, lo toan
Hằng thời tất cả chúng
Thành tựu chánh phương tiện

Dẫn phát cùng giác ngộ
Và sở kết hòa hợp
Có tướng, hoặc gần gũi
Cũng nhiều chúng hỷ lạc

*Xâm bức, cực gần gũi
Gọi phân biệt hư vọng
Hay sanh nơi dục tham
Người trí phải xa lìa*

*Các dục khiến không no
Chúng nhiều sự cộng hữu
Là nhân duyên phi pháp
Hay tăng trưởng tham ái*

*Hiền Thánh nên xa lìa
Chóng hướng đến hoại diệt
Vin dựa nơi các duyên
Lỗi nguy do nương tựa*

*Các dục như xương khô
Cũng như đồng thối bầm
Tợ như bó thuốc cỏ
Giống như hầm lửa lớn*

*Ví như loài rắn độc
Cũng như thấy chiêm bao
Như mượn vật trang sức
Như cây ngay quả chín*

*Biết các dục như vậy
Đều không nên say đắm
Phải lắng nghe chánh pháp
Thường tư duy tu tập*

*Trước quán thấy thô tĩnh
Kế nhất hướng tu tập
Xả phiền não thô trọng
Nơi đoạn, sanh hân lạc*

*Nơi các tướng, quán sát
Đắc gia hạnh cứu cánh
Năng lìa dục Dục giới
Và lìa dục Sắc giới*

*Nhập hiện quán chân đế
Năng lìa tất cả dục
Hiện pháp chứng Niết-bàn
Cùng vĩnh tận dư y.*

*Nơi học đến cứu cánh; Khéo đoạn các lưới
nghĩ; Nay thỉnh cầu sở học; Vì tôi dạy tu học.
Trong kệ tụng này, Đại Phạm thiên vương trước*

tiên tán thán Đức Thế Tôn, sau Ngài mới phát lời thưa thỉnh. Tán thán Đức Thế Tôn, tức là nơi tất cả sở học đã đạt cứu cánh bậc nhất, đây nương đức bất cộng, hạnh tự lợi viên mãn mà nói. Lại năng khéo đoạn trừ tất cả lưới nghi sanh khởi, đây nương đức bất cộng, hạnh lợi tha viên mãn mà nói. Mới phát lời thỉnh hỏi: Những gì là học? Học có bao nhiêu chủng? Tại sao cần phải tu học học xứ kia? Đức Thế Tôn ý muốn khích lệ sách tấn chúng sanh giải đãi, sợ hãi đối với sự thực hành pháp quá nhiều, nên nhiếp chung tất cả chỉ có ba học.

Kế đến dạy rằng: *Đại Tiên khéo lắng nghe; Học lược có ba chủng; Tăng thượng giới, tâm, tuệ; Nơi kia phải tu học.* Trong đây hiển thị nương giới, tâm và tuệ. Nếu người tán loạn, vì khiến không tán loạn, nên phương tiện vì kia thuyết tăng thượng giới học. Người tâm chưa định, vì khiến tâm được định, nên phương tiện vì kia thuyết tăng thượng tâm học. Người tâm đã được định mà chưa giải thoát, vì khiến giải thoát, nên phương tiện vì kia thuyết tăng thượng tuệ học. Do nhân duyên đây, tất cả sự thực hành của các bậc tu hành đều đạt đến rốt ráo. Đây hiển thị Đức Thế Tôn mật ý

tuyên thuyết: *Tất cả các học không gì chẳng nhiếp trong ba học này.*

Lại hiển thị ở trong các học, vì nương phương tiện đây, nên sở học được thành tựu trọn vẹn. Cho nên kể đến thuyết rằng: *Nên viên mãn sáu chi; Thành tựu bốn lạc trú; Bốn, mỗi một bốn hành; Trí tuệ thường thanh tịnh.*

Trong kệ tụng đây, theo thứ lớp hiển thị phương tiện thành tựu trọn vẹn ba học. *Nên viên mãn sáu chi*, tức nên nương vào phương tiện tăng thượng giới học mà tu học. Những gì là 6 chi? 1. An trụ Thi-la thanh tịnh; 2. Giữ gìn phòng hộ Biệt giải thoát luật nghi; 3. Viên mãn quỹ tắc; 4. Viên mãn sở hành; 5. Đối với các tội nhỏ, cảm thấy hãi sợ lớn; 6. Thọ học học xứ.

Sáu chi như vậy hiển thị 4 chủng Thi-la thanh tịnh. An trụ Thi-la thanh tịnh là chỗ nương căn bản. Giữ gìn phòng hộ Biệt giải thoát luật nghi, hiển thị sự xuất ly Thi-la thanh tịnh, tức vì cầu giải thoát mà xuất ly. Quỹ tắc và sở hành đều viên mãn, hai đây hiển thị không chê hủy Thi-la thanh tịnh. Đối với các tội nhỏ cảm thấy hãi sợ lớn, hiển thị không khuyết phạm Thi-la thanh tịnh. Thọ học học

xứ, hiển thị Thi-la thanh tịnh không điên đảo. Như vậy vì tăng thượng giới học làm chỗ y nương các phương tiện khác, nên sáu chi cực viên mãn.

Thành tựu bốn lạc trú, hiển thị phương tiện tăng thượng tâm học. Bốn chủng tĩnh lự gọi là bốn tâm trú, vì hiện pháp lạc trú nên gọi là lạc. *Bốn, mỗi một bốn hành; Trí tuệ thường thanh tịnh*, đây nương tăng thượng tuệ học mà thuyết. Ở trong bốn thánh đế là khổ, tập, diệt, đạo, mỗi một đế đều có bốn hành, tức vô thường.. tăng thượng tuệ học, vì là chỗ hiển của trí thanh tịnh này.

Đầu khéo trụ căn bản; Kế tâm lạc tịch tĩnh; Sau thánh kiến, ác kiến; Tương ưng, không tương ưng. Kệ tụng đây hiển thị thứ lớp sanh khởi ba tăng thượng học. Căn bản, tức là tăng thượng giới, vì hai chủng sau từ pháp học đầu tiên mà được lưu xuất. Đã đầy đủ Thi-la, thứ lớp tu tập vô hối... năng đắc tâm lạc định tĩnh của học thứ hai. Tâm đắc định, đó là vì thấy như thật, nên năng đắc học thứ ba, thành tựu thánh kiến, xa lìa ác kiến.

Trước tịnh, lạc tĩnh lự; Cùng với đế thiện xảo; Tức ở trong các đế; Nên sanh, xa, tăng trưởng. Kệ tụng đây hiển thị thứ lớp ba học thanh tịnh có sự

khác nhau. Trước tịnh là học đầu tiên. Lạc tĩnh lự là học thứ hai. Nơi để thiện xảo là học thứ ba. Lại ở trong để thiện xảo như vậy, nên sanh đó là đạo đế, vì nên sanh khởi; nên xa đó là khổ, tập đế, vì nên xa lìa; nên tăng trưởng đó là diệt đế, thứ lớp phiền não phẩm hạ, trung, thượng, lớp lớp dần dần được đoạn dứt, vì tăng trưởng diệt vậy.

Ở trong các học xứ; Có bốn cõi ba xứ; Hai cõi nên xa lìa; Hai cõi nên chứng đắc. Kệ tụng đây hiển thị ở nơi học xứ tăng thượng giới, tâm, tuệ, do sự tư duy học tập có thành tựu, có thất bại, nên tùy theo chỗ thích hợp mà chiêu cảm quả báo ở bốn cõi sai khác. Đó là sở hữu cõi thiện nhiếp thuộc người, trời Dục giới, là quả có được do sự thành tựu tăng thượng giới học. Sở hữu cõi ác nhiếp thuộc các cõi khác ở Dục giới, gọi là quả có được do sự thất bại của tăng thượng giới. Sở hữu cõi thượng nhiếp thuộc cõi trời Sắc giới và Vô sắc giới, gọi là quả có được của tăng thượng tâm. Cõi Niết-bàn không nhiếp thuộc ba cõi, thì gọi là quả có được của tăng thượng tuệ. Trong các cõi như vậy, nên xa lìa hai cõi trước là cõi thiện và cõi ác; nên chứng hai cõi sau là cõi thượng và cõi Niết-bàn. Lời đây hiển thị

chỗ đặc của hai đạo thế gian và xuất thế gian.

Hai an trụ hai chủng; Một năng hướng Niết-bàn; Dân kế là nhân duyên; Thuần tạp mà tu tập.
 Ở trong kệ tụng đây hiển thị đầu tiên là tăng thượng giới học, tăng thượng tâm. Kế đến tăng thượng tâm học năng làm nhân duyên khiến an trụ tăng thượng tuệ học. Hiển thị ở khoảng trung gian, tăng thượng tuệ tịch tĩnh, tăng thượng giới học được luật nghi bảo hộ, năng làm nhân duyên khiến an trụ hai chủng. Hiển thị tối thượng có một chủng, năng làm nhân duyên an trụ Niết-bàn. Nên biết trong đây hiển thị tu tập, tùy chỗ thích hợp hoặc riêng hoặc chung.

Trước tiên là làm ác; Rốt sau lạc thành mãn; Các học đây đứng đầu; Nơi học đây thông duệ. Kệ tụng đây hiển thị do tăng thượng giới học, dụng vô hối... dần dần thứ lớp tu tập là nhân chuyển về sau.

Do đây tu tịnh trí; Tịnh sanh, lạc trọn đủ; Các học đây là giữa; Nơi học đây thông duệ. Kệ tụng đây hiển thị do tăng thượng tâm học, tu thành tựu trí tuệ, thiện căn tối thắng dần dần thứ lớp sanh, làm nhân học tối thượng.

Từ tâm đây giải thoát; Diệt hẳn các hý luận;

Các học đây là trên; Nơi học đây thông duệ. Kệ tụng đây hiển thị do tăng thượng tuệ học, năng là nhân cho quả Niết-bàn tối thắng.

Nếu hành hướng bất tịnh; Cũng hướng nơi thiện thú; Nói hành đây làm đầu; Nên biết đây chẳng cùng. Kệ tụng đây hiển thị tăng thượng giới học. Nếu hủy phạm, là nhân ác thú. Nếu có thể thực hành, là nhân thiện thú. Đây thì không cùng chung, vì lìa hai học sau cũng có thể thành tựu.

Nếu hành hướng thanh tịnh; Chẳng các thú cứu cánh; Hành đây nói là giữa; Nên biết cũng chẳng cùng. Kệ tụng đây hiển thị ở khoảng giữa học hạnh ly dục Dục giới, vì đặc thanh tịnh, gọi là hướng thanh tịnh. Nhưng chưa thể tận dứt xa lìa dục cõi trên, cũng chưa vĩnh viễn nhổ bật tùy miên của dục, nên không được gọi là ở trong các cõi đặc cứu cánh thanh tịnh. Đây không lìa loại trước, nhưng lìa tối thượng cũng có thể thành tựu trọn vẹn, cho nên gọi là không cùng chung.

Nếu hành hướng thanh tịnh; Ở các thú cứu cánh; Hành đây nói là trên; Nên biết đây tất cùng. Kệ tụng đây hiển thị học hạnh tối thượng, vì đối với các dục ba cõi đều xa lìa, vì cũng năng vĩnh

viên trừ bỏ tùy miên của đục trong các cõi thật là rốt ráo. Vì chẳng thể lìa hai chủng học trước để riêng thành tựu trọn vẹn, nên gọi là tất cùng chung.

Hoặc hữu học vô học; Nên biết đều thông tuệ. Nửa kệ tụng đầu hiển thị tướng người hiểu biết ba học sâu xa thông suốt, vì chỉ có chánh học, vì không tà học. *Hoặc hữu học vô học; Nên biết đều ngu phu.* Nửa kệ tụng sau hiển thị tướng của ngu phu ở trong ba học, vì có tà học, vì không chánh học.

Hoặc xả bỏ nhiếp thọ; Cũng đoạn trừ thô trọng; Và hiện kiến sở tri; Tức thọ trì ba học. Kệ tụng đây hiển thị hoặc vì năng xả bỏ sự nhiếp thọ gia đình thân thuộc... hoặc vì năng đoạn trừ các chướng thô trọng tam-ma-địa, hoặc năng hiện kiến tướng lý sở tri của bốn thánh đế, nên ba học thứ lớp thành tựu viên mãn.

Hoặc có duyên, không duyên; Cùng hiển hiện tế thô. Nửa kệ tụng đầu hiển hai học sau và học đầu tiên, như thứ lớp ấy có duyên, không duyên, tế, thô sai khác. *Do thọ trì xa lìa; Phát lời ngộ dẫn dắt.* Nửa kệ tụng sau hiển thị đầu, giữa và sau, như thứ lớp ấy nói về nhân duyên dẫn phát. Tức là vì nguyện dẫn dắt, vì thâm tâm xa lìa dẫn dắt, vì từ

người được nghe, bên trong chánh tư duy dẫn dắt.

Học đầu chỉ có một; Học thứ hai hai chủng; Học thứ ba đủ ba; Người tuệ đều vượt qua. Kệ tụng đây hiển thị học ban đầu không cùng chung với học khác. Học giữa không lìa học đầu. Học cuối không lìa hai học trước. Siêu vượt tất cả kia, nên biết vô học là bậc A-la-hán.

Không hủy hoại Thi-la; Nơi học nguyện năng thuận; Không chê bàn quỹ phạm; Nơi năm xứ, xa lìa. Kệ tụng đây hiển thị thọ trì tướng giới, không hủy hoại Thi-la. Nơi học, tức là an trụ tịnh giới. Nguyện năng thuận, tức là thủ hộ Biệt giải thoát luật nghi. Không chê bàn quỹ phạm, tức là không phạm quỹ tắc. Ở năm xứ, xa lìa, tức là sở hành không phạm. Lược có 5 chỗ mà các Bí-sô không nên đi đến, đó là: cung vua, nhà đồ tể, nhà bán rượu, nhà ca kỹ, nhà chiêm-dà-la và yết-si-na. Nhà đồ tể là nhà giết mổ, do truyền bá khắp sự giết mổ nên thành tội cực trọng, tạo nhiều ác nghiệp giết hại.

Nếu xuất ly không phạm; Không làm ác, làm ác. Nửa kệ tụng đây hiển thị ở nơi các tội nhỏ thấy hãi sợ lớn. Đối với việc xuất ly cũng không làm ác. Đối với việc làm ác cũng không phạm. *Nơi học kia*

tâm cầu; Cùng siêng tu hạnh kia. Nửa kệ tụng đây hiển thị thọ học học xứ.

Trọn không có xả bỏ; Mạng khó cũng không tổn; Thường trụ trong chánh hạnh; Thuận Tỳ-nại-da chuyển. Kệ tụng đây bốn câu thứ lớp hiển thị tánh thường hành giới, tánh giới kiên cố, tánh hằng thực hành, tánh hằng tùy chuyển.

Nguyện tu trị làm đầu; Cũng tu trị tịnh mạng. Nửa kệ tụng đầu hiển thị quỹ phạm và mạng thanh tịnh. Do nương theo các quỹ phạm, trước phát thệ nguyện, sau mới tu hành, cho nên gọi là nguyện. *Đều xa lìa hai biên; Cũng xả bỏ tà nguyện.* Nửa kệ tụng sau hiển thị xa lìa hai biên là biên vui muốn thọ dụng tự khổ hạnh và xả bỏ tà nguyện sanh lên cõi trời, nên Thi-la được thanh tịnh.

Nơi các pháp chướng ngại; Trọn không lòng đắm nhiễm; Loạn tâm pháp mới sanh; Tìm, phải chóng xa lìa. Kệ tụng đây hiển thị đối với việc không thủ hộ căn môn và chướng ngại trong pháp học thanh tịnh, không cho là công đức và không đắm nhiễm. Ở nơi các pháp bất thiện như tâm, dục, khuể... nhiều loạn ý, nếu tạm thời sanh, liền trừ khiến, khiến sự học được thanh tịnh.

Không chìm quá, nổi quá; Hăng khéo trụ chánh niệm; Căn bản quyển thuộc tịnh; Mà tu hành phạm hạnh. Kệ tụng đây hiển thị vì xa lìa việc làm ác hèn hạ, vì xa lìa làm ác phi xứ, vì xa lìa sự thất niệm, ở thời phương tiện và thời cứu cánh, tu hành phạm hạnh đều được thanh tịnh.



Quyển 17

Thứ 11. TỬ SỞ THÀNH ĐỊA

Phần 2

Cần phát siêng tinh tấn; Thường kiên cố dũng mãnh; Hằng tu chẳng phóng dật; Khéo an trụ năm chi. Kệ tụng đây hiển thị vì mặc giáp phương tiện, tinh tấn không thối chuyển, vì tu tập năm chi không phóng dật, cho nên sự tu học đạt đến thanh tịnh thù thắng. Năm chi không phóng dật, tức là các sự tạo tác trước kia cùng với sự thực hành ở quá khứ, vị lai, hiện tại.

Giấu điều thiện của mình; Cũng phát lộ các ác; Được các y phục thầy; Xấu đẹp đều hoan hỷ; Ít thuận với việc đời; Thô xấu cũng tùy chuyển; Thọ công đức Đâu-đà; Là tịch là phiền nã. Trong hai kệ tụng đây hiển thị vì xa lìa nhân quyến thuộc, tham muốn, nhiều muốn không biết đủ, và vì xa lìa nhân muốn nhiều không biết đủ chướng ngại sự học thanh tịnh, cho nên sự tu học được thanh tịnh.

Phải đầy đủ oai nghi; Nên lượng mà nhiếp

thọ; Trợn không có hành động; Trá hiện tướng oai nghi. Kệ tụng đây hiển thị vì đầy đủ oai nghi, vì không đối trước người đối trá hiện tướng, vì nhiếp thọ vật khéo biết lượng, vì tu phạm hạnh, gìn giữ thọ mạng mà có sự thọ lãnh. Do đây sự học được thanh tịnh.

Không tự khoe thật đức; Cũng chẳng khiến người khen; Tuy có sự mong cầu; Mà chẳng hiện dị tướng; Cầu xin từ nơi người; Trợn không cưỡng bức nã; Như pháp mà thu được; Được rồi không khinh chê. Trong hai kệ tụng đây hiển thị vì xa lìa các việc như nói lời thêu dệt, hiện tướng đối trá, dùng uy thế để bức bách, đem chỗ lợi đã được chiêu lấy lợi; do đây sự tu học triển chuyển thanh tịnh thù thắng.

Không tham đắm lợi dưỡng; Cùng mong người cung kính; Cũng không chấp các kiến; Tăng ích và tổn giảm. Kệ tụng đây hiển thị vì không đắm trước lợi dưỡng cung kính, vì không chấp trước năm chủng ác kiến, nên khiến sự tu học triển chuyển thanh tịnh thù thắng.

Không thuận theo thế gian; Văn chú thuật vô nghĩa; Cũng chẳng vui tích chứa; Nhiều y, bát vô

ngĩa. Kệ tụng đây hiển thị không chấp trước các nhân ác kiến tà luận của ngoại đạo, vì dụng đây sẽ năng chướng ngại trong việc giải thoát thủ uẩn. Sự chế tác các văn chú thuật của ngoại đạo gọi là thuận theo thế gian. Vì nhân tích chứa y bát thanh tịnh mà xa lìa nhân đấm trước lợi dưỡng cung kính, cho nên sự tu học được thanh tịnh.

Sợ thêm lớn phiền não; Không tập nhiễm cư gia; Vì tịnh tu trí tuệ; Nên thân cận Hiền Thánh. Kệ tụng đây hiển thị xa lìa nhân sở trị, vì thân cận nhân năng trị, khiến sự tu học được thanh tịnh.

Không nuôi chứa bạn bè; Sợ ưu bi phát loạn; Hay sanh khổ phiền não; Mới phát, tâm xa lìa. Kệ tụng đây hiển thị nếu gần gũi cuộc sống gia đình, khiến phát sanh ưu bi tán loạn, tăng trưởng các phiền não, năng làm nhân sanh các khổ. Vì gần gũi kia, năng sanh các khổ. Lúc phiền não mới sanh khởi, tầm liền trừ bỏ. Như vậy hiển thị nhân đối trị.

Không thọ nơi tín thí; Sợ ung nhọt gia hại; Đối chánh pháp Như Lai; Từng không có xả bỏ. Kệ tụng đây hiển thị không tham đấm lợi dưỡng cung kính, không chấp kiên cố các ác tà kiến, không hư

uổng thọ dụng của tín thí, không hủy báng chánh pháp. Cũng năng xa lìa tham trước các dục đời sau và năng xa lìa sanh khởi các nhân ác kiến. Do vậy sự tu học triển chuyển thanh tịnh thù thắng.

Đối người không tiếm phạm; An vui không gây tạo; Thường xét lỗi lầm mình; Biết rồi sớm phát lồ. Kệ tụng đây hiển thị xa lìa tác ý truy tìm lỗi lầm của người khác. Đối với các thiện pháp mình đã làm, không bị tán loạn, thường sanh hoan hỷ. Đối với lỗi lầm của mình, như thật rõ biết, phát lồ hối trừ, lìa tăng thượng mạn. Do nhân duyên đây, sự tu học được thanh tịnh.

Nếu phạm điều ngăn cấm; Phải như pháp ra khỏi; Trong công việc nên làm; Năng dũng mãnh tự làm. Kệ tụng đây hiển thị ra khỏi lỗi đã phạm và năng xa lìa tâm ham thích tham thọ người khác cung phụng hầu hạ. Do nhân duyên đây, sự học được thanh tịnh.

Đối Phật và đệ tử; Oai đức cùng ngôn giáo; Tất cả đều tin thọ; Thấy tội lớn chẳng chê. Kệ tụng đây hiển thị tín viên mãn, vì thấy tội lớn đối với việc phỉ báng, do đây sự tu học được thanh tịnh.

Nơi pháp thật thâm sâu; Chỗ không thể suy

lượng; Hay xả ý thầy trước; Không chấp chặt tự kiến. Kệ tụng đây hiển thị vì xa lìa chấp chặt kiến thủ của mình, nên học được thanh tịnh thù thắng.

Thường vui sống xa lìa; Cùng biên tế ngoại cụ; Hằng tu tập thiện pháp; Bền tinh tấn dũng mãnh. Kệ tụng đây hiển thị vì hoặc thân hoặc tâm đều xa lìa, vì tu tập thuận định, vì xa lìa tất cả tâm tư bất thiện, vì thuần tu các thiện pháp bạch tịnh, vì không bị trầm trạo của các tùy phiền não làm chướng ngại, vì năng khéo viên mãn chánh gia hạnh. Do đây phương tiện tăng thượng tâm học triển chuyển thù thắng.

Không có dục, sanh dục; Không oán ghét, oán ghét; Lìa thù miên, thù miên; Lúc không ở tịch tĩnh; Lìa ác tác, ác tác; Không lo toan, lo toan; Hằng thời tất cả chúng; Thành tựu chánh phương tiện. Trong hai kệ tụng đây hiển thị vì xa lìa tham dục, sân khuể, hôn trầm, thù miên, trạo cử, ác tác và nghi cái. Vì đối với các thiện pháp sanh khởi vui muốn, vì ở trong các dục rất nhàm chán. Vì tu gia hạnh phương tiện các phẩm thiện, có khả năng kham nhiệm. Vì tâm an tĩnh, nhưng có thói quen thù miên, hoặc tâm bị chìm đắm, hoặc tâm lo

toan, phải tác ý tư duy tướng tịnh diệu. Vì lúc du hành, không an trú trong chỗ yên tĩnh. Vì đối với lỗi phạm trước liền sanh ưu hối, đối với chỗ không phạm thì không ưu hối. Vì về sau sanh hy lự thù thắng. Vì phương tiện ân trọng, gián đoạn chân chánh. Do đây tăng thượng tâm học chuyển được thanh tịnh.

Dẫn phát cùng giác ngộ; Và sở kết hòa hợp; Có tướng, hoặc gần gũi; Cũng nhiều chủng hỷ lạc; Xâm búc, cực gần gũi; Gọi phân biệt hư vọng; Hay sanh nơi dục tham; Người trí phải xa lìa. Trong hai kệ tụng đây hiển thị tám chủng phân biệt hư vọng năng sanh sở hữu tham ái của sự dâm dục, từ phương tiện đầu tiên thứ lớp sanh khởi cho đến rốt ráo. Vì xa lìa các việc trên, nên sự tu học được thanh tịnh thù thắng.

Phân biệt dẫn phát, tức là sở hữu phân biệt đối với các sự khả ái, năng dẫn phát tâm tương ưng với tư duy bất chánh.

Phân biệt nhận biết, tức là ở trong các sự khả ái kia, phân biệt tương ưng với sự tham triền.

Phân biệt sở kết hòa hợp, tức là sở hữu phân biệt ở trong sự khả ái kia.

Phân biệt có tướng, tức là sở hữu phân biệt ở trong các sự khả ái kia, chấp thủ chủng chủng tướng trạng tịnh diệu.

Phân biệt gần gũi, tức là ở trong các sự việc khả ái mà mình đã được, sở hữu phân biệt tương ứng với sự phẩn khích.

Phân biệt vui thích, tức là sở hữu phân biệt ở trong các sự việc đã được kia, chủng chủng thọ dụng, mong muốn, yêu thích, chủng chủng môn chuyển.

Phân biệt xâm bức, tức là sở hữu phân biệt lúc hai căn giao hội. Phân biệt cực gần gũi, tức là sở hữu phân biệt lúc xuất bất tịnh.

Các dục khiến không no; Chúng nhiều sự cộng hữu; Là nhân duyên phi pháp; Hay tăng trưởng tham ái; Hiền Thánh nên xa lìa; Chóng hướng đến hoại diệt; Vin dựa nơi các duyên; Lỗi nguy do nương tựa. Trong hai kệ tụng đây hiển thị thứ lớp tám chủng quá hoạn của các dục ở hiện pháp, hậu pháp. Nếu năng quán thấy, tức có phương tiện đoạn trừ dục ái.

Các dục như xương khô; Cũng như đồng thít bằm; Tợ như bó đuốc cỏ; Giống như hầm lửa lớn;

*Vì như loài rắn độc; Cũng như thấy chiêm bao;
Như mượn vật trang sức; Như cây ngay quả chín;
Biết các đục như vậy; Điều không nên say đắm.*
Trong đây rộng dẫn như trước đã thuyết, các đục khiến không no... ở trong các đục có tám chủng quá hoạn. Tất cả thế gian hợp thành thí dụ, hiển thị quá hoạn của các đục rất sâu nặng.

Lại vì hiển thị ở trong các đục có đầy đủ các quá hoạn phân minh rõ ràng như vậy, nào có bậc trí giả lại vui đắm với các đục kia?

Lại các đục kia vì như xương khô, nên khiến không no đủ; vì như đóng thịt bầm, nên mọi người đều có; vì giống như bó thuốc cỏ đang cháy, cực thiêu nã, nên là nhân duyên phi pháp; vì như hầm lửa lớn, sanh khát ái, nên tăng trưởng tham ái; vì như rắn độc, nên Hiền Thánh xa lìa; vì như thấy chiêm bao, nên mau chóng hoại diệt; vì như giả mượn đủ các thứ để trang sức, nên vin dựa các duyên; vì như cây cao quả chín thối rữa, nên là chỗ cho nguy vong phóng dật nương tựa.

*Phải lắng nghe chánh pháp; Thường tư duy,
tu tập; Trước quán thấy thô tịnh; Kế nhất hướng tu
tập; Xả phiền não thô trọng; Nơi đoạn, sanh hân*

lạc; Nơi các tướng, quán sát; Đắc gia hạnh cứu cánh; Năng lìa dục Dục giới; Và lìa dục Sắc giới; Nhập hiện quán chân đế; Năng lìa tất cả dục; Hiện pháp chứng Niết-bàn; Cùng vĩnh tận dư y. Trong đây hiển thị do nương bảy chủng tác ý là liễu tướng... nên đạo thế gian và xuất thế gian đều được thanh tịnh, chứng hai quả Niết-bàn là Hữu dư y và Vô dư y. Do đây tăng thượng tuệ học đắc cứu cánh thanh tịnh.

Lắng nghe chánh pháp, thường tư duy, hiển thị tác ý liễu tướng.

Thường tu tập, hiển thị tác ý thắng giải.

Vì phát khởi thắng giải mà tu tập, trước quán thấy thô tĩn, hiển thị tác ý viễn ly.

Một hướng tu tập... hiển thị tác ý nhiếp lạc.

Ở nơi các tướng quan sát, hiển thị tác ý quán sát.

Gia hạnh cứu cánh, hiển thị tác ý gia hạnh cứu cánh.

Năng lìa dục Dục giới và lìa dục Sắc giới, nhập chân đế hiện quán, năng lìa tất cả dục... hiển thị tác ý quả gia hạnh cứu cánh thế gian, xuất thế gian.

3. Kiến lập thể nghĩa Già-tha:

Như tụng nói:

*Nơi các sở hữu thân, ngữ, ý,
Chớ làm tất cả ác thế gian
Do niệm chánh tri lìa các dục
Chớ gần năng dẫn khổ vô nghĩa.*

Nay trong kệ tụng đây, từ ác tức là các ác hạnh. Nơi tất cả chủng, tất cả nhân duyên, tất cả nơi chốn, sở hữu các ác hạnh đều không nên làm.

Sao nói là ở tất cả chủng, không làm ác? Vì thân ngữ ý không gây tạo các việc ác.

Sao nói là ở tất cả nhân duyên, không làm ác? Vì trọn không gây tạo các ác do tham sân si sanh khởi.

Sao nói là ở tất cả nơi chốn, không làm ác? Vì nương vào sự việc của các hữu tình và sự việc của phi hữu tình, mà không gây tạo các việc ác.

Sao nói là do niệm chánh tri, xa lìa các dục? Đó là đoạn trừ sự dục và đoạn trừ phiền não dục.

- Đoạn trừ sự dục: Như có một người ở trong chánh pháp Tỳ-nại-da sở chứng của chư Như Lai, được tín thanh tịnh, rõ biết cuộc sống gia đình bức

bách giống như lao ngục, nên suy nghĩ cầu việc xuất ly. Nói rộng cho đến do tâm chánh tín, nên xả bỏ xa lìa pháp tại gia, thú nhập pháp xuất gia, nhưng đối với dục tham vẫn còn chưa lìa hẳn. Như vậy gọi là đoạn trừ sự dục.

- Đoạn trừ phiền não dục: Người kia đã xuất gia, vì muốn khiến dục tham được đoạn trừ không sót thừa, nên đi đến đồng hoang núi rừng, an cư ở bờ hoang vắng vẻ, hoặc an cư nơi a-lan-nhã, cho đến hoặc an cư ở tịnh thất không nhà. Nơi sự dục phát khởi tất cả dục phiền não, nhiếp lấy tham do phân biệt hư vọng sanh ra, vì đối trị tham kia nên tu bốn niệm trụ.

Hoặc lại ra khỏi những chốn ấy, sống gần tụ lạc thôn ấp thì khéo phòng hộ thân, khéo giữ gìn các căn, khéo trụ chánh niệm khi đi vào tụ lạc, hay từ thôn ấp trở về. Tất cả hành vi đến, đi, tiến, dừng hằng trụ chánh biết. Vì thoát khỏi sự ngủ nghỉ và các mỗi mệt, người kia ở trong bốn niệm trụ đây khéo an trú chánh niệm làm y chỉ. Vì muốn vĩnh viễn đoạn tùy miên của dục tham, nên tu tập đối trị.

Lại vì lấy trụ chánh biết làm y chỉ, xa lìa các

triền cái, thân tâm điều hòa khoan khoái, có chỗ kham năng phương tiện mạnh mẽ, tu đoạn tịch tĩnh.

Người kia vì niệm và chánh biết làm y chỉ như vậy, liền năng chứng đắc đoạn trừ phiền não dục, xa lìa các dục, cho đến an trụ đầy đủ ở sơ tĩnh lự. Như vậy đối với các biên hành thọ dụng dục lạc, các pháp dị sanh tánh cấu uế thấp kém, tức có khả năng hoặc đoạn, hoặc chánh biết.

Sao nói là dẫn khổ vô nghĩa? Như có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn tự hành khổ hạnh, ở trong hiện pháp dùng chủng chủng khổ để tự bức bách mình, thiêu não giáp khắp. Lại tự cho là “nay ta ở hiện pháp bị khổ sở bức não, phải giải thoát khỏi các khổ đây”. Tuy cầu mong việc đây mà lại tự hành hạ bức ngặt mình, cho nên đối với việc giải thoát khỏi khổ, kia trọn không thể thực hiện được, mà lại chiêu tập thêm khổ não lớn. Như vậy gọi là dẫn phát khổ vô nghĩa.

Các Thánh đệ tử năng khéo liễu tri đối với biên thọ dụng tự hành khổ hạnh, năng dẫn phát khổ vô nghĩa phi thánh như vậy, phải nhanh chóng tránh xa, không thân cận, không gần gũi cũng

không thừa sự.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã nói trên. Sao gọi là lược biện? Các hữu tình có 2 chủng viên mãn: 1. Tăng thượng sanh viên mãn; 2. Quyết định thù thắng viên mãn. Tăng thượng sanh viên mãn tức là đến cõi thiện. Quyết định thù thắng viên mãn tức là ái tận dứt, ly dục, tịch tịnh Niết-bàn. Ở nơi hai viên mãn đây và chướng ngại, năng chứng đắc, năng đoạn trừ. Đây gọi là nghĩa lược.

Hoặc ở tất cả chủng, tất cả nhân duyên, tất cả nơi chốn đều không làm ác hạnh. Do đây năng đoạn trừ các chướng ngại của tăng thượng sanh viên mãn, cũng năng chứng đắc tăng thượng sanh viên mãn.

Hoặc ở biên hành thọ dụng dục lạc và ở biên thọ dụng tự khổ hạnh, quyết định xa lìa. Do đây năng đoạn trừ các chướng ngại của quyết định thù thắng viên mãn, cũng năng chứng đắc quyết định thù thắng viên mãn. Nên biết đây gọi là lược nghĩa của phần này.

Tướng chúng sanh “nên nói”

Nương “nên nói” an trụ

*Không rõ biết “nên nói”
Nên chiêu tập sanh tử*

*Nếu rõ biết “nên nói”
Với người nói không lo
Do không có điều này,
Người không nên chê luận*

*Nếu so bằng, hơn, kém,
Kia liền nổi tranh luận
Ở ba chủng không động
Bằng, hơn, kém đều không*

*Đoạn danh sắc, ái, mạn,
Không trước khỏi tịch tĩnh
Không nào mong chẳng thấy
Đây kia cõi trời người.*

Trong bốn kệ tụng đây, kệ đầu nói *nên nói*, tức là tất cả pháp hữu vi. Sở dĩ vì sao? Các pháp hữu vi đều nhiếp thuộc ba chủng ngôn sự. Nay trong nghĩa đây nói năm diệu dục lấy làm *nên nói*.

Lại năm diệu dục đây, các Sa-môn hoặc Bà-la-môn dùng lời nói để cầu xin từ thí chủ, nên gọi là

nên nói. Lại ở nơi năm diệu dục, các vua dùng lời nói sai khiến người hầu hạ để thọ dục, do nhân duyên đây cũng gọi là nên nói.

Lại các kẻ thọ dục ở nơi năm diệu dục đây, không thể tự nhiên khéo biết quá hoạn của chúng. Chỉ trừ chư Phật và đệ tử Phật vì họ tuyên thuyết quá hoạn, kia mới đủ khả năng rõ biết. Do nhân duyên đây, cũng gọi là nên nói.

Các kẻ thọ dục ở trong các dục không chánh tư duy, mà lại giữ lấy tướng đây, cũng giữ lấy vị ngọt của nó. Do đó ở nơi dục kia bèn sanh ái nhiễm, thọ dụng, đắm thích, cho đến nắm giữ bền chắc. Lại ở nơi các dục mà không như thật biết có các quá hoạn, tức không biết các dục đây vô thường, hư ngụy, trống rỗng, không thật có, là pháp bại hoại. Giống như việc huyễn hóa làm cuồng loạn ngu phu, rất ít các ái vị, nhiều các quá hoạn. Cũng không như thật biết rõ các dục ít ái vị nhiều quá hoạn như vậy để mà ra khỏi. Nếu đối dục tham kia điều phục cho đến vượt qua, thì gọi là ra khỏi xa lìa. Nhưng các kẻ kia đã không thấy quá hoạn, không biết xuất ly, mà lại thọ dụng các dục. Do nhân duyên đây liền khởi sâu vui đắm đối với các sự

sanh, là sở hữu căn bản các hành ở Dục giới. Lại khi lấy sự tạo tác “sanh” làm sở hữu nghiệp căn bản rồi, thọ sanh ở Dục giới, sanh rồi chết đi, sanh rồi diệt mất.

Tưởng chúng sanh “nên nói”; Nương “nên nói” an trụ; Chẳng rõ biết “nên nói”; Nên chiêu tập sanh tử là nghĩa như vậy.

Nếu được gặp bậc Thiện sĩ, được nghe chánh pháp, như lý tác ý, thì ở nơi các dục như thật rõ biết ra khỏi quá hoạn của nó. Tức là thấy được các dục vô thường, hư ngụy, nói rộng cho đến vượt qua dục tham. Kia ở trong chánh pháp Tỳ-nại-da sở chứng của chư Như Lai, được tín thanh tịnh, nên đối với các dục thấy sâu quá hoạn. Lại triển chuyển tăng thêm, bèn năng xả bỏ xa lìa, hoặc ít hoặc nhiều, tài bảo kho tàng, quyến thuộc, tùy tùng.. Dụng tâm chánh tín, lìa bỏ pháp gia đình, hướng đến không nhà, vĩnh viễn diệt trừ tất cả chỗ gọi sanh, lão, bệnh, tử..

Như vậy xuất gia, không mong cầu gì, tu hành phạm hạnh. Người kia không khởi nguyện như: “Do sự trì giới tinh tấn tu hành phạm hạnh này, ta sẽ sanh thiên, hoặc một cõi trời nào khác”. Kia

không tà nguyện như vậy, nên tự mình không thấy, không sợ, không lo lắng trước sự bàn luận chê trách của người. Người khác cũng không nên chê trách, bàn luận oán đối trách cứ bảo rằng: “Hiền thủ! Ông nay vì sao đang lúc tuổi trẻ khỏe mạnh mà lại xả bỏ các diệu dục, chẳng theo ý nguyện của người thân, lại vọng cầu các dục đợi thời mà phát thế tu phạm hạnh?”. Vì vậy nên nói: *Nếu rõ biết “nên nói”; Đối người nói không lo; Do không có điều này; Người không nên chê trách.*

Đáy tức là thành tựu Thi-la thanh tịnh và kiến thanh tịnh. Vì cố sao? Do kiến điên đảo nên phát khởi mạn. Vì chấp giữ mạn nên cùng với Sa-môn, Bà-la-môn khác dấy khởi tranh luận. Do nhân duyên đây, nên nói *kiến là căn bản của sự tranh luận.*

Có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, nương kiến căn bản của sự tranh luận cho là bằng, hơn, kém, mà tâm hiện khởi cao cử. Y chỉ vào ba chủng mạn là “ta hơn, ta bằng, ta kém”, rồi lập mình là hơn, hoặc bằng, hoặc kém. Do nhân duyên đây, tiến đến chỗ cùng với Sa-môn, Bà-la-môn khác luân phiên tranh luận với nhau.

Nếu là bậc Thánh đệ tử thì không bị ngã, ngã sở, ngã mạn làm lay động, cho đến cũng không bị dấy động bởi tướng “ta chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng”. Liễu tri các hành đều là các duyên sanh, ở nơi các hành chỉ thấy là tánh pháp. Còn chẳng lấy mình là hơn, bằng, kém để so sánh đối với người, huống lại khởi kiến mạn mà nổi tranh luận!

Bậc Thánh đệ tử kia, tùy theo mỗi xứ khác nhau mà hiển dương tông mình, chiết phục luận người. Nhưng đối với các pháp chỉ thấy là pháp tánh, duyên nơi từ bi, đó là “ta phải làm thế nào để kia có thể lãnh hội một câu diệu nghĩa mà ta đã thuyết”. Người chánh tu hành như vậy như vậy, khiến đem dài thu được nghĩa lợi ích an lạc lớn, cũng khiến chánh pháp Như Lai cứu trụ. Không nương theo kiến, mạn và nhân duyên lợi dưỡng cung kính mà dấy khởi tranh luận. Cũng chẳng vì mong cầu các diệu dụng hiện pháp như vậy mà thệ tu phạm hạnh.

Do vị kia tu phạm hạnh như vậy, xa lìa tà nguyện và các tà kiến, xả bỏ tham cầu lợi dưỡng cung kính. Đối với tất cả chúng đều được thanh

tĩnh, oai quang rực rỡ, không đâu chẳng soi thấu. Chư thiên, loài người đều cùng xưng khen, không nên có sự chê trách luận bàn. Lại năng vượt qua sanh, lão, bệnh, tử. Như vậy nên nói: *Nếu so bằng, hơn, kém; Kia liền nổi tranh luận; Nơi ba chủng không động; Bằng, hơn, kém đều không.*

Nói danh sắc, tức là năm thủ uẩn. Nếu có người đối với năm thủ uẩn kia quán thấy là khổ, sẽ được hiện quán đế lý. Ở nơi năm thủ uẩn lúc đã tận thấy là khổ, thì ý vui thích đối với sở hữu tham ái của năm thủ uẩn đều được đoạn trừ, nhưng không phải tùy miên được đoạn. Nếu người kia như đạo đã chứng đắc lại triển chuyển nỗ lực tu tập, đoạn diệt không sót thừa ngã mạn, thành A-la-hán, các lậu vĩnh viễn tận. Do đã chứng đắc quả A-la-hán, tâm khéo giải thoát, liền đối với tự thân và các vật dụng của thân, triển và tùy miên thấy đều vĩnh viễn đoạn dứt, lìa ái, lìa kiêu, lìa các phóng dật. Vị kia lìa ái lìa kiêu lìa phóng dật như vậy, gọi là khổi tịch tĩnh, không có phiền não, cũng không có hy vọng.

Sao gọi là khổi tịch tĩnh? Khổi gọi là ái. Vì có sao? Như khổi ở thế gian là tướng trước tiên của

lửa, năng tổn hại căn mắt, khiến bị nhiễu loạn, không an ổn mà trụ. Ái cũng như vậy, là tướng trước tiên của lửa tham sân si, năng tổn hại mắt tuệ, khiến tâm tương tục bị nhiễu loạn, năng dẫn phát tâm tư vô nghĩa. Người kia ở nơi ái đây đã đoạn đã biết, cho đến khiến ái ấy ở đời đương lai thành pháp không sanh, nên gọi là khói tịch tĩnh. Kia đã đắc khói tịch tĩnh như vậy, nên xa lìa sự đấm trước. Tuy vẫn truy cầu đầy đủ các vật duyên nuôi mạng, không phải không truy cầu, nhưng năng giải thoát khỏi sự truy cầu tham ái, nên sự cầu không bị nhiễm ô.

Sao gọi là không phiền não? Khi người kia hiện tiền truy cầu như vậy, hoặc người tự thí, hoặc khuyến khích người khác thí. Khi thí ân trọng, không phải không ân trọng, thí tịnh mà không thô, thí nhiều mà không ít, thí nhanh mà không chậm; đối với những điều ấy đều không ái vị. Đối với vật đã được, thọ dụng không nhiễm trước, không sanh đấm trước keo lẩn cho đến chấp trước kiên cố. Như vậy khi thọ dụng các vật dụng nuôi thân, không bị sự tham não làm thiêu đốt não hại.

Nếu thí chủ kia không thể tự thí, hoặc ngăn

cản sự thí của người khác. Giả sử có vật thí mà khi thí không ân trọng, không biểu hiện ân trọng, cho đến thí chậm chạp mà không nhanh chóng, cũng không vì thế mà sanh hiềm hận. Do nhân duyên đây không sanh khuể não.

Lại đối với vật đã được, lúc thọ dụng không lo buồn, không nghĩ ngại, không tâm tổn hại và tâm sân khuể. Như vậy chẳng bị sự sân não làm thiêu đốt não hại.

Lại đối với vật đã được, hoặc tinh hoặc thô, lúc thọ dụng thấy sâu quá hoạn, khéo biết ra khỏi, an trụ chánh niệm, xa lìa ngu si. Như vậy không bị sự si não làm thiêu đốt não hại.

Sao gọi là không mong? Mong gọi là hy vọng, tâm bị hệ buộc. Có kẻ không hãi sợ, ôm lòng tham muốn đi đến nhà thế gian, đó là những nhà gia thế Sát-đế-lợi, hoặc nhà tôn quý hào phú Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ... Kia suy nghĩ: “Ta từ những chỗ kia sẽ thu được thức uống ăn thượng diệu, cho đến tài bảo, các tợ cụ, thuốc trị bệnh cùng tạp vật dùng để nuôi thân”. Đối với tài vật, truy cầu và thọ dụng như vậy đều không nên hy vọng.

Lại, người kia hằng thường an trụ tướng chết.

Đó là qua phần đêm lại vào phần ngày, qua phần ngày trở lại phần đêm, trong khoảng thời gian đó, ta có vô lượng nhân duyên có thể bị chết, như kinh đã rộng thuyết, như trúng gió cho đến bị phi nhân khủng bố. Do nhân duyên đây, những sự truy cầu, những sự thọ dụng cùng những tài vật có được, đối với thọ mạng đây cũng không hy vọng.

Như vậy vì không dám trước, khởi tịch tĩnh, không thiêu não, không hy vọng, nên ở trong trời, người, Đế thích, Tự tại thế chủ... đều chẳng thể thấy sở hữu nhân. Trong các nhân quả của trời, người, cũng không thể thấy. Lại ở bốn châu đây, trời người thế gian và các cõi khác đều không thể thấy. Lại ở thế giới đây, trời người thế gian và các cõi khác đều chẳng thể thấy. Như vậy nên nói: *Đoạn danh sắc, ái, mạn; Không trước khởi tịch tĩnh; Không não, mong, chẳng thấy; Đây kia cõi trời người.*

Lại nữa, trong kệ tụng thứ nhất hiển thị các dục đời thời thuộc dục tà hạnh và quả tà hạnh. Trong kệ tụng thứ hai hiển thị xả dục xứng với chánh đạo lý, tịnh tu phạm hạnh, nhưng bị chê trách luận bàn là không hợp đạo lý và dục đời

thời. Như kệ tụng thứ hai thì kệ tụng thứ ba cũng vậy. Trong kệ tụng thứ tư, Thế Tôn hiển thị pháp chúng đắc hiện tiền, mạnh mẽ xa lìa vĩnh viễn cho đến bậc trí giả tự bên trong chúng đắc.

Lại nữa, kệ tụng thứ nhất tuyên nói các dục đây là tướng nên nói, hiển thị dục đợi thời, do các dục kia chẳng phải lúc vừa cần đến tức liền được toại ý. Tóm yếu là dụng lời nói làm đầu, về sau mới truy cầu thọ dụng. Lại hiển thị đối với các dục, kia vì trụ nơi tướng không hiểu biết rõ ràng, nên phát khởi tà hạnh, cùng chiêu lấy quả báo tà hạnh trong sanh tử.

Kệ tụng thứ hai hiển thị vì năng rõ biết các dục, vì xa lìa tà nguyện, vì tịnh tu phạm hạnh, vì xa lìa tà kiến, vì xa lìa kiến, ngã mạn căn bản, vì xa lìa đấm trước lợi dưỡng cung kính, nên xả bỏ các dục, xứng hợp với chánh đạo lý. Do nhân duyên đây, sự chê trách luận bàn của người không hợp đạo lý. Lại hiển các dục đây là tánh đợi thời. Vì sao? Nếu có người ở đời trước không tạo phước, đời nay tuy có dụng công, nhưng với những việc họ vui thích cũng cảm quả không toại lòng. Hoặc chỉ làm phước ở đời hiện tại, thì ngay trong đời này, đối

với những việc mà họ vui thích cũng không hòa hợp. Do nhân duyên đây, việc toại ý về sau mới thành tựu trọn vẹn. Bởi thế nên các dục được gọi là đợi thời.

Kệ tụng thứ tư hiển thị đoạn phiền não kiến sở đoạn, tức ở hiện tại chứng Sa-môn và quả Sa-môn thứ nhất. Lại vì đoạn phiền não tu sở đoạn, tức ở hiện tại chứng Sa-môn và quả Sa-môn sau. Vì đoạn tham ái, vì đoạn ngã mạn, như vậy hiển thị pháp sở chứng hiện tại. Lại vì lìa đắm trước, vì khổi thanh tịnh, hiển thị lìa hẳn sự thiêu đốt mạnh mẽ, cho đến tận bên trong chứng đắc của bậc trí giả. Người kia đã đắc pháp “tự nội sở chứng” như vậy.

Sao gọi là khiến người phải được rõ biết? Do tướng biểu hiện là không thiêu não, không sự hi vọng.

Trong đây, ba kệ tụng trước hiển thị Thế Tôn vì chư thiên nói: “Bí-sô chẳng thể hiển dương đại nghĩa thánh giáo Như Lai, mà riêng Ta năng thuyết”. Lúc nói lời đây, chúng kia đã lãnh hội tỏ ngộ, tâm lắng miệt đối với Bí-sô và tâm kiêu mạn ở nơi tự thân đều được trừ diệt. Kệ tụng thứ tư rộng hiển đại nghĩa thánh giáo Như Lai.

Bị dục tham ngăn che
Tâm tôi thiêu đốt khắp
Chỉ Đại tiên thương xót
Dạy tôi khiến tịch tĩnh

*– Do ông tướng điên đảo
Khiến tâm thiêu đốt khắp
Cho nên thường xa lìa
Tướng diệu tịnh dẫn tham*

*Ông phải tu bất tịnh
Thường định ở một cảnh
Làm lửa tham chóng diệt
Phải luôn luôn tưới tẩm*

*Quán các hành không diệu
Là khổ, là vô ngã
Cũng buộc niệm nơi thân
Nhiều tu tập chán lìa*

*Tu tập nơi vô tướng
Hoại mạn và tùy miên
Do nơi mạn hiện quán
Sẽ chứng ngăn mé khổ.*

Sao gọi là tướng điên đảo? Đó là đối với cảnh bất tịnh, xả tướng bất tịnh, tư duy bất chánh, thủ lấy tướng tịnh diệu và thủ lấy tùy hảo.

Sao gọi là xa lìa tướng tịnh diệu dẫn tham? Như có người thấy các cô gái dung sắc khả ái nên sanh khởi yêu thích, liền nhiếp giữ các căn, không duyên theo sự nhớ nghĩ.

Sao gọi là thường định ở một cảnh, tu tập bất tịnh? Như có người trước dùng phương tiện thiện xảo thủ tướng Hiền thiện tam-ma-địa, đó là tướng xanh bầm, tương sinh... cho đến tướng xương trắng, hoặc tướng xương nát. Ở nơi cảnh giới khả ái hiện đang được, tức dụng tướng đây buộc niệm tư duy. Như sự thủ tướng đã thực hành ở trước, sau cũng hành như vậy. Lại ở nơi nội thân của mình, hoặc của người, quán sát chủng chủng bất tịnh tràn đầy. Đó là quán nơi thân đây có tóc, có móng, cho đến phần tiểu... chủng chủng bất tịnh.

Sao gọi là quán sát các hành không phải diệu, lấy đây làm khổ? Như có người tác tư duy như vậy: "Ta đã thấy chút ít dung sắc khả ái của người con gái nên sanh yêu thích rồi, lại tiếp tục sanh tham ái mong muốn thọ dụng. Đây tức là tập đế, là nhân

của các khổ. Do vì sanh đây, nên chủng chủng nhiều nã như lão, tử, sầu, thán, ưu khổ... cũng từ đây được sanh”.

Sao gọi là quán sát các hành không phải diệu, lấy đây làm vô ngã? Như có người tác tư duy như vậy: “Ở nơi thân hình ta và nơi thân hình người nữ đều không có ngã và hữu tình. Vậy ai hay thọ dụng? Ai được thọ dụng? Chỉ là các hành, chỉ là các pháp từ các duyên sanh”.

Sao gọi là buộc niệm nơi thân, nhiều tu chán lìa? Như có người tánh thuộc chủng loại dục tham mạnh mẽ hưng thịnh. Do thuộc loại dục tham mạnh mẽ hưng thịnh đây, nên tuy nhiếp các căn, mà vẫn bị tham dục tổn hoại nơi tâm. Tuy tác ý tư duy bất tịnh, khổ và vô ngã, mà cũng bị dục tham tổn hoại nơi tâm. Do nhân duyên đây, người kia nương bất tịnh, hoặc khổ, hoặc vô ngã, tùy thời tác ý tư duy nhằm chán, hủy hoại, trái nghịch, chẳng thuận. Ở nơi thân niệm trụ, buộc niệm tại tiền, thân cận tu tập, hoặc nhiều tu tập.

Vì người kia trụ nhiều hành như vậy, liền năng đoạn dứt dục tham mạnh mẽ hưng thịnh đây. Hoặc nhiếp các căn, cũng không bị dục tham

tổn hoại nơi tâm. Hoặc lại tác ý tư duy bất tịnh, khổ và vô ngã, cũng chẳng bị dục tham tổn hoại nơi tâm. Kia hành tu tập như vậy, chỉ hiện hành đoạn các dục tham triền, không phải đoạn tùy miên.

Lại dục tham triền và tùy miên đây, tóm lược ở 2 chủng bổ-đặc-già-la tương tục khá đặc: 1. Ở dị sanh tương tục khá đặc; 2. Ở hữu học tương tục khá đặc.

Trong thân hữu học cũng có một phần không đặc, tuy đối với tham cỗi dưới đã vĩnh viễn đoạn, đã được an ổn, nhưng đối với tham cỗi trên vì chưa đoạn, nên chưa được an ổn.

Trong thân vô học, sở hữu dục tham cỗi trung và cỗi diệu mà còn không đặc, hà hướng của cỗi thấp kém. Vì bậc vô học đã đoạn tham cỗi dưới và tham cỗi trên, nên ở tất cả phần đã được an ổn.

Một phần hữu học đã biết rõ dục đây nhưng chưa lìa dục tham, về sau trụ nơi vô học sanh tâm vui thích xa lìa, vì thấy công đức tịch tĩnh của Bát-niết-bàn. Cũng vì không trở lại tư duy tất cả tướng, vì thường chánh tư duy vô tướng giới, vì siêng tu học vô tướng định. Lại vì ở đây nhiều tu tập, nên

vĩnh viễn đoạn trừ ba cõi, tu đoạn trừ ngã mạn. Do đoạn trừ đây, nên gọi là vô học. Đã lìa dục của ba cõi, đoạn trừ tham của cõi trên và cõi dưới, đã được an ổn vì tất cả nhân khổ đều được xả bỏ xa lìa, chúng đắc ngần mé các khổ. Như vậy nên nói: *Tu tập nơi vô tướng; Hoại mạn và tùy miên; Do bốn mạn hiện quán; Sẽ chúng ngần mé khổ.*

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã thuyết ở trên. Đó là hiển thị tham dục do đây mà sanh, do đây tịch tĩnh và kia tịch tĩnh.

Tham dục do đây mà sanh: tức là do 5 nhân: 1. Do tưởng tịnh diệu; 2. Do vui hân lạc; 3. Do tưởng hữu tình; 4. Do tham mạnh mẽ hưng thịnh; 5. Do tùy miên còn sót thừa chưa tận hết.

Tham dục sanh rồi, do đây tịch tĩnh: tức là do 5 nhân: 1. Do tác ý tư duy bất tịnh; 2. Do tác ý tư duy khổ; 3. Do tác ý tư duy vô ngã; 4. Do buộc niệm, tu nhiều chán lìa; 5. Do tùy miên vĩnh viễn diệt không sót thừa.

Kia tịch tĩnh: Tịch tĩnh đây lược có 2 chủng: 1. Hiện hành tịch tĩnh; 2. Vĩnh viễn đoạn tùy miên, đương lai không sanh khởi. Do bốn chủng nhân duyên tịch tĩnh trước, nên thành chủng tịch

tĩnh đầu tiên. Do chủng nhân duyên tịch tĩnh thứ năm, nên thành chủng tịch tĩnh thứ hai.

Nên biết đây gọi là nghĩa tóm lược.

Sao gọi Bí-sô nhiều sở trụ
 Vượt năm bạo lưu sẽ vượt sáu?
 Sao gọi người định năng qua rộng
 Dục ái mà chưa được cái phao?

*– Thân khinh an, tâm khéo giải thoát,
 Không tác, buộc niệm, không khuynh động,
 Liễu pháp, tu tập vô tâm định,
 Lỗi phần, ái, hôn trầm, giải thoát*

*Như vậy Bí-sô nhiều sở trụ
 Vượt năm bạo lưu sẽ vượt sáu
 Như vậy người định năng qua rộng
 Dục ái mà chưa được cái phao.*

Đây là kệ tụng của thiên nữ thỉnh hỏi. Bạo lưu có sáu: đó là bạo lưu của mắt năng thấy các sắc, cho đến bạo lưu của ý năng rõ biết các pháp.

Thánh đệ tử Phật, bậc hữu học đã kiến tích, nơi mắt nhận biết sắc thuận theo hỷ, không trụ

nơi ái; nơi mắt nhận biết sắc thuận theo ưu, không trụ nơi khuể; nơi mắt nhận biết sắc thuận theo xả, thì lớp lớp tư trạch, an trụ nơi xả. Giả sử phiền não kia đã sanh, hoặc dục tham triền, hoặc sân khuể triền, hoặc ngu si triền; do ba thân làm duyên là hỷ thân, ưu thân và xả thân, mà kia không đắm trước kiên cố cho đến nhả ra. Do nhân duyên đây, các phiền não triền thuộc ba thân chẳng thể hiện hành, trụ nơi khinh an.

Như vậy gọi là được thân khinh an. Nhưng chưa thể được tâm khéo giải thoát, bởi phiền não tùy miên vẫn chưa vĩnh viễn đoạn. Ở thời sau, lại năng vĩnh viễn đoạn tùy miên thuộc ba thân, tức nơi các phiền não thuộc kia đã xa lìa tùy phược. Như vậy được gọi là ở nơi ba thân, chỗ của tham sân si, tâm khéo giải thoát.

Như nơi mắt nhận biết sắc, cho đến nơi thân nhận biết xúc nên biết cũng vậy. Như vậy đã đoạn năm hạ phần kiết, vượt qua năm bạo lưu, đó là vượt qua bạo lưu của mắt năng thấy các sắc, cho đến vượt qua bạo lưu của thân năng biết các xúc.

Như vậy đã vượt qua năm bạo lưu, còn lại bạo lưu thứ sáu là ý cần phải vượt qua. Lại tu không tạo

tác, không động lay, buộc niệm.

Không tạo tác: đối với Niết-bàn, sanh tâm nguyện vui muốn, không bị ngã mạn làm khuynh động, không tư duy cũng không tạo tác. Lại không bị kế chấp: “Đương lai ngã, ngã sở sẽ có, cho đến ta sẽ phi tướng, phi phi tướng...” làm khuynh động, không tư duy cũng không tạo tác.

Không động lay: tức là không bị thượng phần các kiết kia cột trói nhiều loạn tâm. Không động lay, không biến chuyển, cũng không hối cải chuyển đổi. Lại tùy nơi một trong số các định tịch tĩnh, không sanh ái vị luyến mộ, đắm trước kiên cố.

Buộc niệm: vì đoạn thượng phần các kiết kia, nơi nội thân trụ quán theo thân, như vậy cho đến nói rộng niệm trụ.

Do tu không tạo tác như thế, nên đoạn các sanh ái. Do tu không động lay như thế, nên đoạn các định ái. Người kia xa lìa tất cả sự hiện hành, nên gọi là đoạn. Do tu buộc niệm, khiến tất cả thượng phần các kiết vĩnh viễn đoạn không sót thừa, nên tu tập đối trị.

Như vậy vì nương tu tập không tạo tác, không động lay, buộc niệm, năng khiến tất cả thượng

phần các kiết vĩnh viễn đoạn không còn sót. Đây gọi là vượt qua bạo lưu thứ sáu, đó là bạo lưu của ý năng rõ biết các pháp.

Lại có sự giải thích khác. Sao gọi là không động lay? Nói không động lay, tức là căn từ thiện, tánh không sân. Do nhân duyên đây, các Thánh đệ tử ở nơi thân đoạn trừ tà nguyền, tu Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na. Do từ kia nên tu Xa-ma-tha, do niệm trụ nên tu Tỳ-bát-xá-na. Chánh tu hành như vậy, ở nơi năng tùy thuận đoạn thượng phần kiết, tu tập ba tâm chóng được viên mãn. Đó là đối với thân cõi trên tâm không đắm nhiễm. Đối với hữu tình cõi dưới tâm không phần khuể. Người không phóng dật, tức là đối với cảnh trên dưới tâm không nhiễm ô, còn lại như trước thuyết. Như vậy gọi là vượt qua năm bạo lưu, sẽ vượt qua bạo lưu thứ sáu.

Liễu pháp: tức là ở nơi pháp khổ, năng hiểu rõ, năng quán sát. Ở nơi pháp tập, diệt và đạo, năng hiểu rõ, năng quán sát.

Tu tập vô tâm định: tức là đã năng liễu tri pháp như thật rồi, lại an trụ trong đoạn diệt và xả bỏ xa lìa sự trói cột của các dục nơi cư gia. Hoặc sống ở chốn a-lan-nhã, hoặc ở dưới gốc cây, chốn

không nhân. Đối với sở hữu hỷ thân, mất nhận biết sắc thuận theo hỷ; đối với sở hữu ưu thân, mất nhận biết sắc thuận theo ưu; đối với sở hữu xả thân, mất nhận biết sắc thuận theo xả. Đối với sở duyên đây, không bị tầm dục triền, tâm nhiều an trụ, cho đến cũng không sanh tầm triền tương ưng với nhà thế tục, tâm nhiều an trụ. Giả sử sanh khởi tầm dục, cho đến tầm tương ưng với nhà thế tục, tức năng như thật rõ biết ra khỏi. Không bị tầm dục làm chướng ngại, cho đến không bị tầm tương ưng với nhà thế tục làm chướng ngại, chỉ năng tĩnh lặng quán sát suy nghĩ tỉ mỉ thẳm sâu. Do phương tiện đây, do tu đạo đây, năng đoạn quá thất phần khuể ái thân, năng đoạn quá thất của hôn trầm xả thân. Vì các triền đoạn, nên thân được khinh an. Vì tùy miên đoạn, nên đối với ba thân nhiệm ô hệ thuộc Dục giới, tâm khéo giải thoát. Bất giờ gọi là đã vượt qua các dục ái rộng lớn, chỗ gọi nơi các sắc cho đến xúc, ái lưu hành khắp, hoặc ái hòa hợp, hoặc ái tăng trưởng, hoặc ái không lìa, hoặc ái không hòa hợp, hoặc ái thối giảm, hoặc ái biệt ly, hoặc ái trở lại thọ sanh ở Dục giới.

Lại có sự giải thích khác. Sao gọi là tu tập vô tâm định? Tức là đã đắc Không tâm không tứ tĩnh lự, còn lại như trước đã thuyết.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã nói ở trên. Đó là thiên nữ kia tóm lược hỏi Thế Tôn về 3 chủng yếu nghĩa: 1. Đoạn hạ phần kiết; 2. Phương tiện đoạn thượng phần kiết; 3. Tức phương tiện đoạn hạ phần kiết kia và khéo đoạn như kia.

Hỏi như vậy rồi, bấy giờ Thế Tôn tùy theo đó dẫn dạy. Đó là do thân khinh an, tâm khéo giải thoát, như vậy đã trả lời câu hỏi của thiên nữ kia về *đoạn hạ phần kiết*, không phải phương tiện đoạn.

Do không tạo tác, buộc niệm, không động lay, như vậy đã trả lời câu hỏi của kia về *đoạn thượng phần kiết*, không phải phương tiện đoạn mà ở kia đoạn.

Các đoạn trước thiên nữ cũng liền lãnh hiểu, chỉ trừ phương tiện đoạn hạ phần kiết và khéo đoạn như kia. Lúc bấy giờ, Thế Tôn trước dạy dụng tu Vô tâm định, rộng nói bằng nhiều cách khác nhau để trả lời câu hỏi về phương tiện đoạn, đó là năng đoạn, như đoạn và sở đoạn. Trong đây, liễu

pháp gọi là năng đoạn, tu vô tâm định gọi là như đoạn. Lỗi phần sở đoạn, đó là phẩm sân khuể. Lỗi ái sở đoạn, đó là phẩm tham dục. Lỗi hôn trầm sở đoạn, đó là phẩm ngu si. Như vậy gọi là năng đoạn, như đoạn và sở đoạn.

Như vậy rộng đáp phương tiện đoạn rồi, chỉ còn lại như kia khéo đoạn. Lại do nhân duyên tu Vô tâm định thứ hai sai khác, trả lời cho câu hỏi khéo đoạn. Nói khéo đoạn, tức là đoạn rất ráo, đoạn hết phần, đoạn tất cả tạp nhiễm. Do rõ biết pháp, giải thích đoạn rất ráo. Do tu vô tâm định, giải thích đoạn hết phần. Do đoạn tất cả tham sân si triền và tùy miên, giải thích đoạn tất cả tạp nhiễm. Nên biết trong đây gọi là nghĩa tóm lược.

Lại thiên nữ kia, nương theo các hữu học nhưng chưa thể đắc thắng ý, tuy đã ly dục tham, nhưng chưa lìa tham thượng nên mới khởi thưa hỏi. Ý gọi là cái phao. Như kinh thuyết: “Thẹn hổ lấy phao ý làm trụ”. Đối với phao đây vẫn chưa chứng đắc, thì nói kia chưa đắc cái phao. Trong đây gì gọi là cái phao? Đó là đối với các kiết, tâm khéo giải thoát.

Thế gian thường có sợ

Chúng sanh thường chán ngán
Nơi các khổ chưa sanh
Hoặc trong khổ đã sanh
Nếu có ít không sợ
Nay mong vì tôi nói.

*– Trời, Ta quán giải thoát
Không là trí, tinh tấn
Không là nhiếp các căn
Không là tất cả xả.*

Tôi xem rất lâu xa
Phạm chí Bát-niết-bàn
Đã qua các sợ hãi
Vượt tham đắm thế gian.

Nay trong kệ tụng đây, từ Dục giới cho đến Hữu danh, các thân đều gọi là thế gian. Nghĩa trong đây tức là ý hữu tình thế gian ở Dục giới có vui có khổ. Nếu các hữu tình được sự nhiếp dưỡng đầy đủ của mười vật dụng nuôi thân, không bị thiếu thốn, thân an vui khỏe mạnh không bệnh tật, tuổi chưa già yếu, gọi là hữu tình thế gian có

vui. Trái với tướng đây, nên biết là hữu tình thế gian có khổ.

Chúng sanh thế gian phần ít có vui, phần nhiều có khổ. Các hữu tình thế gian có vui thường ôm lòng lo sợ: “Chớ để tài bảo của ta bị vua xâm đoạt, nói rộng cho đến chớ do duyên đây mà gặp các khổ nạn. Chớ để gió, nóng phát khởi bên trong, cho đến chớ để người hoặc phi nhân xâm tổn ta”. Như vậy sự khổ do lo sợ của cải tài sản bị biến hoại trong vị lai và sự khổ do thân bị hư hoại, nên tâm thường sợ hãi. Các hữu tình thế gian có khổ, hiện bị các khổ bức bách thân tâm, có ưu, có khổ, có sầu, có tên nhọn, có các nhiễu não, hằng sống không an ổn. Như vậy nên nói: *Thế gian thường có sợ; Chúng sanh thường chán ngán; Nơi các khổ chưa sanh; Hoặc trong khổ đã sanh*. Do nhân duyên đây, chư thiên kia hiện thấy các hữu tình thế gian dù có vui mà vui đây không chắc chắn, nên thỉnh hỏi Như Lai về sự có vui chắc chắn và không có sự lo sợ.

Bấy giờ Thế Tôn liền vì vị trời kia phương tiện dạy bảo: Chỉ trong Thánh giáo mới có việc như vậy. Trong các pháp ngoại đạo không có được.

Như có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn trụ ngoài chánh pháp, không như thật biết quá hoạn của các dục trong hiện pháp và ở đương lai. Vì không biết nên hy cầu các dục vị lai sai khác. Xả dục hiện pháp, cầu dục hậu pháp, tinh cần thọ học sở hữu cấm giới. Tuy an trụ cấm giới như vậy, nhưng lại không có trí tuệ, chẳng phòng hộ căn môn, chẳng giữ gìn chánh niệm, không thường rời niệm, cho đến nói rộng. Vì kẻ kia chẳng điều phục nghiệp giữ các căn môn, nên đối với chút ít lợi dưỡng cung kính mà người khác thí cho, vẫn còn sanh ái vị bậc thượng tùy khởi luyến trước, hà hưởng lợi dưỡng rộng lớn. Kẻ tinh cần thọ học cấm giới mà xa lìa trí tuệ mật hộ căn môn như vậy, đối với dục ở hiện pháp còn chẳng thể đoạn trừ, hà hưởng đoạn dục ở hậu pháp.

Lại ở nơi kia có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn rõ biết thô quá hoạn của dục, nên năng vượt qua các dục hiện pháp và hậu pháp, nhưng lại hân cầu ly dục của địa trên là chỗ không phải giải thoát mà khởi tưởng cho là giải thoát. Do đoạn trừ xả bỏ các dục, liền đến viễn ly. Kia tinh cần chánh tư duy luôn nhiều tu tập như vậy, ly dục Dục giới, cho đến ly dục Vô sở hữu xứ. Do nhân duyên đây, xả tự thể

cõi dưới, yêu thích tự thể cõi trên. Do ái kia, nên ở đời dương lai còn không thể giải thoát khỏi tự thể địa dưới, hà hướng địa trên.

Như vậy những kẻ kia lầm lạc xả bỏ tài bảo, tự thể, mê lầm, lạc đường. Tuy an trụ vững mãnh tinh cần, mà lại không thể được một hương khoái lạc, tức là cõi không còn sự sợ hãi. Vì cố sao? Bậc thầy ngoại đạo kia vẫn còn không thấy không biết cõi đây, hà hướng có thể vì các đệ tử rộng khai thị chỉ bày. Luận mà bậc thầy ngoại đạo và đệ tử chế lập, chắc chắn không có các ngăn mé khổ.

Trái với tướng đây, tức trong chánh pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, nên biết có đầy đủ tất cả nghĩa lợi, cho đến nhất định có các ngăn mé khổ. Nương mật ý này, Phật vì vị trời kia thuyết lời như vậy: *Trời, Ta quán giải thoát; Không là trí, tinh tấn; Không là nhiếp các căn; Không là tất cả xả.*

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã nói trên. Đó là vì hiển thị trong tà pháp ác thuyết Tỳ-nại-da, thầy và đệ tử đều có sự suy tổn. Trong chánh pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, đầy đủ sự tốt đẹp an lành, năng chứng tận ngăn mé tất cả khổ. Nên biết gọi là nghĩa tóm lược trong phần này.

Bấy giờ vị trời kia nghe Đức Phật Thế Tôn đáp lời thưa hỏi liền hoan hỷ vui mừng, dùng 4 chủng công đức vô lượng tán thán Như Lai. Đó là: Đức Phật Thế Tôn khó xuất hiện, hiện ra nơi đời năng thành tựu hạnh lợi tha, cũng năng kiến lập đức tự lợi. Ở nơi hạnh tự lợi, lợi tha, xa lìa tâm nhiễm. *Tôi xem rất lâu xa; Phạm chí Bát-niết-bàn*, lời kệ đây tán thán đức khó xuất hiện nơi đời của Đức Phật. *Đã vượt qua các oán*, lời kệ đây tán thán đức hành lợi tha của đức Phật. *Đã qua các sợ hãi*, lời kệ đây tán thán đức tự lợi của Đức Phật. *Vượt tham đắm thế gian*, lời kệ đây tán thán đức ở nơi hạnh tự lợi, lợi tha mà lìa tâm nhiễm của Đức Phật. Đây là bốn chủng công đức sai khác.

Nên biết lại có 3 chủng sai khác, đó là: vì khó xuất hiện, vì khó thể thấy, vì kiến lập hạnh tự lợi, lợi tha. Thấy, tức là năng thành tựu nghĩa lớn. Thành tựu nghĩa lớn, tức là vì lìa tâm nhiễm, sanh khắp tất cả cũng không có các tội. Các đức của chư Phật Thế Tôn thật là tối thượng thù thắng như vậy, phải lấy tướng đây mà tán thán chư Như Lai.

Quyển 18

Thứ 11. TỬ SỞ THÀNH ĐỊA

Phần 3

Ai giúp thắng loại sanh
Và khai đạo xuất ly
Ở đâu trụ, học gì
Không sợ chết đời sau?

*– Tự huân tu giới, tuệ
Đủ định, niệm, chánh trực
Đoạn sâu ưu thiêu đốt
Chánh niệm, tâm giải thoát*

*Năng giúp thắng loại sanh
Và khai đạo xuất ly
Trụ đây, nơi này học
Không sợ chết đời sau.*

Nay trong kệ tụng đây, nói đến thắng loại tức là 4 loại dòng họ thắng thượng: 1. Bà-la-môn; 2. Sát-đế-lợi; 3. Phệ-xá; 4. Thủ-đà-la. Dùng giáo pháp,

dùng chân chánh, dùng phép tắc, dùng chỉ dẫn để dạy loại sanh thẳng thượng, nên gọi là *giúp*. Trong đây hiển thị chỉ có chư Phật Thế Tôn mới có thể dùng giáo pháp, dùng chân chánh, dùng phép tắc, dùng chỉ dẫn, để dạy loại sanh thẳng thượng. Do nhân duyên đây, Đức Thế Tôn tự hiển “chỉ có Ta là bậc trợ giúp dẫn dắt chân chánh”, nên vì trời kia tác lời như vậy: “Dùng đầy đủ giới, dùng đầy đủ tuệ để tự huân tu”. Lại chỉ có Thế Tôn năng vì bốn chủng loại sanh thẳng thượng trên, tuyên thuyết tám thánh đạo chi khiến ra khỏi tất cả các khổ. Trong đây, Thế Tôn cũng tự hiển thị là bậc chân thuyết.

Sao gọi là đầy đủ giới? Đức Phật Thế Tôn khi xưa hành Bồ-tát hạnh, xả bỏ các dục vi diệu thù thắng, xả bỏ xa lìa cuộc sống gia đình, sở hữu thân ngữ thọ trì luật nghi.

Sao gọi là đầy đủ tuệ? Kia đã phát khởi tướng an trụ thọ trì thân ngữ luật nghi như vậy, bên trong chánh tư duy, thân tâm thọ lượng, quán sát tỉ mỉ thẳm sâu đạo lý “Nay thế gian đây gặp nhiều khổ nạn, đó là hoặc sanh, hoặc lão...” như kinh đã rộng thuyết.

Sao gọi là tự huân tu? Thuở xưa ở vô lượng đời khác, trải qua ba đại a-tăng-kỳ kiếp, tu tập, khéo tu tập sáu Ba-la-mật-đa. Do nhân duyên đây, nay không thấy mà tâm tự nhiên hướng đến xuất ly. Lại đối với các duyên sanh các hành, dùng trí vi diệu năng tùy ngộ nhập.

Sao gọi là đầy đủ định? Tức là cho đến năng lìa dục Vô sở hữu xứ, chúng đắc Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Sao gọi là đầy đủ niệm? Tức là nương thẳng định đã đắc như vậy, vì đoạn kiến, đoạn các phiền não, nên tu tập bốn niệm trụ. Tức lấy tu tập niệm trụ làm tiền dẫn, cho đến tu tập ba mươi bảy chủng pháp Bồ-đề phần.

Sao gọi là chánh trực? Kia sanh khởi chánh trực nghịch lưu tám thánh đạo chi, năng đoạn sở hữu phiền não kiến sở đoạn. Ở nơi đạo nghịch lưu đắc thuận Dự lưu.

Sao gọi là vĩnh viễn đoạn tất cả sáu ưu thiêu đốt? Đó là thuận theo hiện quán đế, cùng đắc thành tựu quả Bất hoàn. Lại năng vĩnh viễn đoạn năm hạ phần kiết. Ở nơi sân khuể giống như thuận theo sáu ưu và tham dục giống như thuận theo

thieu đốt đều đã đoạn vĩnh viễn.

Sao gọi là chánh niệm? Tức là vĩnh viễn đoạn năm thượng phần kiết, lại thêm tu tập bốn chủng niệm trụ, cho đến tu tập ba mươi bảy chủng pháp Bồ-đề phần.

Sao gọi là tâm giải thoát? Vì đã vĩnh viễn đoạn thượng phần kiết. Đối với hai chủng chướng là phiền não chướng và sở tri chướng, tâm khéo giải thoát. Tâm đã khéo giải thoát như vậy, nên đắc thành tựu Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, như kinh đã rộng thuyết. Do đây nên năng giúp thắng loại sanh, khai mở đạo xuất ly.

Trong bốn chủng thắng loại sanh đây, tùy theo mỗi chủng đối với thánh giáo vui thích chánh hành, vì muốn chứng đắc tám thánh đạo chi, nên ở trong ba học siêng năng tinh tấn tu học. Người kia quyết định năng chứng tám thánh đạo chi và quả Niết-bàn. Do chứng đắc đây, nên đời đương lai không sợ sanh lão bệnh tử.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã nói trên. Đó là lược hiển thị duy chỉ có Phật Thế Tôn năng khiến bốn loại sanh kia nhanh chóng chứng đắc thanh tịnh. Nếu kia năng chánh tu hành

theo lời dạy dẫn của chư Phật, thì không phải là việc hư huyền. Lại thị hiện thánh giáo của Như Lai, chánh pháp được khéo thuyết và Tỳ-nại-da. Lại thị hiện Phật là bậc Đại sư vô thượng, thầy của trời người. Nên biết đây gọi là lược nghĩa của phần này.

Thế nào tiếng khen lành?

Thế nào đủ tài bảo?

Thế nào được khen ngợi?

Thế nào nhiếp thân hữu?

– Trì giới tiếng khen lành

Bố thí đủ tài bảo

Chân thật được khen ngợi

Huệ xả nhiếp thân hữu.

Sao gọi là trì giới năng khiến có được tiếng khen lành? Như có người nam, hoặc người nữ thực hành đầy đủ giới pháp hiền thiện, cho đến lúc mạng chung đều đoạn trừ tội sát giết, xa lìa việc sát sanh... như kinh đã rộng thuyết, cho đến mười phương chỗ có Sa-môn, Bà-la-môn thường khen ngợi. Do nhân duyên đây, khiến các quốc vương,

quần thần, trưởng giả cho đến dân chúng tụ lạc, thành ấp, cung kính cúng dường.

Sao gọi là bố thí năng khiến có được đầy đủ trân bảo tài của? Như có người, xưa trong đời khác đã từng làm và tặng trưởng sự nghiệp phước thí. Do nhân duyên đây, đời nay sanh vào nhà có nhiều phước lớn, có tài sản lớn, cho đến có nhiều kho tàng đầy ắp.

Sao gọi là chân thật được khen ngợi? Như có người không dùng cân, đấu, hộp... gian dối, hoặc các việc siểm khúc, lảng miệt, vọng ngôn... để có được tài bảo. Chỉ dùng tài năng như pháp gây dựng các sự nghiệp, nương pháp không bạo ác để có được tài bảo. Do kia đã làm như vậy, nên mọi người đều xưng lời: “Lành thay bậc hiền sĩ, cho đến năng dụng tài năng như pháp để tạo làm các sự nghiệp, để có được tài bảo”.

Sao gọi là huệ xả năng nhiếp thân hữu? Như có người hiện tiền có rất nhiều vô số gia sản mà xa lìa xan cấu, không lẩn tiếc của cải, lấy sự an lạc chân chánh để làm mình vui, cho đến giúp bạn hữu thân thích lớn tuổi. Những người kia qua lại giúp đỡ lẫn nhau để cùng có được tài bảo, lại khiến

giữ gìn tăng trưởng tài bảo.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã nói trên. Đó là lược hiển thị hai chủng nhân duyên là cung kính và lợi dưỡng. Trì giới tiếng khen lành, hiển thị nhân duyên cung kính. Các câu còn lại hiển thị nhân duyên lợi dưỡng, tức là do lực nhân, lực sĩ dụng và lực trợ bạn. Nên biết đây gọi là nghĩa lược của phần này.

Ngang đâu suối ngừng nghỉ?
Nơi đường nào không thông?
Các khổ vui thế gian
Chốn nào diệt không sót?

– Nếu ở nơi chốn này
Mắt, tai cùng với mũi
Lưỡi, thân, ý, danh sắc
Diệt hẳn không còn sót

Ngay đây dòng suối ngừng
Nơi đường này không thông
Các khổ vui thế gian
Chốn này diệt không sót.

Sao gọi là suối? Đó là sáu xúc xứ. Vì có sao? Thí như suối, ao sanh ra nước. Nước được giữ lại trong ấy đảm nhiệm xúc dùng. Lại năng nuôi dưỡng nam nữ lớn nhỏ, cầm thú cho đến tất cả cũng chưa tận khô kiệt. Sáu nội xúc xứ, cũng lại như vậy. Tất cả ngu phu xúc dùng sáu cảnh giới xúc, lại năng nuôi dưỡng cho đến trong đây, các nước tham ái chưa tận khô kiệt.

Sao gọi là đường? Đường có 2 chủng: 1. Đường phiền não; 2. Đường nghiệp. Trong ý đây, đường nêu rõ nghĩa các nhân.

Sao gọi là khổ vui? Hoặc ở trong hiện pháp, sáu chủng xúc xứ làm duyên khiến sanh an ổn lãnh thọ nhiếp thuộc sự thọ, hoặc không an ổn lãnh thọ nhiếp thuộc sự thọ. Hoặc ở hậu pháp diệu hành, ác hành mà phiền não nhiếp giữ làm duyên khiến sanh an ổn lãnh thọ nhiếp thuộc sự thọ, hoặc không an ổn lãnh thọ nhiếp thuộc sự thọ.

Sao gọi là nơi mà sáu xứ và danh sắc như vậy vĩnh viễn tận diệt không sót thừa? Đó là trong Vô dư y Niết-bàn giới.

Nơi hàng đệ sanh thì tất cả đường, suối, khổ, vui đều không thiếu, cũng chưa xả bỏ.

Nơi các bậc hữu học thì tất cả điều trên có khuyết giảm, mà chưa xả bỏ.

Nơi bậc vô học, thì đường và sở hữu khổ vui ở đương lai cũng khuyết giảm, cũng xả bỏ, không hiện hành trở lại; suốt và sở hữu khổ vui ở hiện pháp cũng khuyết giảm, cũng xả bỏ. Vì ở Hữu dư y vẫn còn hiện hành trở lại, cho nên nói trong Vô dư y Niết-bàn giới, tất cả chúng kia đều được vĩnh viễn tận diệt không sót thừa.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã nói trên. Đó là lược hiển thị nhân và khổ vui ở trong hiện pháp, nhân và khổ vui ở trong hậu pháp. Ở Vô dư y Niết-bàn giới, thấy đều vĩnh viễn diệt. Nên biết đây gọi là nghĩa lược của phần này.

Gì năng vượt bạo lưu?
 Gì năng vượt biển lớn?
 Gì năng xả các khổ?
 Gì năng được thanh tịnh?

– Chánh tín vượt bạo lưu
 Không dật vượt biển lớn
 Tinh tấn xả các khổ
 Trí tuệ được thanh tịnh.

Nay trong kệ tụng đây, sao gọi là chánh tín năng vượt bạo lưu? Như có người vì muốn rõ biết quá hoạn của các dục, nên lắng nghe lời Phật dạy, hoặc sở hữu chánh pháp mà đệ tử Phật tuyên thuyết. Nghe pháp đây rồi, thu được tâm chánh tín, bèn sanh vui muốn. Vì đoạn trừ sự dục và phiền não dục, bèn năng xả bỏ dục lạc của cuộc sống gia đình, chánh tín xuất gia, hướng đến không nhà. Đã xuất gia rồi, vì muốn đoạn trừ các dục phiền não nên trụ hạnh viễn ly. Người kia vì siêng năng tinh tấn không nhàm mỏi, cho đến vì tu tập chánh tư duy, nên đoạn các dục phiền não, chứng đắc ly dục định địa. Như vậy chánh tín làm chỗ nương, làm chỗ dẫn dắt, bèn năng vượt qua bạo lưu của các dục.

Sao gọi là không phóng dật năng vượt biển lớn? Ở nơi các định kia, trọn không ái vị, cho đến cũng không an trú kiên cố đấm trước. Trừ phi vì chúng các trí lậu tận, nên chuyên chú nơi tâm. Do tâm định đây, nên được thanh tịnh, sáng sủa, chánh trực, điều nhu, năng nhập hiện quán bốn thánh đế, cho đến chứng đắc tận trừ vĩnh viễn các lậu. Như vậy do không phóng dật làm chỗ y nương, làm chỗ dẫn dắt, năng đoạn hai hữu bạo lưu là hệ

thuộc Sắc, Vô sắc, và đoạn trừ hai loại bạo lưu là kiến và tất cả vô minh. Cho nên gọi là vượt qua biển lớn.

Sao gọi là tinh tấn năng xả các khổ? Như có bậc hữu học kiến tích, tác tư duy: “Ta phải chứng đắc sự ly dục ba cõi, vĩnh viễn tận dứt các kiết”. Do đây bèn trụ hạnh viễn ly, an trụ dũng mãnh tinh cần, chẳng nhiều dùng nghỉ nơi tham dục triền buộc tâm. Lại năng như thật rõ biết sở hữu xa lìa vượt khỏi các dục tham triền hiện tại. Đối với tham dục cái, nơi tâm tịnh tu, bèn năng đoạn diệt các tham dục triền và các tâm ưu khổ do tham dục triền làm duyên sanh khởi. Như tham dục cái, cho đến nghỉ cái nên biết cũng vậy. Như vậy tinh tấn làm chỗ nương, làm chỗ dẫn dắt, khiến năng xả các khổ.

Sao gọi là trí tuệ năng được thanh tịnh? Kia đã trừ diệt những điều năng khiến tâm bị nhiễm ô, cho đến trừ diệt năm chủng cái năng chướng cứu cánh Niết-bàn rồi, tức nương nơi vị vị chí, an trụ nơi vị vị chí. Như các trí vô lậu khổ, tập, diệt, đạo đã chứng đắc trước, ở nơi các khổ tư duy chân khổ, cho đến ở nơi đạo tư duy chân đạo, bèn chứng đắc

các lậu vĩnh viễn tận, lìa các dục của ba cõi không sót thừa. Như vậy do trước chúng đắc trí tuệ làm chỗ y nương, làm chỗ dẫn dắt, năng chúng thanh tịnh.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã nói trên. Đó là trong kệ tụng đây, Đức Bạc-Già-Phạm lược hiển thị các hàng đệ sanh trước đã ly dục rồi, sau ở nơi thánh để hiện quán thanh tịnh. Và hiển thị bậc hữu học lấy sự hiện quán các thánh để làm tiền dẫn, ly dục thanh tịnh. Nên biết đây gọi là nghĩa lược của phần này.

Ai vượt qua bạo lưu?
 Đêm ngày không hôn ám
 Nơi không vin không trụ
 Thẳm sâu không giảm kém.

– Viên mãn các Thi-la
 Đủ tuệ khéo an định
 Trong tư duy buộc niệm
 Năng qua cực khó qua.

Lìa nhiễm các dục tưởng
 Cũng vượt kiết Sắc giới,

*Kia không vin không trụ
Thăm sâu không giảm kém.*

Nay trong kệ tụng đây, sao gọi là bạo lưu? Đó là 4 lưu: dục lưu, hữu lưu, kiến lưu và vô minh lưu.

Sao gọi là không vin, không trụ? Tức là các ái vĩnh viễn diệt tận, ly dục, tịch diệt Niết-bàn và Diệt tận định. Vì có sao? Chỗ nói vin, tức là các phiền não triền. Chỗ nói trụ, tức là phiền não tùy miên. Ở nơi các xứ kia, hai chủng đây đều không. Cho nên nói là Niết-bàn không vin, không trụ.

Lại tướng gọi là vin, thọ gọi là trụ. Nếu ở xứ đây, hai chủng đều không, tức nói xứ kia không vin không trụ. Như vậy hiển thị Diệt thọ tướng định không vin không trụ. Nay trong nghĩa đây, ý lấy Diệt định.

Sao gọi là viên mãn các Thi-la? Là thân ngữ khéo an trụ trong luật nghi, tu sửa trị tịnh mạng.

Sao gọi là đủ tuệ? Tức là ở nơi khổ thánh đế như thật rõ biết, cho đến ở nơi đạo thánh đế cũng lại như vậy.

Sao gọi là khéo an định? Tức là xa lìa các dục, cho đến an trụ đầy đủ đệ tứ tĩnh lự, hoặc hữu thứ nhất tam-ma-bát-đề.

Sao gọi là bên trong tư duy? Là luôn luôn quán sát 22 xứ, như quán: “Ta nay dung mạo, trang sức thay đổi khác thường, xả bỏ hình dáng đẹp đẽ của thế tục...” nói rộng như trong kinh.

Sao gọi là buộc niệm? Tức là khi lớp lớp quán sát 22 xứ kia, nương tướng Sa-môn, hằng nhớ tướng, hằng triển chuyển hiện tại tiền. Do nhân duyên đây, vì đoạn trừ các kiết sót thừa, tu bốn niệm trụ.

Sao gọi là năng qua cực khó qua? Vì đoạn trừ tất cả kiết không còn sót thừa, nên năng vượt qua Hữu đảnh rất khó vượt qua. Vì đối với việc kia, chẳng phải tất cả ngu phu dị sanh có thể vượt qua.

Sao gọi là đối với các dục tướng được lìa nhiễm? Tức là đối với hạ phần các kiết, đã đoạn, đã biết.

Sao gọi là vượt qua các kết Sắc giới? Tức là đối với thượng phần các kiết hệ thuộc Sắc giới, đã đoạn, đã biết.

Sao gọi là ở trong không vin không trụ, thăm sâu, không có giảm kém? Tức là đối với Vô sắc giới, hoặc đã ly dục, hoặc chưa ly dục. Đã đắc Phi phi tướng xứ, có lực kham năng nhập Diệt tận định. Bậc học cùng với vô học đều có trong đây,

cho nên nói vượt các kiết Vô sắc thì bất định.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã thuyết trên. Đó là Đức Bạc-Già-Phạm ở nơi tụng đây lược hiển thị năng chứng đắc đạo tối cứu cánh và hiển thị năng chứng đạo trụ bậc nhất. Nên biết đây gọi là nghĩa lược của phần này.

Nhân duyên nào tham, khuể?

Do có chi mừng lo?

Lông dựng, ý tầm tư

Như trẻ nương nhũ mẫu.

– *Nhuân sở sanh, tự sanh*

Như cây nặc-cù-đà

Riêng buộc nơi các dục

Giống rừng xú ma-già

Là nhân duyên tham khuể

Do đây nên mừng lo

Lông dựng, ý tầm tư

Như trẻ nương nhũ mẫu

Biết kia, nhân duyên kia

Sanh rồi tâm trừ diệt

*Vượt biển xưa chưa vượt
Bạo lưu không hậu hữu.*

Nay trong kệ tụng đây, sao gọi là tham khuể? Như có người sống ở cư gia, đối với cảnh vừa ý, hữu tình vừa ý, cùng nhau gặp gỡ nên sanh khởi tham trước. Đối với cảnh không vừa ý và hữu tình không vừa ý, cùng nhau gặp gỡ nên sanh sân khuể.

Sao gọi là mừng lo? Như có người đối với pháp Tỳ-nại-da sở chứng của Phật, bỗng nhiên trong thoáng chốc sanh khởi chánh tín. Rồi không khéo quán sát trước sau được mất, bỗng nhiên gắng sức sách tấn mình xả bỏ đời sống gia đình, hướng đến không nhà. Khi xuất gia rồi, lại cùng với phạm phu đạo tục chung sống hỗn tạp, bèn đối với việc tiền tài, bạn bè tới lui nhớ nghĩ mẩn mộ, nên ưu buồn trối buộc tâm. Hoặc lại có người không do chánh tín, cũng không do tự mình nỗ lực mà hướng đến không nhà, nhưng hoặc bị vua bức bách, cho đến hoặc bị sự lo sợ không nuôi nổi mạng sống bức bách, nên xả bỏ đời sống gia đình. Sau khi đã xuất gia rồi, do sự chánh tín của các Bà-la-môn, cư sĩ... thời thời thu được nhiều lợi dưỡng cung kính, nên đắm say yêu thích, thậm nghĩ rằng: “Ta đây ở một

phương tốt thay, không cần ra sức nhọc nhằn cấy gặt, không phải lo việc buôn bán kinh doanh gian khó, mà vẫn nuôi nổi mạng sống”. Kể kia duyên lợi dưỡng cung kính như vậy, thản nhiên trụ trong sự thích thú vui vẻ.

Sao gọi là lông dựng và ý tầm tư? Như có người chẳng phải do mình nỗ lực, chẳng phải vì nuôi mạng sống mà xa lìa cuộc sống gia đình, nhưng do chánh tín, nên xả bỏ cuộc sống gia đình hưởng đến không nhà. Sau khi xuất gia rồi, không cùng với đạo tục phạm phu chung sống hỗn tạp, hưởng đến hạnh viễn ly, sống nơi tịch tĩnh thanh vắng. Kia lúc sống nơi thanh nhàn, hoặc khi thấy bụi sương mù, hoặc vào lúc chiều tối thấy khí mây lớn, nghe tiếng sấm sét vang động, hoặc gặp mưa đá, sấm, hổ, beo, hoặc gặp trộm cướp hung hãn cướp bóc bắt đi, hoặc gặp phi nhân đến gây nhiễu loạn bức bách... bèn phát sanh sợ hãi, lông trên thân dựng đứng. Hoặc vào ban ngày, khi thấy bạn bè thân hữu đẹp đẽ đến lui, bèn nương vào sự đắm say ưa thích phát khởi tầm tư, tức là tầm tư dục... như kinh đã rộng thuyết, cho đến tầm tư tương ưng với nhà thế tục. Như vậy đã thuyết các sự tham khuể.

Sao gọi là nhuần sanh, tự sanh, giống như cây nặc-cù-đà ở thế gian? Nhuần gọi là nước ái. Do nước ái đây làm duyên, năng sanh các thú. Tất cả các sự tham khuể kia đều lấy nước ái đây làm cộng duyên. Tự, tức là lấy tham khuể làm tiền dẫn, tâm tư đi sau, mỗi mỗi chủng tử, tánh, giới sai biệt.

Sao gọi là tham khuể, cho đến tâm tư sự trời buộc của các dục riêng khác? Giống như ở thế gian, dây leo ma-lỗ-già quấn quanh thân cây to. Nếu nói lược thì có 6 chủng dục riêng biệt:

1. Hoặc có sự việc dục hiện tại do dụng lực của thân, tay dẫn đến, đó là sở hữu các dục của kẻ sống ở cư gia. Ở nơi cảnh giới đây, lấy đây làm duyên, phát sanh tham khuể.

2. Hoặc có chủng chủng sự dục hiện tại từ người mà có được, đó là sở hữu các dục của kẻ vì nuôi mạng sống mà xuất gia. Ở nơi cảnh giới đây, dụng đây làm duyên, phát sanh hân duyệt.

3. Hoặc có sự dục quá khứ, vị lai, đó là sở hữu các dục của người bỗng nhiên tự phát khởi nỗ lực mà xuất gia. Ở nơi cảnh giới đây, dụng đây làm duyên, nên phát sanh các sự buồn lo.

4. Hoặc có các dục phiền não khác, lược có hai

chúng là ở tự thể Dục giới và thân mạng, tiền của.

5. Hoặc có loại chưa đoạn tham của hư vọng phân biệt, đó là người do chánh tín mà xuất gia, sống ở chốn nhàn cư tịch tĩnh, trông thấy các việc xảy ra vào ban đêm. Ở nơi cảnh giới đây, dụng đây làm duyên, phát sanh kinh sợ, lông trên thân dựng đứng.

6. Hoặc lại có loại chưa đoạn tham của hư vọng phân biệt. Tức là bố-đặc-già-la đây, vào lúc ban ngày nơi cảnh sắc, thanh, hương, vị, xúc bên ngoài, lấy đây làm duyên, phát sanh sở hữu tâm tư ý địa.

Lại có Sa-môn hoặc Bà-la-môn, như thật rõ biết tham cùng với khuể như trước đã thuyết và nhân duyên phát sanh của kia. Lại năng rõ biết tánh vô thường của các pháp do duyên sanh, nên tùy theo sự sanh khởi của nó mà không khởi tâm tham trước, tức liền xả ra, xả bỏ, đoạn diệt. Vì lìa tham của hai cõi Sắc và Vô sắc, vượt qua hữu bạo lưu. Vì lìa tham của cõi Dục, vượt qua dục bạo lưu. Bạo lưu như vậy, xưa chưa vượt qua thì nay đã vượt qua, trọn không thối giảm trở lại.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã

nói trên. Đó là Đức Bạc-Già-Phạm trong kệ tụng đây lược hiển 3 vị: 1. Vị tại gia; 2. Vị xuất gia; 3. Vị viễn ly. Lại tóm lược hiển thị nhân duyên cộng cùng bất cộng sanh khởi hoặc ái, hoặc khuể. Ở trong các dục có hai chủng trói buộc riêng khác và phương tiện đoạn, kể cả lợi ích thù thắng của đoạn. Nên biết đây gọi là nghĩa lược của phần này.

Lại ở trong đây, sở hữu tâm tư hoặc tham, hoặc vui, hoặc nương đắm thích, nên biết nhiếp thuộc phẩm ái. Hoặc khuể, hoặc lo lắng cùng với kinh sợ, nên biết nhiếp thuộc phẩm khuể.

*Bà-la-môn nên làm
Vị đoạn không phóng dật
Câu xả bỏ các dục
Không hy vọng hữu đây*

*Nếu có thêm sở tác
Chẳng chân Bà-la-môn
Phải biết Bà-la-môn
Nơi việc làm đã xong*

*Các thân phần mỗi nhọc
Chưa tận đáy chưa qua*

*Qua rồi trụ đất liền
Không động, đến bờ kia*

*Trời, nay người nên biết
Đây dụ chân phạm chí
Là tận hẳn các lậu
Đắc thường ủy tĩnh lự*

*Kia đoạn hẳn tất cả
Sâu ưu và thiêu đốt
Hằng trụ nơi chánh niệm
Tâm cũng thường giải thoát.*

Nay trong kệ tụng đây hiển thị chư thiên kia nương vào Bà-la-môn thế tục, nên hỏi Đức Thế Tôn. Đó là có chủng tánh các Bà-la-môn tự xưng danh hiệu “Ta là chân Phạm chí”, kế chấp cho Phạm thế là cứu cánh cùng tột nên mong cầu cõi Phạm thế, an trụ nơi sắc. Vì muốn đoạn sự dục và phiền não dục, nên thường siêng tinh tấn tâm không mỗi mệt, hằng vui hạnh viễn ly, sống thanh nhàn ở chốn tịch tĩnh, giảm bớt ngủ nghỉ, tu tập định tĩnh. Bởi chủng tánh Bà-la-môn kia kế chấp cho Phạm thế là cõi cứu cánh, nên mong cầu cõi

Phạm thế, không cầu dục hữu.

Lại hiển thị Như Lai nương các Bà-la-môn đệ nhất nghĩa mà dạy bảo cho vị trời kia:

Nếu Bà-la-môn việc làm đã làm rồi, luôn phải nên làm thêm, cần làm các việc thù thắng hơn. Nên biết đây chẳng phải chân Bà-la-môn.

Nếu Bà-la-môn chứng đắc các việc nên làm của Bà-la-môn là vượt qua tất cả thân kiến mà được an trụ nơi đất liền, nên biết đây là chân Bà-la-môn. Đây hiển thị bậc học cùng với bậc vô học đều là Bà-la-môn. Học có hai chủng: đó là ở Dục giới, hoặc chưa ly dục, hoặc đã ly dục.

Người chưa ly dục tức chưa đến được nguồn đáy, chưa đến bờ kia, ở nơi 2 chủng pháp sau vẫn chưa đầy đủ viên mãn: 1. Nội tâm chưa đắc thắng Xa-ma-tha; 2. Tuy đã đắc pháp tăng thượng tuệ Tỳ-bát-xá-na, nhưng chưa thiện thanh tịnh.

Vì nội tâm khuyết Xa-ma-tha, nên ôm phao Thánh đạo như đã được. Vì nội tâm chứng đắc Xa-ma-tha, nên chuyển vận dũng mãnh tinh tấn như chân. Lại khiến pháp tăng thượng tuệ Tỳ-bát-xá-na thiện thanh tịnh, nên chuyển vận mạnh mẽ tinh tấn như tay.

Khi người kia ở nơi đông mãnh siêng tinh tấn thực hành tất cả điều như vậy, ly dục Dục giới như đến nguồn đáy, chúng A-la-hán như đến bờ kia.

Người đã ly dục nội tâm chứng đắc thắng Xa-ma-tha, cũng đắc thiện thanh tịnh Tỳ-bát-xá-na. Chỉ vì thắng tiến đoạn thượng phần các kiết, nên phát siêng tinh tấn không phải các thân phần. Nếu đã vượt qua, thành A-la-hán, việc làm đã xong, lìa chuyên cần dụng công, gọi là đã đến bờ kia, an trụ nơi đất liền.

Trong đây nương đệ nhất nghĩa hiển thị các Bà-la-môn lược có ba chủng: hai chủng là hữu học, một chủng là vô học.

Nếu người chưa ly dục, tất cả thân phần cần phải siêng tinh tấn, gọi là được thường ủy.

Nếu người đã ly dục, đến nguồn đáy gọi là đắc tinh lự. Bạc đắc tinh lự đã vĩnh viễn đoạn tất cả hạ phần kiết, đã đoạn sở hữu tất cả sâu ưu thiêu đốt của phẩm tham dục và sân khuể.

Nếu các Bà-la-môn đã rớt ráo đến bờ kia, gọi là vĩnh viễn tận các lậu. Bạc vĩnh viễn tận các lậu, tức vĩnh viễn đoạn các phiền não tu sở đoạn, đã khéo tu tập bốn chủng niệm trụ, hằng trụ chánh

niệm và tâm giải thoát. Bậc kia đã làm rồi, không phải lại luôn luôn làm thêm, cũng không có việc cần làm thù thắng hơn. Cho nên nói bậc kia gọi là chân Bà-la-môn đệ nhất nghĩa.

Bí-sô! Bí-sô đã qua bạo lưu chăng?

Trời nói lời như thế

Không vin, không trụ, đã qua bạo lưu chăng?

Trời nói lời như thế.

– *Bí-sô, ông nay*

Giống như những gì

Không vin không trụ

Đã vượt bạo lưu.

Như như ta mệt nhọc

Như vậy như vậy kém

Như như ta kém rồi

Như vậy như vậy dừng

Như như ta dừng rồi

Như vậy như vậy nổi

Trời, ta như như xả mệt nhọc

Như vậy như vậy không giảm kém

Như vậy nói rộng phẩm trắng sạch

Nên biết trong đây kệ ngọn lửa.

Nay ở trong kệ tụng đây, không vin không trụ tức là Niết-bàn diệt định, như trước đã thuyết. Thế Tôn nương vào thuở xưa lúc tu Bồ-tát hạnh, thực hành các khổ hạnh khó hành, đây không phải là nhiếp dưỡng mãnh tinh tấn. Lại nương ngôi tòa Bồ-đề, đây không phải là phương tiện nhiếp dưỡng mãnh tinh tấn. Vì đoạn biến tri mà thuyết lời rằng: “Này trời, ông phải biết, ta xưa kia như như vất vả mệt nhọc, như vậy như vậy ta liền bị giảm kém, như như giảm kém, như vậy như vậy ta bèn dừng nghỉ, như như dừng nghỉ, như vậy như vậy lại bị chìm nổi”. Trái với tướng đây nên biết là phẩm bạch.

Trong đây hiển thị tu khổ hạnh đây không phải là phương tiện nhiếp dưỡng mãnh tinh tấn, cho nên gọi là mệt nhọc. Hành tà phương tiện, bị thối thất thiện pháp, gọi là giảm kém. Đã biết thối thất các thiện pháp rồi, bèn dứt các tà phương tiện, gọi là dừng nghỉ. Xả bỏ các khổ hạnh, tìm cầu thầy khác, lại thuận theo sự tà quán sát của các thầy như Ôt-đạt-lạc-già, A-la-trà... nên gọi là chìm nổi. Lại ở thời sau ngôi tòa Bồ-đề, xả bỏ tất cả cái

không phải phương tiện nhiếp đồng mãnh tinh tấn, nên những thiện pháp sở hữu liền được tăng trưởng. Như như thiện pháp đã tăng trưởng rồi, như vậy như vậy ở nơi các thiện pháp không sanh biết đủ, không dừng nghỉ. Ở nơi việc tu đoạn, triển chuyển tâm cầu điều vi diệu thù thắng hơn. Do không biết đủ như vậy, bèn không tìm cầu thêm thầy ngoại đạo khác. Không thầy, tự nhiên tu ba mươi bảy phẩm pháp Bồ-đề phần, chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, gọi là bậc Đại Giác. Trong đây có bốn nghĩa: xả bỏ sự gian khổ mệt nhọc... là kinh văn “bốn câu”, như thứ lớp ấy nên biết phối hợp giải thích.

Lại nương Niết-bàn không vin không trụ để hiển thị sự khác biệt. Tức là không thể vượt qua bạo lưu của các phiền não triền, tùy miên, lược do bốn nhân. Những gì là bốn? Ban đầu nương tâm ham thích, vì lấy tâm ham thích đây làm chỗ nương, bèn có giải đãi. Lại do vì giải đãi làm chỗ nương, nên trụ phần dị sanh. Vì trụ phần dị sanh làm chỗ nương, nên thuận thế lực tham ái mà chảy theo dòng sanh tử, khiến ở trong dòng sông năm thú sanh tử mà thuận theo đó chìm nổi. Trái với tướng

đây là bốn chủng nhân năng vượt qua bạo lưu, tùy theo thứ tự ấy mà biết.

Lại nương Diệt thọ tướng định để hiển thị sự sai biệt. Đó là như có người trước đã chứng đắc Diệt thọ tướng định, nhưng lại trụ nhiều phóng dật, trụ nhiều nơi tướng thọ, mà không trụ nhiều nơi các tướng thọ diệt. Do nhân duyên đây, thối thất diệt định. Do vì thối thất, trở lại dừng trụ ở nhân sanh của địa dưới. Vì trụ nhân kia, tâm quyết định hướng đến sở đắc quả kia. Trái với tướng đây, nên biết là bốn câu khác thuộc phẩm bạch.

Riêng đến a-lan-nhã
Xả tài bảo, tinh lự
Vì có mong cầu riêng
Vì không dạo xóm làng
Sao không cùng người gặp
Dứt tuyệt không bạn lữ.

– *Được nghĩa, tâm tịch tĩnh*
Diệt quân ma diệu sắc
Ta ở riêng tư duy
Thọ an lạc tối thắng
Nên không cùng người gặp

Dứt tuyệt không bạn lữ.

Đây là kệ tụng thỉnh hỏi của thiên nữ.

Chỗ nói được nghĩa, lược có 2 chủng: 1. Chúng được nghĩa quả Sa-môn; 2. Chúng được nghĩa thánh thần thông.

Do được nghĩa đầu tiên, nên vượt qua tất cả khổ lớn sanh tử. Do được nghĩa thứ hai, nên chúng tám giải thoát, tư duy tịch tĩnh, lạc trú hiện pháp.

Lại do được nghĩa đầu tiên, nên hàng phục diệu sắc khả ái của ma quân. Do được nghĩa thứ hai, nên ở một mình tư duy lãnh thọ sự an lạc thù thắng.

Trong đây ý biện biệt nghĩa thánh thần thông. Vì sao? Đó là như có người vì muốn thành tựu nghĩa thánh thần thông, khiến giải thoát viên mãn, nên tu hành nương theo phương tiện mười biến xứ. Do nhân duyên đây, khiến biến xứ định thanh tịnh viên mãn, cũng khiến giải thoát chuyển được thanh tịnh viên mãn sáng sạch, cũng năng thành xong nghĩa thánh thần thông. Vì kia rõ biết đã thành xong rồi, liền tự thông đạt nghĩa: “Ta đã thành xong”.

Nghĩa quả Sa-môn cũng được thành tựu. Đây là chân Sa-môn. Đối với việc cầu tiền của, tu nhằm chán ghét bỏ sâu. Đối với việc vào thành ấp, giao du gặp gỡ... rõ biết điều đầu tiên, rõ biết quá hoạn, rõ biết xuất ly, cũng năng rõ biết hướng đến hạnh xuất ly.

Nhân duyên sanh ra kia, gọi là điều đầu tiên. Các khổ vô thường tánh pháp biến hoại, gọi là quá hoạn. Điều phục, đoạn trừ, vượt qua dục tham gọi là xuất ly. Tám thánh đạo chi, gọi là hướng đến hạnh xuất ly.

Nếu có người đối với việc giao du kia không thấy điều đầu tiên, cho đến không thấy hướng đến hạnh xuất ly. Do nhân duyên đây, ở nơi các việc hữu tình, trần bảo, tài sản... không thể sanh nhằm chán ghét bỏ sâu, dạo chơi nơi thành ấp xoay vần không dứt, thì người như vậy chẳng được gọi là tâm đắc tịch tĩnh. Đối với người ra khỏi cuộc sống gia đình, chứng tám giải thoát tịch lự, nội tâm tịch tĩnh, thì trở lại sanh phỉ báng. Do đây kẻ kia ở nơi nội tâm tịch tĩnh chẳng thể kham năng, chẳng thể khéo thấy, khéo biết, khéo quán sát và khéo thông đạt. Nếu đệ nhất nghĩa nội tâm tịch

tĩnh thì trái với tướng trên, tức có đủ kham năng, khéo thấy cho đến khéo thông đạt.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã nói trên. Đó là Đức Bạc-Già-Phạm trong đây lược hiển thị các kẻ thọ dục, kẻ vui sống hỗn tạp không phải là đệ nhất nghĩa nội tâm tịch tĩnh. Nếu người chúng đắc tám giải thoát định, lìa các ái vị, mới được gọi là đệ nhất nghĩa nội tâm tịch tĩnh. Nên biết đây gọi là nghĩa tóm lược của phần này.

Các hành vô thường

Pháp có sanh, diệt

Do vì sanh diệt

Kia tịch là vui.

Trong kệ tụng đây, uẩn và thủ uẩn đều gọi là các hành. Nghĩa trong đây muốn nói thủ uẩn. Năm thủ uẩn đây lược có ba chủng, đó là quá khứ, vị lai và hiện tại. Các hành vô thường, tức là các hành kia gốc vốn không mà sanh, sanh rồi tầm diệt.

Nếu ở quá khứ sanh, sở hữu các uẩn trong các tự thể đã được trong quá khứ vì đều đã là quá khứ, vì đã tàn diệt, vì đã sanh rồi mất, nên thể là vô thường.

Nếu ở vị lai sanh, sở hữu các uẩn trong các tự thể sẽ được trong vị lai vì đều là chưa sanh, vì chẳng phải đã khởi, vì chưa diệt mất, vì có thể sanh khởi, nên đây là pháp có sanh.

Nếu ở hiện tại sanh, sở hữu các uẩn hữu tình tạm sống, giữ gìn, sống còn... trong các tự thể đang có được ở hiện tại, vì đều là pháp chết, vì có thể bị hoại diệt mà chết đi, nên đây là pháp có diệt.

Nếu các uẩn kia ở vị lai, chỗ được tự thể là pháp có sanh, ở khoảng giữa đều không chỗ được tự thể là thường, là hằng, cho đến tức sẽ chánh trụ như vậy. Chỉ trừ vừa mới sanh, sanh rồi tìm đến diệt. Nếu các hữu tình ở trong hiện pháp vĩnh viễn tận diệt nhân các uẩn vị lai, vì khiến tất cả tự thể của các uẩn vị lai đều không sanh, nên thuyết là *kia tịch*.

Lại *tịch* đây do 2 nhân duyên nên được gọi là vui: 1. Vì tất cả nhân khổ diệt, vì tất cả thô trọng vĩnh viễn dùng dứt, vì ở trong hiện pháp trụ an lạc, nên nói là vui. 2. Vì ở đương lai vĩnh viễn thoát khỏi sở hữu các khổ của sanh, lão, bệnh... nên nói là vui.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã

nói trên. Đó là trong đây Đức Bạc-Già-Phạm lược thuyết y xứ chánh kiến và quả chánh kiến.

Lại có cách nói khác, đó là lược hiển thị y xứ biến tri và sự đoạn diệt của kia.

Lại lược hiển thị pháp sở biến tri cùng với biến tri.

Lại lược hiển thị sở hữu tạp nhiễm của các hành ba đời và sở hữu vì kia tịch tịnh.

Lại lược hiển thị các pháp duyên khởi cùng với duyên khởi diệt.

Lại lược hiển thị khổ đế, diệt đế.

Lại lược hiển thị xứ sở y của hai giải thoát môn là Không và Vô nguyện, cùng hiển xứ sở y của một môn giải thoát là Vô tướng.

Lại lược hiển thị xứ sở y của hai pháp đoạn trái nhau của hiện quán thánh đế. Chỗ nói 2 pháp: 1. Thuận theo sự hý luận; 2. Lo sợ không hý luận.

Lại lược hiển thị 2 pháp đối trị không cùng chung với ngoại đạo. Những gì là hai? 1. Sở tri, tánh không điên đảo; 2. Sở chứng, tánh không điên đảo.

Không dật, dậu bất tử

Phóng dật là dậu chết

*Người không dật không chết
Kẻ phóng dật thường chết*

Nay trong kệ tụng đây, sao gọi là không phóng dật là dấu hiệu của không chết? Như có người nương bốn sở y, kiến lập bốn chủng phòng hộ là: phòng hộ mạng, phòng hộ lực, phòng hộ tâm tạp nhiễm và phòng hộ chánh phương tiện. Đây là không phóng dật.

Không phóng dật đây làm chỗ nương, làm chỗ giữ gìn, khiến người chưa viên mãn tư lương Niết-bàn chóng được viên mãn, người đã viên mãn khiến ở trong hiện pháp đắc Bát-niết-bàn.

Sao gọi phóng dật là dấu hiệu của chết? Như có người là cư sĩ tại gia, ở nơi các cảnh dục đắm trước thọ dụng gây tạo nghiệp bất thiện. Hoặc có kẻ xuất gia hiện bốn việc không phòng hộ, đó là không phòng hộ mạng cho đến không phòng hộ chánh phương tiện. Phóng dật như vậy thông cả hai phẩm là phẩm tại gia và phẩm xuất gia. Tức lấy phóng dật đây làm chỗ nương, làm chỗ giữ gìn, vui gốc hành sanh, tạo gốc hành nghiệp. Nhân đây nên sanh, sanh rồi thọ mạng hết, sanh rồi chết yếu.

Sao gọi là người không phóng dật không chết, kẻ phóng dật thường chết? Có 5 chủng chết: 1. Điều thiện chết; 2. Không điều thiện chết; 3. Ở quá khứ chết; 4. Ở hiện tại chết; 5. Ở vị lai chết.

Nếu bổ-đặc-già-la khéo tu tập không phóng dật đây, ở đời hiện tại do điều thiện chết mà đúng lúc chết. Do quá khứ chết, đã chết ở đời quá khứ do không điều thiện chết. Ở đời hiện tại, không do không điều thiện chết mà chết. Ở đời vị lai, không do điều thiện chết, không do không điều thiện chết mà chết. Cho nên gọi là không chết.

Nếu có bổ-đặc-già-la phóng dật, ở đời hiện tại do không điều thiện chết mà đúng lúc chết. Ở đời quá khứ, cũng do không điều thiện chết, đã chết. Ở đời hiện tại, tức do không điều thiện chết mà chết. Ở đời vị lai, cũng do không điều thiện chết, sẽ chết. Cho nên gọi là thường chết.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã nói trên. Đó là trong đây Đức Bạc-Già-Phạm lược hiển thị người không phóng dật tức là đạo đế và diệt đế. Người có phóng dật tức là tập đế và khổ đế.

Lại lược hiển tánh thị xứ và phi xứ, tánh tự

gây tạo nghiệp. Nửa kệ tụng trước hiển thị tánh thị xứ, phi xứ. Nửa kệ tụng sau hiển thị tánh tự gây tạo nghiệp.

Lại, nửa kệ trước hiển thị việc nên làm của thầy đối với trò. Nửa kệ sau hiển thị nghĩa tự thực hành của các đệ tử.

*Chúng sanh tâm tư chỗ xao động
Tham dục mãnh lợi tùy quán diệu
Nhiễm ái bội tăng mà lưu chuyển
Bèn năng bị trói buộc kiên cố.*

Nay trong kệ tụng đây, sao gọi là chỗ xao động của tâm tư? Như có người ở nơi cảnh giới các dục trước đã từng có được, đã từng thọ dụng, mà không chánh tác ý, phát sanh bất thiện, nương nơi tâm tư các ác say mê đắm luyến.

Sao gọi là tham dục mãnh lợi? Như có người xưa ở trong đời khác đã từng tập quen, nhiều tập quen tham dục. Do nhân duyên đây nên trong đời hiện tại, ở nơi cảnh giới các dục trước đã từng có được, đã từng thọ dụng, không chánh tác ý, nên tâm bị tham dục khiến tán loạn.

Sao gọi là tùy quán tịnh diệu? Như có người

không khéo phòng hộ thân, không nhiếp giữ các căn, không an trụ chánh niệm, rong chơi nơi xóm làng, thấy những thiếu nữ dung sắc khả ái liền không như lý, giữ lấy các tướng tịnh diệu. Do nhân duyên đây, thân tâm bị thiêu nấu.

Sao gọi là nhiễm ái tăng gấp bội? Do 5 chủng tướng mạo nên biết tăng trưởng sự nhiễm ái. Những gì là năm?

1. Như có người đối với cảnh giới các dục hạ liệt thấp hèn còn sanh khởi các tham dục triền mãn lợi, đắm trước chẳng xả, hà hưởng các dục thượng diệu.

2. Không dụng chánh pháp mà dụng phi pháp, phần nhiều hung bạo, tích góp trân bảo tài sản, cũng thường tích chứa các vật dụng tăng thượng.

3. Đối với vật thấp kém, vô dụng mà còn không muốn bỏ, hà hưởng đối với vật quý trọng. Tuy là truy cầu các tài của vật dụng nhỏ nhoi xấu kém, mà còn hành nhiều thân ngữ ý ác bậc thượng, hà hưởng truy cầu tài vật đẹp tốt.

4. Đối với sự thọ trì chút ít diệu hạnh, tâm vẫn còn không hướng đến vui thích, hà hưởng thọ trì rộng lớn.

5. Đối với Niết-bàn còn không vui muốn nghe, hà huống vui muốn chứng đắc.

Sao gọi là trói buộc kiên cố? Do 3 chủng tướng nên biết là trói buộc kiên cố: 1. Vì ngục kiên cố; 2. Vì sự tiếp xúc khổ; 3. Vì trường thời theo đuổi. Ở trong hiện pháp, do căn ác hạnh tham sân si, nên biết sự trói buộc của ngục kiên cố. Ở đời đương lai, do sanh trong địa ngục, bàng sanh và quỷ thú, nên biết sự xúc chạm khổ và trường thời đuổi theo sự khổ kia.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã nói trên. Đó là lược hiển thị nương 2 nhân tán thất hủy hoại, nên có 2 chủng tán thất hủy hoại.

Hai nhân tán thất hủy hoại: 1. Lực của sự tư duy bất chánh; 2. Lực của nhân.

Lực của sự tư duy bất chánh: tức là tùy nhớ nghĩ cảnh giới đã từng thọ dụng trước kia, làm nhân duyên sanh khởi tư duy bất chánh. Hoặc tà phân biệt cảnh giới hiện tiền, là nhân duyên sanh khởi tư duy bất chánh. Hoặc tư duy bất chánh thủ lấy tướng tà. Hoặc tức ở nơi kia tư duy bất chánh, hoặc hành, hoặc trụ.

Lực của nhân: tức là ở nơi cảnh giới khả ái, đã

từng tập quen tham dục.

Hai chủng tán thất hủy hoại: 1. Mong cầu hoại mất; 2. Thọ dụng hoại mất.

Mong cầu hoại mất: như có người vì thành tựu hai chủng nhân tán thất hủy hoại, dụng phi chánh pháp, hoặc dụng sự hung bạo mà truy cầu tích tập sở hữu tài vật bất chánh.

Thọ dụng bị hoại mất: như có người ở nơi cảnh giới đã được trước kia mà theo đó thuận vui, thuận khổ, thuận không khổ vui. Trong các cảnh giới ấy, hoặc có lúc đối với cảnh phát sanh tham nhiễm, nói rộng cho đến không biết ra khỏi xa lìa, mà lại thọ dụng. Hoặc có lúc đối với cảnh phát sanh ghét giận, bị ghét giận chướng che. Hoặc có lúc đối với cảnh phát sanh ngu si, bị ngu si chướng che. Do kia bị tham nhiễm chướng che cho đến bị ngu si chướng che như vậy, nên thân ngữ ý hành chủng chủng ác hạnh, liền bị ba chủng phược kiên cố của tham sân si vây bủa trói cột, cũng bị các phược của địa ngục, bàng sanh, quỷ thú... vây bủa trói cột.

Lại nói cách khác, đó là bổ-đặc-già-la bị ái kiết ràng buộc, tóm lược có 7 chủng tạp nhiễm,

phải biết đây đều do sự tạo tác của tham ái: 1. Tù nhớ nghĩ tạp nhiễm; 2. Không tự tại tạp nhiễm; 3. Cảnh giới tạp nhiễm; 4. Phiền não tạp nhiễm; 5. Tạp nhiễm tương ưng cõi thiện; 6. Tạp nhiễm tương ưng cõi ác; 7. Các kiến tạp nhiễm.

Tù nhớ nghĩ tạp nhiễm: như có người tù nhớ nghĩ bất chánh đối với cảnh giới khả ái đã từng thọ dụng trước kia, hy vọng truy cầu, khiến tâm bị tán thất hủy hoại.

Không tự tại tạp nhiễm: như có người vì đời trước thường xuyên tập quen pháp tham dục, nên đời nay thành tánh tham dục mãnh lợi. Tuy có tù nhớ nghĩ tác ý như lý đối với cảnh giới khả ái, nhưng tâm vẫn bị tán thất hủy hoại bởi hy vọng truy cầu tham dục. Do vì kẻ kia tham dục rất mãnh lợi, nên tâm không được tự tại.

Cảnh giới tạp nhiễm: như có người đi vào thành ấp thấy các cảnh giới đoan nghiêm, dung sắc khả ái. Do vì theo tướng mỹ diệu của cảnh giới đoan nghiêm kia mà tâm thức bị trói buộc kéo dài. Nhân đây phát sanh hy vọng, truy cầu vô số tham ái.

Nhiệt não tạp nhiễm: như có người do ba chủng tạp nhiễm năng tăng trưởng các tham ái, khiến

tham ái đã có triển chuyển lớn mạnh, dẫn dắt truy cầu luyến tiếc cảnh đã thọ dụng ở quá khứ, hy vọng mong cầu cảnh sẽ thọ dụng ở vị lai, đấm trước cảnh đang thọ dụng ở hiện tại, cho đến khiến thân tâm nhiệt não biến khắp.

Tạp nhiễm tương ưng cõi thiện: tức do tập đế tham ái của kia lực tăng thượng, khiến thân ngữ ý hành chủng chủng diệu hạnh, do đây được sanh thiện thú hoặc trời, hoặc người. Kia ở nơi sự thọ lạc đấm trước không xả, an trú say đắm, chuyên hành phóng dật.

Tạp nhiễm tương ưng cõi ác: tức do tập đế tham ái của kia lực tăng thượng, nên thân ngữ ý hành chủng chủng ác hạnh, lúc thân hoại mạng chung, đọa các ác thú, sanh trong địa ngục. Sanh ở kia rồi, liền bị chủng chủng ưu khổ cực nặng, bị tâm ác tâm giận quấy nhiễu thiêu đốt não hại.

Các kiến tạp nhiễm: tức do tập đế tham ái của kia lực tăng thượng, lại gặp bạn ác nói pháp điên đảo. Kia tuy mong cầu giải thoát khỏi sự tạp nhiễm, mà do gặp bạn thuyết pháp điên đảo như vậy, nên không chứng giải thoát. Ở trong 62 kiến thú, theo một trong số đó mà tăng trưởng tà kiến. Ở trong

các pháp duyên khởi, bị ngu si tăng thượng. Do kia bị kiến kiết sử trói buộc như vậy, nên ở trong biển lớn sanh tử lộn quanh năm thú không được giải thoát.

*Trụ pháp, đủ Thi-la
Có tâm, nói chân thật
Năng yêu giữ thân mình
Cũng khiến được người yêu*

Nay trong kệ tụng đây, sao gọi là trụ pháp? Đó là ở trong chánh pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da sở chứng của chư Như Lai, tịnh tín xuất gia, vui tu phạm hạnh.

Sao gọi là đủ Thi-la? Đó là vì xuất gia như vậy, vui thích như vậy, nên ở nơi giới không khuyết phạm cho đến không tạp loạn. Thực hành tương tục, triển chuyển tương tục. Đối với các học xứ, năng thọ năng học.

Sao gọi là có tâm? Tức là hổ thẹn đối với điều đáng hổ thẹn. Hổ thẹn đối với nhân duyên sanh khởi các pháp ác bất thiện, đó là năng thuận theo giới ác, giới tạp loạn, tức tướng bất chánh, tâm tư bất chánh, hoặc các phiền não và tùy phiền não.

Sao gọi là nói chân thật? Tức là phát lộ các ác, không che giấu các ác. Nếu có trái phạm, tức liền đối trước bậc trí giả hoặc đồng phạm hạnh, như thật tự cử tội, như pháp đối trị.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã nói trên. Đó là trong kệ tụng đây Bạc-Già-Phạm lược hiển bốn nhân nhiếp lấy Thi-la thanh tịnh là: vì năng chánh thọ, vì thọ rồi chẳng tạp loạn, vì xa lìa nhân tạp loạn, vì tuy do vô tri nên phóng dật tạp loạn rồi, tức liền như pháp mà đối trị. Nên biết đây gọi là nghĩa lược của phần này.

*Nếu thấy ác nghiệp người
Năng xét kỹ tư duy
Tự thân trọn không làm
Bởi nghiệp kia năng buộc.*

Nay trong kệ tụng đây, sao gọi là thấy nghiệp ác của người, xét kỹ tư duy? Như có thiện nam tử, hoặc thiện nữ nhân có tánh thông tuệ, thành tựu như lý quán để pháp nhãn. Vì thấy người khác hiện hành nhân ác hạnh phải chịu vô số sự khổ sở đánh đập nhục nhã, lại bị người bắt giữ đến chỗ vua... nói rộng như kinh, cho đến bị mất mạng.

Thấy như vậy rồi liền suy nghĩ quán xét: “Người này hiện pháp gây tạo nghiệp ác bất thiện như vậy, liền ở trong hiện pháp trở lại thọ quả báo khổ sở như vậy... mà chưa dừng dứt các nghiệp ác. Bất thiện như vậy trọn không nên làm, trọn không nên gây tạo, trọn không nên hành động, trọn không nên sai phạm”.

Tức kia lại thấy những người giết dê, gà, heo... nói rộng tất cả các bất luật nghi. Thấy rồi liền suy nghĩ: “Chẳng thể do làm các tài năng, nghề nghiệp nuôi mạng như vậy mà được sang trọng cưỡi voi, ngựa, xe... Chẳng thể nhân đây dẫn đến có được tiền của, kho tàng rộng lớn. Chẳng thể nhân đây khiến không bị tan mất. Trái lại còn bị thế gian chê trách. Phạm kẻ ở thế tục còn tránh xa không lấy thân tạm xúc thọ, hưởng những bậc hiền triết khác...”. Còn lại như trước đã thuyết.

Tức kia lại thấy người khác giàu sang, có nhiều tài sản của báu, nhưng lại biếng nhác, trụ nhiều phóng dật. Thấy rồi liền suy nghĩ: “Trải qua ngày đêm, năm tháng kéo dài, chỗ có tài sản, cơ nghiệp, đầy tớ, cùng các thiện pháp ắt dần suy thoái...”. Còn lại như trước đã thuyết.

Tức kia lại thấy chủng chủng hữu tình có thân tướng sai biệt: có người lúc sanh ra đã bị mù lòa, hoặc lúc sanh ra bị điếc, hoặc lúc sanh ra bị câm, hoặc mù lòa, hoặc què chân, hoặc ghẻ lở, hoặc cùi hủi, hoặc tuổi thọ ngắn ngủi, hoặc dung sắc xấu xí, hoặc nhiều bệnh tật, hoặc sanh trong nhà nghèo cùng hạ tiện, hoặc bị tuệ ác che mờ, hoặc phiến-trạch-ca, hoặc bán-trạch-ca (bán nam bán nữ), hoặc hình thể khó coi... còn có người thì lại chẳng bị như vậy. Thấy rồi liền suy nghĩ quán xét: “Người đây trước tạo tác chủng chủng nghiệp ác bất thiện, nay thọ quả báo khổ ác như vậy... cho đến chưa từng dừng dứt nghiệp ác bất thiện”. Còn lại như trước đã thuyết.

Tức kia lại thấy người khác thông minh, không có lười biếng, đầy đủ sức lực gây dựng nghề nghiệp: làm nông, buôn bán, đưa đò... và năng làm các công việc ngôn luận. Tuy kia đầy đủ dũng mãnh như vậy, nhưng sự nghiệp tạo làm dần dần suy tổn, trọn không thành tựu trọn vẹn. Thấy rồi liền suy nghĩ như vậy, còn lại như trước đã thuyết.

Tức kia lại thấy hai người xuất gia, hướng đến đời sống không nhà, cùng tu phạm hạnh. Một người

ở nơi hết thủy lợi dưỡng như áo quần, ăn uống... đều bị thiếu thốn. Một người thì không bị thiếu thốn. Thấy rồi liền suy nghĩ như vậy, còn lại như trước đã thuyết.

Tức kia lại thấy có quốc vương, hoặc đồng bậc với vua, lo lắng giữ gìn củng cố ranh giới đất đai, kiên cố chẳng xả, đều chỉ vì một thân, một thể, một bộ xương này. Chỉ vì rất ít an lạc ở hiện tại, mà cửa thân ngữ ý hiện hành vô lượng ác hạnh rộng lớn, tổn hại nhiều đời nhiều thân an lạc, sau rồi phải thọ nhiều đời nhiều thân khổ lớn. Thấy rồi liền suy nghĩ: “Ta xem thấy quốc vương, hoặc đồng bậc với vua, bị ngu si che lấp sâu, chỉ biết gìn giữ yêu quý một thân một đời, chẳng biết gìn giữ nhiều thân nhiều đời. Chỉ yêu thích cái vui ngắn ngủi nhỏ nhất ở hiện tại, không yêu thích cái vui lâu dài, rộng lớn ở tương lai. Cũng chẳng phải không yêu quý khổ sở nhiều đời... cho đến các ác bất thiện nghiệp như vậy, trọn chẳng nên làm, trọn chẳng nên tạo tác, trọn chẳng nên hành động, trọn chẳng nên sai phạm”.

Lại có thiện nam tử hoặc thiện nữ nhân có tánh thông tuệ, chứng được thiên nhãn. Dụng thiên

nhân đây thấy các hữu tình khi sanh khi chết, như kinh đã rộng thuyết, cho đến sanh trong đại địa ngục. Thấy rồi liền suy nghĩ quán xét: “Người này ở trong hiện pháp gây tạo nghiệp ác bất thiện như thế, khiến đời sau thọ quả báo khổ... cho đến dùng các ác bất thiện như vậy”. Còn lại như trước đã thuyết.

Như vậy, hoặc thiện nam tử, hoặc thiện nữ nhân, thấy người làm các nghiệp ác bất thiện đây rồi, nương 4 chủng hành khéo tư duy kỹ, khéo quán sát kỹ. Những gì là bốn?

1. Quán sát: Hoặc do nhân trái vượt, hoặc do tà mạng nuôi sống, hoặc do phóng dật giải đãi, khiến ở trong hiện pháp gây tạo các nghiệp ác bất thiện, nên trong hiện đời thọ quả báo không đáng yêu thích.

2. Quán sát: Hoặc có hữu tình mang thân khác nhau, hoặc có việc làm mà quả chẳng toại ý, hoặc có điều mong cầu mà quả không toại ý, tất cả đều do nghiệp ác bất thiện đã tạo làm từ trước, nên ở trong hiện pháp riêng thọ quả báo không đáng yêu thích như vậy”.

3. Quán sát: Hoặc có quốc vương, hoặc đồng

bạc với vua, do nhân trong hiện pháp làm các việc ác, nên biết đời sau nhất định thọ chủng chủng quả báo không đáng yêu thích.

4. Quán sát: Các loại hữu tình lúc sanh lúc chết, do nhân trong hiện pháp gây tạo chủng chủng nghiệp ác bất thiện, nên trong hậu pháp thọ quả báo không đáng yêu thích. Kia như thật biết do như vậy, nên trọn không tự mình gây tạo.

Sao gọi là nghiệp kia trói buộc? 1. Vì vui trong các nghiệp; 2. Vì nghiệp nặng; 3. Vì ở nơi quả báo của nghiệp không được tự tại.

1. Vì vui trong các nghiệp: như có người xuyên suốt tập quen làm ác, vui thích với cái ác. Do nhân duyên đây, đối với các thiện pháp, tâm không thể thú nhập. Đây là nghiệp trói buộc thứ nhất.

2. Vì nghiệp nặng: như có người đối với nghiệp vô gián, hoặc gây tạo đầy đủ, hoặc gây tạo không đầy đủ, hoặc do nhân duyên, tuy có vui thích đối với chánh pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da sở chứng của Phật, tạm thời xuất gia hãy còn chẳng thể được, hưởng năng thu được chứng đắc quả Sa-môn. Như vậy gọi là nghiệp trói buộc thứ hai.

3. Vì ở nơi quả báo của nghiệp không được tự

tại: đó là như có người do nhân duyên hành thân ngũ ý ác hạnh, nên sanh trong các ác thú. Sanh ở xứ kia rồi, không được tự tại, không thể tự nhậm chuyển, ở trong đêm dài thọ khổ. Nếu sanh ở biên địa, tuyệt không có bốn chúng hiền thiện du hành qua lại, đó là Bí-sô cho đến Ô-ba-tư-ca. Như vậy gọi là nghiệp trói buộc thứ ba.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã thuyết trên. Đó là Đức Bạc-Già-Phạm ở trong đây lược hiển thị nương các hữu tình nghiệp nghiệp quả báo mà như lý tư duy và hiển như lý tư duy làm tiền dẫn tùy pháp, hành pháp. Nên biết đây là nghĩa tóm lược của phần này.



Quyển 19

Thứ 11. TƯ SỞ THÀNH ĐỊA

Phần 4

*Hiền thánh thường nói lời thiện, đầu
Hai, lời ái, không phải không ái
Ba, lời thật, không phải không thật
Bốn, lời pháp, không phải không pháp.*

Nay trong kệ tụng đây, chỗ nói *lời thiện*, tức là thiện thuyết, thiện ngữ, thiện luận. Nên biết thiện thuyết có 3 chủng tướng, đó là: 1. Ý vui; 2. Không nhiễm; 3. Chỉ thiện. Chủng lời thứ nhất khiến người mừng vui. Chủng lời thứ hai khiến tự thân phòng hộ giữ gìn Thi-la trọn không khuyết hở. Chủng lời thứ ba năng khiến người khác ra khỏi nơi bất thiện, an trụ nơi thiện, nhân đây dẫn nhiếp lợi ích an lạc.

Hoặc có lời thân ái mà không chân thật, không phải chánh pháp. Như có người dùng lời nói hoa mỹ xảo diệu để khen tặng đức không chân thật của người khác.

Hoặc có lời chân thật mà không thân ái, không phải chánh pháp. Như có người đem tâm nhiệm ô phát lời nói thô ác, chê trách lỗi lầm thật có của người khác.

Hoặc có lời chánh pháp, cũng là thân ái, cũng là chân thật. Như có người khéo biết khen ngợi cùng với quở trách. Dù biết đáng khen ngợi, đáng chê trách rồi, nhưng không khen ngợi, cũng không chê trách. Chỉ khéo phương tiện vì người kia dẫn dạy chánh pháp, năng khiến kia ra khỏi bất thiện, an trụ nơi thiện.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã nói trên. Đó là trong đây Đức Bạc-Già-Phạm lược hiển thị lời nói thiện tốt, hoặc nêu ra, hoặc giải thích. Nên biết đây là nghĩa lược của phần này.

*Pháp tín, tâm, giới, thí
Được người lành khen ngợi
Đây gọi hướng đạo trời
Hay đến trời thế gian.*

Kệ tụng đây hiển rõ như có người ở trong pháp Tỳ-nại-da sở chứng của Phật, thu được chánh tín, thẹn hổ nơi cư gia, thọ trì tịnh giới. Đối với y

phục, ăn uống, ngọa cụ... hướng đến sanh vui đủ, tiết giảm các vật dụng nuôi thân, tiết giảm các duyên của cải. Phạm lợi dưỡng thu được đều như pháp, trọn không cất giữ làm vật tư riêng mà cùng thọ dụng với bậc có trí, người đồng phạm hạnh. Sở hữu chánh pháp đầu, giữa, sau đều thiện, tán thán khen ngợi phạm hạnh. Chỗ gọi là từ Khế kinh cho đến Luận nghị, đều năng thọ trì nghiên cứu thông đạt, rộng vì người truyền dạy diễn nói khai thị.

Người kia đã thành tựu các thiện pháp đây, nên biết quyết định thu được 3 chủng lợi ích thù thắng: 1. Được sự khen ngợi tán thán của chư Phật, đệ tử Phật và người thiện chân thật; 2. Nếu người khéo viên mãn tư lương phước do Thi-la tài thí nhiếp dẫn và tư lương trí huệ do pháp thí nhiếp dẫn, sẽ được thú nhập chứng giải thoát xứ, được vào trong chúng đồng phạm chư thiên thanh tịnh; 3. Nếu người kia vẫn chưa viên mãn hai chủng tư lương, thì năng khiến mau được viên mãn. Sau khi thân hoại mạng chung, quyết định sẽ sanh ở cõi thiện. Phần nhiều vãng sanh trong thế giới vui thú cõi trời.

Lại có cách giải thích khác. Như có người ở

trong pháp Tỳ-nại-da sở chứng của Phật, được tâm chánh tín, tin chắc do ác giới sẽ đọa vào ác thú, tin chắc do xan tham sẽ chịu quả báo bần cùng. Tin chắc như vậy, nên ở trong hiện pháp đối với ác giới, xan tham, sanh sâu thẹn hổ. Vì lấy thẹn hổ làm chỗ nương, nên xả bỏ ác giới, thọ trì giới thanh tịnh. Xả bỏ xan tham, dụng tâm vô cấu, an ổn sống nơi cư gia, nói rộng cho đến khéo hành bố thí. Do nhân duyên đây, ở trong hiện pháp được thánh hiền khen ngợi, cho đến thân hoại về sau sẽ sanh trong thế giới vui thú cõi trời.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã nói trên. Trong đây Đức Bạc-Già-Phạm lược hiển thị hai chủng chánh hạnh của người tại gia và xuất gia, cùng sở hữu lợi ích thù thắng của quả chánh hạnh. Nên biết đây gọi là nghĩa lược của phần này.

Đa văn năng biết pháp

Đa văn năng xa ác

Đa văn xả vô nghĩa

Đa văn đắc Niết-bàn.

Kệ tụng đây hiển rõ, đó là như có người nương giáo pháp không điên đảo, nương luận thí, luận

giới, luận sanh thiên được kiến lập một cách chân chánh từ trước, cung kính lắng nghe. Đã nghe rồi, năng tìm hiểu rõ biết nghĩa đây. Đó là tự tư duy chủng chủng ác hạnh ở trong hiện pháp và nhân khổ vô nghĩa sanh vào cõi ác ở đương lai: “Cần phải chóng xa lìa các ác hạnh, đến cõi thiện và xả nhân khổ vô nghĩa sanh vào đường ác”. Do kia rõ biết pháp nghĩa như vậy, nên tùy pháp hành pháp năng xa lìa nhân khổ, năng dẫn phát nhân vui. Do nhân duyên đây, xả khổ được vui.

Nếu đối với giáo pháp tăng thượng tương ứng với bốn thánh đế lại cung kính lắng nghe. Đã nghe rồi, lại năng thông đạt hiểu rõ ý nghĩa, đó là thấu hiểu tất cả hữu sanh tử đều là đại khổ, Niết-bàn tịch tĩnh. Do kia rõ biết pháp nghĩa như vậy, nếu căn đã thành thực, tư lương đã đầy đủ, liền có khả năng thành tựu rõ biết nhận thức nghĩa như vậy. Có người mới nghe chánh pháp, vì tâm thanh tịnh nên ở nơi các thánh đế chưa hiện quán thì năng nhập hiện quán, nếu người đã hiện quán, liền được lậu tận. Nếu người căn chưa thành thực, tư lương chưa viên mãn, tức nhờ như vậy xa lìa các ác, nương tăng thượng giới phát khởi tăng thượng tâm, nương

tăng thượng tâm phát khởi tăng thượng tuệ. Do đây năng xả tất cả gốc khổ phiền não vô nghĩa, chứng đắc Niết-bàn.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã nói trên. Trong đây Đức Bạc-Già-Phạm lược hiển thị trước nghe chánh pháp, như lý tư duy. Trước như lý tư duy, kế tùy pháp hành pháp. Vì lấy tùy pháp hành pháp làm nhân dẫn trước, nên đắc quả lợi ích thù thắng. Nên biết đây là nghĩa lược của phần này.

*Bạc trí như không, không nhiễm ô
Bất động giống như cờ Thiên đế
Như bơi trong ao nước mát đầy
Chẳng vui bùn lầy biển sanh tử.*

Nay trong kệ tụng đây, biện rõ Bí-sô A-la-hán tâm thiện giải thoát, vượt qua các hí luận, giống như hư không. Vì cố sao? Thí như hư không là các hí luận, tịnh cùng với bất tịnh đều không thể nhiễm. Chư A-la-hán cũng lại như vậy, tất cả các pháp thế gian hoặc thuận hoặc nghịch, chỗ gọi lợi suy cho đến khổ vui, đều không thể nhiễm.

Lại các bậc hữu học đã lìa dục tham, hướng đến A-la-hán, tâm khéo an trụ bốn niệm trụ. Lúc tu tâm

Vô tướng tam-ma-địa như cờ Thiên đế, tất cả sở hữu tham ái đồng hành mong muốn sống còn, sự phát động cao cử, hí luận không thể làm khuynh động.

Lại các bậc hữu học đã ly dục tham, đắc quả Bất hoàn, đối với giải thoát bậc thượng tâm sanh vui muốn, thí như bơi lội rong chơi trong ao nước mát. Ở nơi ái vị định thượng phần các kiết sử xem như nóng nhiệt trong bùn lầy, trọn không vui thích. Do không vui thích trong ấy nên cũng không vui thích trong biển lớn sanh tử.

Lại có cách giải thích khác. Đó là các bậc A-la-hán trụ nơi vô tướng sở hữu hành vi ăn uống, nói bàn, du hành, bị sự theo đuổi của các khổ còn sót thừa. Như thứ lớp đây là ba điều cần nên biết.

Lại có cách giải thích khác. Đó là các bậc A-la-hán tuệ giải thoát, bậc hữu học thân chứng, các bậc A-la-hán câu giải thoát. Như thứ lớp đây là ba điều cần nên biết.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện nghĩa đã nói trên. Trong đây Đức Bạc-Già-Phạm lược hiển thị ly dục ba cõi. Đối với thánh chỉ Phật, vẫn còn hữu dư y. Lìa tham Dục giới, nhiếp đạo thắng tiến và quả Bất hoàn.

Lại có cách nói khác, đó là lược hiển thị thắng lợi của giải thoát, thắng lợi của đảng trì và thắng lợi của trí tuệ.

Lại có cách nói khác, đó là lược hiển thị quả sở đắc do tăng thượng tâm học, tăng thượng tuệ học và hiển hai học tăng thượng là tâm và tuệ.

*Nếu lấy sắc lường ta
Lấy âm thanh tâm ta
Chỗ chấp giữ tham dục
Kia không thể biết ta.*

*Nếu ở trong rõ biết
Ở ngoài chẳng năng thấy
Do quả quán sát trong
Bị âm thanh kia dẫn.*

*Nếu ở trong không biết
Mà năng thấy bên ngoài
Do quả quán sát ngoài
Cũng bị âm thanh dẫn.*

*Nếu ở trong không biết
Ở ngoài không năng thấy*

*Ngu phu bị chướng khắp
Cũng bị âm thanh dẫn.*

*Nếu ở trong rõ biết
Ở ngoài cũng năng thấy
Anh hùng tuệ xuất ly
Chẳng bị âm thanh dẫn.*

Kệ tụng đây hiển rõ, đó là như có người thể là dị sanh, chưa đoạn trừ dục tham hư vọng phân biệt, quán thấy Đức Thế Tôn có đầy đủ ba mươi hai tướng Đại tượng phu, liền sanh khởi suy lường: “Đức Bạc-Già-Phạm đây quyết chắc là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Phạm pháp Ngài thuyết quyết định là vi diệu. Sở hành của chúng đệ tử chắc hẳn là thiện”. Ở thời gian sau, kia thân cận kẻ bất thiện, nghe pháp bất chánh, hành thuận theo luận người và âm thanh của người, tín thuận theo kẻ kia, bị kia dẫn dắt nhiếp phục. Vì bị người khác dẫn dắt, nên đối với Phật Pháp Tăng trở lại sanh hủy báng. Như vậy đều do không như thật biết pháp thân Như Lai, nên có việc như trên.

Lại có kẻ dị sanh đặc thiên nhãn thông, vì chúng đặc quả tĩnh lự bên trong, xa trông thấy

Thế Tôn liền tác hiểu đây: “Đức Bạc-Già-Phạm đây chắc là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác...”, còn lại như trước đã thuyết.

Lại có người do nghiệp quả báo nhục nhặn hệ thuộc Dục giới, thấy bên ngoài rồi sanh khởi suy lường. Nên biết kia cũng triển chuyển thuận theo luận người và âm thanh của người, tín thuận theo người, bị người dẫn dắt nhiếp phục.

Lại có kẻ dị sanh đều không có các sở kiến như vậy, nhưng kia bị chướng khắp, trường thời bị âm thanh của người dẫn dắt. Nếu được gặp chư Hiền Thánh vì kia đoạn trừ điều phục khiến vượt qua dục tham, đắc thánh tuệ nhãn. Do kia đắc thánh tuệ nhãn như vậy, bên trong tự chứng hiểu rõ pháp thân chân thật của Như Lai. Tuy ở bên ngoài thấy sắc thân Như Lai, hoặc thấy tháp, hoặc thấy tranh vẽ... mà năng rõ biết đó chẳng phải đệ nhất nghĩa Ứng Chánh Đẳng Giác. Do kia bên trong chánh biết, bên ngoài chánh quán sát như vậy, nên không bị cuốn theo luận người cùng âm thanh của người, chẳng tín thuận theo người, chẳng bị người dẫn dắt chiết phục. Đối với Phật Pháp Tăng, quyết định tín thọ. Như vậy đều do như thật

rõ biết pháp thân Như Lai, nên có việc như trên.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã nói trên. Đó là trong đây Đức Bạc-Già-Phạm lược hiển thị, nếu đem nghĩa thế tục mà thấy chư Như Lai thì không chắc thật. Nếu lấy thắng nghĩa mà thấy chư Như Lai, thì mới chắc thật. Nên biết đây là nghĩa lược của phần này.

*Vua thứ sáu tặng thượng
Lúc nhiệm, tự thủ nhiệm
Nơi vô nhiệm, không nhiệm
Kẻ nhiệm gọi ngu phu.*

Nay trong tụng đây hiển rõ “vua tặng thượng thứ sáu” là tâm, ý, thức. Nếu có người đã vượt qua năm bạo lưu mà chưa thể vượt qua bạo lưu thứ sáu là ý, bấy giờ nơi tâm theo đuổi sở hữu ái vị của các định, nên gọi là lúc nhiệm.

Lại có bổ-đặc-già-la ở trong đêm dài của sự nhiệm, giữ lấy cho là đã có. Ở nơi pháp khả ái, chấp chứa ẩn giấu không buông xả. Cho nên thuyết kia là “tự thủ nhiệm”. Tham gọi là nhiệm, do tham đây phát sanh khổ ở đời đương lai, cũng gọi là nhiệm.

Nếu đã tự thủ nhiệm, thì ở nơi nhiệm tâm kia

không được tùy chuyển theo công dụng của nó, mà phải tu tác ý đối trị ý khiến nhiếp thọ ngăn chặn dừng dứt. Như vậy tâm kia ở trong hiện pháp không có nhiễm ô. Ở nơi tâm vô nhiễm, tự thủ nhiễm đây, trong đời đương lai nhân các khổ kia cũng không có nhiễm.

Nếu có người ở nơi tự thủ nhiễm kia tùy chuyển theo công dụng của nó, vì không tu tác ý đối trị ý, nên không nhiếp thọ, cũng không ngăn chặn dừng dứt. Nương nhân khổ đây, đem dài thọ khổ, nơi nhân khổ đây chẳng thể xa lìa, cho nên gọi là ngu phu.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã nói trên. Đó là trong đây Đức Bạc-Già-Phạm lược hiển thị xa lìa nhân khổ sẽ được lợi ích thù thắng và hiển thị nhân khổ năng tự mình chiêu cảm khổ, đây là tánh ngu phu. Nên biết đây gọi là nghĩa tóm lược của phần này.

Có thành, xương làm tường

Gân thịt làm tô điểm

Bên trong có tham, khuể

Được mạn phú giữ gìn.

Nay trong kệ tụng đây, chỗ nói thành tức là

tâm, ý, thức. Thành đây chỉ lấy xương cốt làm gạch đá, gân thay thế sợi dây, thịt làm hình thể bao bọc xung quanh trang điểm cho tường. Trong thành đây có sự giữ gìn của 4 chủng pháp ác, trái ngược với sở hữu thiện pháp, trái ngược với pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da: 2 loại của kẻ thọ dục tại gia là tham và sân; 2 loại của kẻ xuất gia trong pháp ác thuyết Tỳ-nại-da là mạn và phú. Do đấm trước các dục, mong cầu các dục, không xoay lưng chống trái với các việc làm thô uest, nên đối pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da còn không tín thọ, hướng là sẽ tu thiện.

Lại vin dựa pháp ác thuyết mà sanh kiêu mạn, nên không thể an nhiên đi đến chỗ Phật Thế Tôn và đệ tử Phật. Giả sử Phật Thế Tôn, hoặc đệ tử Phật vì lòng bi mẫn mà tự thân đến chỗ của kia, nhưng do kia tùy phiền não triền nhiễm ô nơi tâm, không thể như thật phát lộ hối quá, hướng là có thể tin hiểu tu tập các thiện pháp. Như vậy nên biết, ở nơi hai chủng thiện pháp của “tường thành tâm” tương ưng với pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da đều không thể vào, hà hướng lại năng lấy đây làm cái có của mình.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã

thuyết trên. Đó là trong đây Đức Bạc-Già-Phạm lược hiển thị người tại gia và xuất gia do bốn chủng nhân duyên tạp nhiễm, nên tán thất hủy hoại pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da. Nên biết đây gọi là nghĩa tóm lược của phần này.

*Như rùa giấu chi trong mai mình
Bí-sô khéo nhiếp tâm tư ý
Không chỗ nương dừng, không nào người
Chứng Bát-niết-bàn không chỗ chê.*

Kệ tụng đây hiển rõ, đó là như có người nương sơ tĩnh lự xả ba tâm ác là tâm dục, tâm khuể, tâm hại. Lại năng xả bỏ các tâm tư thiện của các địa sơ tĩnh lự, an trụ trong Vô tâm vô tứ định, như rùa thu các chi vào mai. Lược nhiếp tâm tư cũng lại như vậy.

Nên biết từ Không tâm không tứ định đây trở lên cho đến Hữu đẳng, lúc chánh an trụ ở định đây, không sanh ái vị. Đã xuất rồi, thành tựu pháp vui khả ái, điều thuận nhu hòa, dễ cùng cộng trú, không nào loạn người có trí, đồng phạm hạnh. Lại cùng người trí và đồng phạm hạnh vui thích chung sống. Lại thành tựu pháp không trái chống trái tranh. Do kia chánh phương tiện như vậy, năng

nhập hiện quán các thánh đế và đặc lậu tận. Ở nơi các pháp, chẳng do người mà được chánh tín, vì kia thu được tri kiến thiện tịnh thù thắng, như thật rõ biết pháp đây chân thật là pháp, Tỳ-nại-da đây chân thật là Tỳ-nại-da. Do hiểu biết như vậy, trọn không nương vào các kiến điên đảo, đó là “ở nơi pháp cũng hủy báng pháp, ở nơi phi pháp cũng hủy báng phi pháp”. Trọn không hiển thị phi pháp là pháp, pháp là phi pháp, hoặc phi tỳ-nại-da là Tỳ-nại-da, Tỳ-nại-da là phi tỳ-nại-da.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã nói trên. Đó là trong đây Đức Bạc-Già-Phạm lược hiển thị pháp thiện thuyết, tức là bốn chủng nhiễu loạn đạo đoạn đối trị. Những gì là 4 chủng nhiễu loạn? 1. Nhiễu loạn của sự tâm tư nhiễm, không nhiễm; 2. Nhiễu loạn của sự ái vị đối với các định thù thắng; 3. Nhiễu loạn của sự tranh cãi kiện tụng lẫn nhau; 4. Nhiễu loạn của sự phỉ báng chánh đạo.

Nên biết đây gọi là nghĩa lược của phần này.

Bằng, không bằng mà sanh

Mâu-Ni xả hành hữu

Nội lạc, định sai khác

Như cùng vỏ trứng sanh.

Kệ tụng đây hiển rõ, đó là khi xưa Phật thị hiện trụ ở vị Bồ tát thân tối hậu hữu, thân được sanh ra với diệu sắc viên mãn trang nghiêm, đủ ba mươi hai tướng Đại tượng phu, tám mươi tùy hảo. Sau chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, cũng có sắc thân sanh ra. Sắc thân sanh đây cùng với sắc thân trước bình đẳng, nhưng danh thân sanh, vì vô lậu thù thắng không giống nhau, nên trước và sau không bình đẳng.

Lại Phật thị hiện vì lấy sự vui tịch tĩnh bên trong và vui diệu môn làm y chỉ, nên đắc định tự tại. Như lực của tâm định, xả các hành thọ và hành hữu, xả hạn lượng của diệu sắc thân sanh. Sắc thân này cùng với trước bình đẳng, nhưng danh thân sanh đây cùng với trước không đồng, cho nên có sự sai khác. Như nhân nơi vỏ mà trứng sanh, gà nường trứng mà sanh. Tức đây sanh rồi, dần dần tăng trưởng phá vỏ mà ra, chủng loại giống nhau. Như vậy đạo lý sắc thân, danh thân của Như Lai sai khác cũng vậy. Trong đây có cách giải thích khác, đó là chư Phật Thế Tôn nếu không xả bỏ các hành thọ, thì phải mãn thọ lượng mới Bát-niết-bàn. Do sự giữ gìn của lực định xả hành thọ, nên không cần

mãn thọ lượng mà Bát-niết-bàn.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã nói trên. Đó là trong đây Đức Bạc-Già-Phạm lược hiển thị xả các hành thọ, hai chủng sắc thân, danh thân sai biệt và hiển xả bỏ nhân duyên sở y. Nên biết đây gọi là nghĩa lược của phần này.

Không sa bùn dục thấy

Không si mị sân thấy

Không vông lưới si thấy

Không dòng sông ái thấy.

Kệ tụng đây hiển rõ, đó là 4 chủng năng làm cho thế gian không được tự tại hiện thấy, năng khiến hữu tình không được tự tại chuyển: 1. Lún sâu nơi bùn lầy; 2. Bị quỷ mị ám; 3. Sa vào mạng lưới; 4. Rơi xuống trôi trong dòng sông, theo dòng mà chìm nổi.

Lại có 4 chủng pháp chân thật khiến cho không được tự tại, năng khiến hữu tình không tự tại chuyển. Những gì là bốn?

1. Như có người sanh trưởng trong Dục giới, bị lún sâu trong bùn lầy các dục bất tịnh tanh hôi, không thể tự tại dẫn phát giữ gìn tăng trưởng

thiện pháp.

2. Như có người xả bỏ các dục, được xuất gia trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da mà tâm ôm phần nộ, tánh ẩn chứa nhiều lời ác. Do bị phần nắm giữ, nên không được tự tại. Không luôn tập học học xứ, sanh hành động trái vượt. Đối với các bậc trí, đồng phạm hạnh, nhiều lần đem lời thô ác mắng đũa, xâm não hủy nhục.

3. Như có người xả bỏ các dục, lại xuất gia trong pháp ác thuyết Tỳ-nại-da, sa vào lưới kiến chấp đại ngu si của các ác quỷ. Kia đã vào rồi, liền lưu chuyển trong sanh tử, không được tự tại.

4. Như có người sanh trưởng ở ly dục địa phần thượng, nơi các ái kiết chưa thể đoạn trừ vĩnh viễn, cũng chưa biết khắp, cũng không được tự tại; trở lại sanh ở cõi dưới, trụ thuận theo dòng bạo lưu, khó thể ra khỏi xa lìa.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã thuyết trên. Đó là trong đây Đức Bạc-Già-Phạm lược hiển thị các giới, các phẩm ngu phu bị cột trói.

Lại có cách nói khác:

1. Như có người chìm sâu trong bùn lầy dục, không thể tự tại thanh tịnh xuất gia trong pháp

thiện thuyết Tỳ-nại-da.

2. Như có người vì tánh phần nộ, bị phần nộ ngăn che, phần khuể trói buộc tâm, đối với thân mình còn khiến hoặc tổn hoặc hại, hà hưởng đối với thân người khác.

3. Như có người thành tựu các ác tà kiến phẩm si, như cho là không có cha mẹ, hủy báng cha mẹ, đối với cha mẹ mà còn ngược đãi, hà hưởng tự mình kính dưỡng.

4. Như có người rộng tập quen các dục, bị nổi trôi theo tham ái, nên không được tự tại; còn không muốn mình được ăn, hưởng năng huệ thí cho người.

Bốn pháp như vậy, nên biết năng chướng ngại các bậc thông tuệ. Bốn pháp nên làm, đó là: thanh tịnh xuất gia trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, xa lìa khuể hại, kính dưỡng cha mẹ và vui làm huệ thí.

Hư không không dấu chim

Ngoại đạo không Sa-môn

Ngu phu vui hý luận

Như Lai không như vậy.

Kệ tụng đây hiển rõ, đó là có chúng sanh

mong cầu vui dục thù thắng nhiếp thuộc cầu dục. Lại có chúng sanh mong cầu vui thân thù thắng nhiếp thuộc cầu hữu. Lại có chúng sanh mong cầu vui giải thoát của Sa-môn và Bà-la-môn, nhiếp thuộc cầu phạm hạnh.

Trong đây kể nhiếp cầu dục, cầu hữu, tác nghì: “Ta nhân ít phần bố thí, ít phần trì giới để được sanh vào đường thiện vui trong các thế giới cõi trời, bấy giờ sẽ lấy năm diệu dục để tự thọ lãnh, thưởng thức, gặp gỡ, vui chơi hoan lạc”. Kẻ kia đã tu tập nguyện như vậy rồi, được dục tối thắng cùng thân tối thắng. Giống như chim bay lượn trong hư không, khắp trong không trung mà không có chỗ dừng chân. Cũng vậy, nên biết chúng sanh ở nơi sở đắc các dục vô thường cùng trong thân phần, đều không an trú.

Nếu vui muốn sở hữu giải thoát của Sa-môn và Bà-la-môn, nhiếp thuộc cầu phạm hạnh lại có hai chủng: hoặc nương pháp thiện thuyết, hoặc nương pháp ác thuyết.

Nếu người nương pháp ác thuyết của chúng ngoại đạo thì không phải Sa-môn. Nếu người nương pháp thiện thuyết mà nhiếp thọ cầu tà phạm hạnh

cũng không phải Sa-môn. Người nhiếp thọ cầu chánh phạm hạnh mới đúng là Sa-môn.

Lại tất cả nhiếp thuộc ba môn đây, hoặc môn cầu dục, hoặc môn cầu hữu, hoặc môn cầu phạm hạnh như thế đều gọi là vui đắm hý luận. Nên biết Như Lai xả bỏ tất cả sở hữu mong cầu, nên không hý luận. Tức dụng nghĩa đây, suy ra nên biết các chúng đệ tử Như Lai, người nhiếp thọ cầu chánh phạm hạnh cũng không có hý luận.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã nói trên. Đó là Đức Bạc-Già-Phạm trong đây lược hiển thị người siêng năng tinh tấn mà xa lìa pháp thộn thuyết Tỳ-nại-da, đều là trống không, là vô ích. Nên biết đây gọi là nghĩa lược của phần này.

*Đều không trụ hí luận
Vượt hào tường lìa ái
Mâu-Ni đạo thế gian
Trời người không thể biết.*

Nay trong kệ tụng đây hiển rõ, đó là Bí-sô A-la-hán vĩnh viễn xa lìa tham ái, vì đắc giải thoát tự tại khỏi bốn chủng tướng các ác ma oán (là ông chủ mà tất cả ngu phu bị lệ thuộc) nên tùy ý du

hành vào tụ lạc không nhân. Có các ngu phu gặp chân A-la-hán như vậy, ở nơi sự du hành tự tại cực tốt ráo ấy mà không như thật biết, liền ở nơi hai xứ sau mà vọng sanh khinh hủy. Tức là suy nghĩ: “Cớ sao thiện nam đây lại xả bỏ trân bảo tài sản của mình, để rồi phải cầu xin các vật nuôi thân từ người khác? Cớ sao xả bỏ phương tiện sanh thiên, để rồi cần khổ tinh tấn, cầu đoạn diệt hữu?”. Các ngu phu kia thấy việc sanh lên cõi trời có công đức thù thắng, thấy cuộc sống tại gia có nhiều tài sản, nên đối với Đức Mâu-Ni vọng sanh khinh khi. Trời mà kẻ kia phụng thờ, đối với công đức quảng đại của Đức Mâu-Ni còn không thể hiểu biết, huống là kẻ thờ phụng mà có thể hiểu biết.

Sao gọi là các A-la-hán lìa ái, đắc giải thoát tự tại khỏi bốn chủng tướng các ác ma oán vốn là ông chủ mà tất cả ngu phu bị lệ thuộc? Tức là các ngu phu do bốn thức trụ, bị sự sai khiến của các ông chủ ma oán, chịu sự lại qua trong năm thú sanh tử. Chư A-la-hán không như vậy.

Lại các ngu phu vì tội nặng, nên bị chủ ma oán sai khiến. Vì các ác kiến hoặc tăng thêm, hoặc tổn giảm, nên phát khởi chủng chủng pháp ác bất

thiện như cầm dao, gậy... cho đến rơi vào các hí luận, nên sanh trong các đường ác, lại khiến gây tạo chủng chủng các nghiệp duyên ác. Chư A-la-hán không như vậy.

Lại các ngu phu vì tội trung, bị chủ ma oán sai khiến, khiến ở trong sự trói buộc của tường lũy đục ái mà không thể ra khỏi sự sanh khổ ở Dục giới. Chư A-la-hán không như vậy.

Lại các ngu phu vì tội nhẹ, bị chủ ma oán sai khiến, khiến sanh ở Sắc giới và Vô sắc giới, đọa sâu nơi vô minh bao bọc giam nhốt xung quanh, đóng bít trong lao ngục các khổ sanh tử. Ở nơi khổ như sanh... mà không thể thoát được. Chư A-la-hán không như vậy.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã nói trên. Đó là trong đây Đức Bạc-Già-Phạm lược hiển thị tất cả ngu phu xấu hổ đối với việc không đáng xấu hổ, lại không biết xấu hổ đối với việc đáng xấu hổ; đối với việc không nên sợ hãi mà sanh sợ hãi, đối với việc nên sợ hãi mà sanh không sợ hãi. Nên biết đây gọi là nghĩa lược của phần này.

Nếu có huân trừ các tâm tư

Ở trong lìa phân biệt không sót

*Vượt qua ngại trước các sắc tướng
Trừ sạch bốn ách, không sanh lại.*

Kệ tụng đây hiển rõ, đó là như có người đã vào vị hữu học mà chưa ly dục Dục giới, nương sơ tinh lự để tự huân trừ các tâm tư ác của Dục giới. Nương đệ nhị tinh lự, nội tịnh... tâm tánh một hướng, đối với sở hữu phân biệt ở sơ tinh lự địa, vĩnh viễn xa lìa không còn sót, không phân biệt trở lại. Nương đệ tam tinh lự, vượt qua các ngăn ngại đấm trước hỷ của đệ nhị tinh lự địa. Nương đệ tứ tinh lự, vượt qua các ngăn ngại đấm trước lạc của đệ tam tinh lự địa. Nương Vô sắc định, vượt qua tất cả sở hữu sắc tướng. Như vậy dần dần thứ lớp nương các định cho đến Hữu đẳng, hoặc định hoặc sanh mà trừ sạch 4 ách.

Những gì là bốn? 1. Trừ sạch ách tâm tư nhiễm ô; 2. Trừ sạch ách tâm tư không nhiễm ô; 3. Trừ sạch ách trói buộc của hỷ lạc; 4. Trừ sạch ách tất cả sắc tướng. Do nhân duyên đây, không sanh trở lại các địa dưới. Nên biết dị sanh tuy đến Hữu đẳng, hoặc định hoặc sanh, vì vẫn còn bị bốn ách trói buộc, nên sanh trở lại các địa dưới.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã

nói trên. Đó là trong đây Đức Bạc-Già-Phạm lược hiển thị sự đến có ngăn mé của hai chủng sai biệt là hữu học và dị sanh. Nên biết đây gọi là nghĩa lược của phần này.

*Huệ thí khiến tăng phước
Ngăn ngừa dứt oán hại
Tu thiện xả các ác
Hoặc tận, đắc Niết-bàn.*

Kệ tụng đây hiển rõ, đó là như có người ở nơi pháp Tỳ-nại-da sở chứng của Phật, có được lòng chánh tín. Tuy ở gia đình mà xa lìa cấu keo lẩn trói cột, nương sự nghiệp phước thọ trì bảy chủng. Do nhân duyên đây, hoặc đi, hoặc đứng... nói rộng như kinh, cho đến sanh trưởng phước đức như vậy.

Nếu có người ở nơi pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da thanh tịnh xuất gia. Đã xuất gia rồi, vì hộ trì tịnh giới nên đầy đủ lực kham nhẫn. Tuy gặp người trách cứ, xâm nã, chửi mắng, hoặc dùng chân, tay, ngói, đá, dao gây gia hại, vị kia sợ hoại Thi-la sẽ bị chướng ngại, cho nên tâm không nhớ ác, miệng không nói lời ác. Chỉ tâm câu hữu từ duyên với cảnh kia, an trụ biến mãn tất cả phương. Do nhân duyên

đây, sở hữu oán hại tương tục của mình, của người thấy đều dừng dứt, cho đến sanh trong thế giới an vui không bị nhiễu nã, không có nhiều oán địch, được mọi người yêu thích, mọi người vui muốn thấy. Như vậy đã khéo tu chánh phương tiện rồi, nương tăng thượng giới phát khởi tăng thượng tâm, nương tăng thượng tâm phát khởi tăng thượng tuệ. Nơi các thánh đế lúc nhập hiện quán sẽ năng vĩnh viễn xả bỏ nghiệp ác thú và các ác thú. Lại vì tu như đạo đã được trước, dần dần vĩnh viễn đoạn trừ sở hữu các kiết sử, đến trong Hữu dư y Niết-bàn giới mà Bát-niết-bàn. Như vậy, ở thời sau trong Vô dư y Niết-bàn giới, lại Bát-niết-bàn.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã nói trên. Đó là trong đây Đức Bạc-Già-Phạm lược hiển thị 4 chủng chánh hạnh của người có được tịnh tín: 1. Hạnh chiêu cảm sự giàu có của cải; 2. Hạnh chiêu cảm đường thiện; 3. Hạnh tu thanh tịnh, xa lìa khổ đường ác; 4. Hạnh tu thanh tịnh, lìa tất cả khổ. Nên biết đây gọi là nghĩa lược của phần này.

Các việc ác chó làm

Thực hành các việc thiện

*Tự điều phục tâm này
Đây là lời Phật dạy.*

Nay trong kệ tụng đây hiển rõ, đó là như có người ở nơi pháp Tỳ-nại-da sở chứng của Phật, thu được tâm chánh tín. Nơi tất cả chúng, tất cả nhân duyên, tất cả nơi chốn, sở hữu các việc làm ác đều năng đoạn diệt. Ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, năng khéo thọ học Thi-la luật nghi. Người kia do 3 tướng phụng hành các thiện, đó là: khéo an trụ Thi-la; giữ gìn Biệt giải thoát luật nghi thanh tịnh cho đến thọ học các học xứ; nương tăng thượng giới học phát khởi tăng thượng tâm học, nương tăng thượng tâm học phát khởi tăng thượng tuệ học. Kia do đây nên đối với cảnh giới sở tri như thật thấy biết. Như vậy đã đầy đủ các thiện pháp rồi, lại do 3 tướng điều phục tâm mình, đó là: do như thật biết, năng khởi yếm hoạn; do yếm hoạn, năng được lìa nhiễm; do lìa nhiễm, năng được giải thoát.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã nói trên. Đó là trong đây Đức Bạc-Già-Phạm lược hiển thị quả của sự thọ học ba học và hiển thị thánh giáo của mình không cùng chung với người khác. Nên biết đây gọi là nghĩa lược của phần này.

*Tháo động khó điều phục
Chìm đọa nơi các dục
Khó điều phục tâm này
Tâm điều dẫn an lạc.*

Trong kệ tụng đây hiển rõ, đó là tuyên thuyết người có tâm, hoặc ý, hoặc thức, dâm dãi vui thích sống nơi xứ hỗn tạp huyền ảo. Ở chốn ồn náo nên khó được xa lìa, khó thể điều phục. Tuy gượng ép sống nơi xứ an ổn không nhân, tu tập các thiện pháp, mà không thể chuyên tâm nhất hướng năng trụ lìa tham, lìa sân, lìa si. Cũng không một hướng năng trú trong sự nỗ lực tịch tĩnh không lay động. Lại mắc phải bệnh, sanh khởi trở lại có tham, có sân, có si, trạo cử và không tịch tĩnh hạ liệt. Hoặc tuy mạnh mẽ sống an trú dừng nghỉ bên trong, nhưng vì dâm dãi vui thích sắc, thanh, hương, vị, xúc, nên ở nơi cảnh ngũ dục rong ruổi thú hưởng chìm đắm.

Các Thánh đệ tử đối với hết thấy sự vui đắm tạp nhiễm như vậy, năng sanh tâm khổ, trọn không phóng túng khiến chúng tự tại chuyển, cũng không thuận theo, chỉ lớp lớp tư trạch, thành tựu trọn vẹn trong việc xa lìa, hằng tu thiện pháp tâm tánh nhất cảnh. Do những vị kia chánh định tâm như

vậy, năng hiểu biết như thật. Vì hiểu biết như thật, năng khởi yểm hoạn. Do yểm hoạn, năng được lìa nhiễm. Do lìa nhiễm, năng được giải thoát. Họ đã khéo điều phục như vậy, vì tâm tận diệt nhân khổ, ở trong hiện pháp được trụ an lạc, các khổ ở vị lai cũng được vĩnh viễn tận dứt.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã nói trên. Đó là trong đây Đức Bạc-Già-Phạm lược hiển thị không thể đem dài lưu chuyển thuận theo tâm bất chánh và chỗ được thắng lợi trong việc không thuận theo tâm kia. Nên biết đây gọi là nghĩa lược của phần này.

Nơi tâm tướng khéo biết

Hay ăn vị xa lìa

Tĩnh lự thường ủy niệm

Không nhiễm ái hỷ lạc.

Trong kệ tụng đây hiển rõ, đó là như có bậc hữu học kiến tích năng khéo rõ biết tướng chỉ, cử, xả. Do nhân duyên đây được 4 công đức. Đó là tâm trụ một duyên, xa lìa thô trọng, năng khéo thọ dụng sự an lạc của thân tâm. Đây là công đức thứ nhất.

Lại tâm tịch định, vì cùng tận việc tu, vì như

việc đã tu, năng chánh xem xét sâu xa đạo lý các pháp, thu được nội pháp Tỳ-bát-xá-na. Đây là công đức thứ hai.

Lại do lấy chỉ quán thanh tịnh làm y chỉ như vậy, đối với việc tu tập pháp Bồ-đề phần, dũng mãnh không gián đoạn, năng thường tu tập, năng thuận theo tu tập, không uể oải không khiếp sợ. Đây là công đức thứ ba.

Lại do tâm không uể oải, không khiếp sợ như vậy, thành tựu chánh niệm chánh tri bậc nhất, tâm thiện giải thoát. Lại năng thọ dụng hỷ lạc của giải thoát và lạc vô nhiễm. Ở trong hiện pháp được trụ an lạc. Đây là công đức thứ tư.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã nói trên. Đó là trong đây Đức Bạc-Già-Phạm lược hiển thị 4 chủng công đức ở nơi tướng mà được thiện xảo: sở tác của Xa-ma-tha, sở tác của Tỳ-bát-xá-na, sở tác của sự không uể oải khiếp sợ, sở tác của sự đến cứu cánh. Nên biết đây gọi là lược nghĩa của phần này.

*Không nghệ khéo sống, tự khinh mình
Các căn thắng lạc tận giải thoát*

*Không nhà không chốn không mong cầu
Đoạn dục, độc hành, chân Bí-sô.*

Trong kệ tụng đây hiển rõ, đó là thành tựu 5 chi và vĩnh viễn đoạn 5 chi, nên biết được gọi là chân thật Bí-sô. Những gì là năm? Tức là không nương tựa kiêu căng, không dùng phương tiện tà pháp để nuôi mạng sống, cũng không cậy dựa những nhà có thế lực, cũng không sửa đổi danh xưng dòng họ, cũng không giả dối thọ lời dạy của chư Phật và lời Thánh đệ tử nói. Ví như nương vào các sự việc công xảo, phi pháp hy cầu y phục, ăn uống... Đây gọi là chi thứ nhất.

Lại giảm bớt các thứ vật dụng, khéo xả thân bảo tài của. Tự biết y vừa đủ che thân, ăn vừa đủ no bụng, vui vẻ biết đủ. Phạm lúc du hành đều đem theo y bát. Đây là chi thứ hai.

Lại luôn mong nghĩ quý mến Sa-môn, vui thích hạnh Sa-môn, nhớ nghĩ học xứ, vui thích học xứ. Nếu gặp phải duyên khó bảo toàn mạng sống, còn không trái vượt giới cấm đã học, hà hướng chút ít nhân duyên lợi dưỡng. Đây là chi thứ ba.

Lại kia chánh tu phương tiện như vậy, tịnh

mạng an vui biết đủ, vui thích học xứ. Nếu người chưa hiện quán đối với các thánh đế, năng nhập hiện quán, đắc kiến thanh tịnh. Hoặc có lúc thất niệm, chỉ trong một niệm phát sanh tâm ác bất thiện dẫn khởi tham dục, sân khuể, ngu si, chậm chạp quên mất nhớ nghĩ, thì nhanh chóng khiển trừ. Đây là chi thứ tư.

Lại đối với các kết phược, tất cả tùy miên phiền não triền, kia tu tập như đạo đã đắc trước, tâm được giải thoát. Đây là chi thứ năm.

Như vậy gọi là thành tựu năm chi.

Sao gọi là vĩnh viễn đoạn 5 chi? Có Bí-sô A-la-hán ở nơi năm điều không thể trở lại phạm. Đó là không thể xả học xứ mà thối thất quay lui. Lại không thể tích trữ các vật, chấp là cái mình có mà thọ dụng, cũng chẳng thọ dụng cảnh giới các dục. Lại chẳng trở lại vì tài của, vì thân mạng, biết mà vọng ngữ. Lại không có việc đã xả bỏ các dục mà hành lấy của không cho, cũng không có việc đã lìa hẳn tham dục, sống một mình, hành một mình, mà lại tập gần phi phạm hạnh, hai bên giao hội. Hoặc suy tính tự mình làm mà rước lấy khổ vui, hoặc suy tính người làm, hoặc suy tính mình người

làm, hoặc không phải mình, cũng không phải người làm, không do nhân sanh mà rước lấy khổ vui. Như vậy gọi là vĩnh viễn đoạn năm chi.

*Tâm, viễn hành, độc hành
Không thân, ngủ ở hang
Năng điều phục khó phục
Ta nói Bà-la-môn.*

Nay trong kệ tụng đây, chỗ nói *tâm* đây tức cũng gọi là ý, cũng gọi là thức. *Tâm* đây ở quá khứ, tất cả ngu phu tự thể triển chuyển và nhân triển chuyển có vô lượng sai biệt, tuy không tác giả mà lưu chuyển trong sanh tử. Tiền tế không thể biết, nên gọi là viễn hành. *Tâm* đây ở hiện tại mỗi mỗi lưu chuyển, vì bị bận tâm thứ hai xa lìa, vì tất cả chủng tâm không chuyển ngay, cho nên gọi là độc hành.

Lại *tâm* đây ở hiện tại tùy theo tự thể ban đầu mà sanh khởi hiện tiền, hoặc do tánh tham, hoặc do tánh sân, hoặc do tánh si, hoặc do mỗi một tánh phiền não, tùy phiền não còn lại. Tức *tâm* không theo tự thể kia mà chuyển rất ráo. Như năm sắc căn, hoặc đồng hoặc khác, hoặc kém hoặc hơn, tùy theo tự thể ban đầu sanh khởi hiện tiền, tức tự

thể đây rất ráo mà chuyển. Tâm chẳng như vậy, vì có sao? Tâm trải qua các vị lập-phược, sát-na, đêm ngày... kia chẳng phải một mà rất nhiều chủng chủng phẩm loại. Lúc sanh sanh khác, lúc diệt diệt khác. Do thể của tự tánh tâm nhiễm ô không thành thật, gọi là không thân. Tâm đây ở đời vị lai cư ngụ nơi bốn thức trụ mà có tùy miên, năng ở đời sau có nghĩa đến đi, gọi là ngủ ở hang. Nếu có bậc thông tuệ, do bốn tướng đây hay ở nơi tâm đời quá khứ, hiện tại, vị lai như thật rõ biết, nên tu chán lìa đoạn diệt và tâm giải thoát. Vị kia năng vượt qua các thân, đến bờ kia an trụ ở đất liền, gọi là Bà-la-môn.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã nói trên. Đó là trong đây Đức Bạc-Già-Phạm lược hiển thị tâm ở quá khứ trường thời nhiễm ô, tánh không có tác giả. Ở đời hiện tại, tánh là sát-na, tự tánh thanh tịnh. Ở đời vị lai, do có phóng dật, không phóng dật, nên nhiễm ô, thanh tịnh. Nên biết đây là nghĩa lược của phần này.

Gì hay che thế gian?

Gì hay khiến không hiển?

Gì lại hay nhiễm bẩn?

Gì là sợ hãi lớn?

– Vô minh che thế gian
Phóng dật khiến không hiền
Hí luận hay nhiễm bẩn
Khổ là sợ hãi lớn.

Các dòng rỉ chảy khắp
Rỉ đây gì hay ngăn?
Phải nói gì phòng hộ
Gì khéo ngăn các dòng?

– Các dòng rỉ thế gian
Rỉ đây, niệm khiến dừng
Ta nói năng phòng hộ
Do tuệ khéo ngăn được.

Niệm, tuệ cùng danh sắc
Nay hỏi tất cả đây
Bao giờ diệt dứt hẳn?
Duy nguyện vì tôi nói.

– Niệm, tuệ cùng danh sắc

*Ta nói tất cả đây
Nếu diệt hẳn các thức
Nơi ấy diệt tận hẳn.*

Sở hành niệm thế nào
Các thức sẽ diệt hẳn?
Nay thỉnh dạy phương tiện
Giải thích khiến không nghi.

– *Nơi nội, ngoại các thọ
Đều không sanh vui thích
Sở hành niệm như vậy
Các thức sẽ diệt hẳn.*

Nếu các pháp thiện thuyết
Và hữu học dị loại
Kia năng hưởng thường úy
Thỉnh Đại tiên vì nói.

– *Không đả trước các dục
Nơi tâm không vẫn dục
Nơi các pháp khéo nghĩ
Bí-sô này hay đến.*

Đây là lời kệ của A-thị-đa thỉnh hỏi trong buổi lễ Ba-la.

Nói thế gian, lược có 3 chủng: 1. Thế gian Dục; 2. Thế gian Sắc; 3. Thế gian Vô sắc. Nay trong nghĩa đây, ý phân biệt hai chủng là xuất gia thế gian và tại gia thế gian.

Xuất gia thế gian lại có 2 chủng, đó là: pháp ác thuyết và pháp thiện thuyết. Pháp ác thuyết là pháp bị vô minh ngăn che. Pháp thiện thuyết, do có minh nên có thể minh bạch rõ ràng, do phóng dật nên không được minh bạch rõ ràng.

Các tại gia bạch y dị loại bị các hý luận làm nhiễm bẩn. Nên biết hý luận lược có 3 chủng, đó là 3 chủng ngôn sự, gọi là hý luận. Ở nơi 4 chủng ngôn thuyết, chỗ có luận bàn cũng gọi là hý luận. Chỗ có tâm tứ hay phát lời nói, cũng gọi là hý luận. Nếu ở nơi 3 chủng ngôn sự quá khứ, vị lai, hiện tại, nương 4 chủng ngôn thuyết mà phát khởi tư duy, phân biệt khác loại hoặc thuận hoặc nghịch, đây gọi là nhiễm bẩn. Hoặc trước hý luận, hoặc sau nhiễm bẩn, phần nhiều những người tại gia có điều này, cho nên nói kẻ kia bị nhiễm bẩn bởi các hý luận. Trong đây pháp ác thuyết bị vô minh

ngăn che, pháp thiện thuyết vì phóng dật nên không minh bạch rõ ràng.

Những kẻ tại gia bị hý luận nhiễm bản, kia ở hiện pháp lúc nhân khổ chuyển, nơi nhân khổ đây không như thật biết là nhân khổ, nơi nhân khổ đây mà trụ vui thích. Do nhân duyên đây, sanh khổ ở đương lai, tức nói khổ đây là sợ hãi lớn.

Lại pháp ác thuyết do cửa vô minh, từ sáu xứ lưu xuất rỉ chảy các khổ. Những kẻ tại gia do cửa hý luận, từ sáu xứ lưu xuất rỉ chảy các khổ. Pháp thiện thuyết do cửa phóng dật, từ sáu xứ lưu xuất rỉ chảy các khổ. Như vậy vô minh, phóng dật, hý luận là các cửa lưu xuất rỉ chảy.

Do được nghe âm thanh của người, bên trong chánh tác ý, ở nơi các hành rõ biết quá hoạn, nhớ nghĩ tương ưng đây ngược dòng mà chuyển, nên có thể chặn đứng dòng chảy kia. Phương tiện như vậy gọi là điều phục đối trị.

Nếu các bậc tuệ vô lậu nhiếp thuộc chánh kiến xuất thế gian, ở nơi ba chủng lưu lậu đều năng ngăn dứt. Phương tiện như vậy gọi là đoạn đối trị. Đối với dòng lưu lậu đây, vì hai chủng đối trị hoặc hàng phục, hoặc vĩnh viễn, đều có thể đoạn nên

cùng gọi là phòng hộ.

Lại pháp ác thuyết và người tại gia chỉ một hướng rơi vào nhiễm ô nhiếp. Trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da có hai dạng người khá được, đó là dạng người phóng túng buông lung thuộc phẩm loại tạp nhiễm, nhiếp không minh bạch rõ ràng và người không phóng túng buông lung thuộc phẩm loại thanh tịnh, nhiếp minh bạch rõ ràng.

Lại hoặc đã minh bạch rõ ràng, hoặc phải minh bạch rõ ràng, nên biết hai chủng đều không phóng dật.

Các A-la-hán đều đã minh bạch rõ ràng, ở nơi không phóng dật không phải tu làm thêm sự không phóng dật. Ở nơi bốn niệm trụ, hoặc niệm hoặc tuệ, vì đã khéo tu, vì đã khéo chứng đắc thức thanh tịnh, chỉ có quyết chắc một hướng ở trong Vô dư y Niết-bàn giới. Thức thiện thanh tịnh vì sẽ vĩnh viễn diệt, nên hoặc niệm hoặc tuệ cũng tùy đó vĩnh viễn diệt. Tất cả danh sắc do nghiệp trước dẫn dắt, nhiếp thuộc dư y cũng theo đó mà diệt tận. Cho đến pháp kia chưa diệt hẳn, lại ở nơi sáu hằng trụ thường khéo an trụ. Ở nơi ly dục địa sở hữu nội thọ và nơi các dục tương ưng ngoại thọ,

chẳng sanh vui thích. Như vậy gọi là các A-la-hán chánh niệm hiện hành. Cho đến lúc thọ mạng tận hết, thức mới diệt hẳn.

Nếu các bậc hữu học, thì phải minh bạch rõ ràng. Ở nơi không phóng dật, phải tu làm hơn nữa sự không phóng dật. Kia lại có hai chủng: ở nơi không phóng dật và sự việc không phóng dật. Đó là thường sở tác bỏ hết sở tác.

Hữu học loại khác, hoặc các hữu học, tối đa bảy lần trở lại hữu, hoặc lại quả Nhất lai, Gia-gia... và ở trong hiện pháp kham Bát-niết-bàn. Đối với hạ phần kiết và thượng phần kiết, tâm không nhiễm ô. Vì đoạn trừ kia, nên tu tập đối trị. Lại vì không đắm trước các dục, nên các hạ phần kiết không thể nhiễm ô. Vì tâm không bị vấn dục, nên các thượng phần kiết không thể nhiễm ô. Lại trong tất cả pháp hữu khổ, như thật biết tập cho đến xuất ly, tâm khéo trụ nơi bốn niệm trụ. Tu tập như thánh đạo trước đã đắc, năng hướng đến cứu cánh. Vì như thật tu tập đạo đối trị, kia ở trong tất cả chẳng phóng dật, các sự việc không phóng dật nên làm đều đã được cứu cánh.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã nói

trên. Đó là trong đây Đức Bạc-Già-Phạm lược hiển thị các kẻ tại gia và các kẻ ở nơi ngoại pháp mà xuất gia, quyết định có tạp nhiễm. Hiển thị người ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da mà xuất gia, nếu hành phóng dật sẽ đọa trong phẩm nhiễm ô, nếu không hành phóng dật sẽ trụ trong phẩm thanh tịnh. Nên biết đây gọi là nghĩa lược của phần này.

*Nơi các dục mong cầu
Hoặc đến kỳ quả toại
Được rồi tâm vui mừng
Yêu giữ cho đến chết*

*Chúng sanh vui các dục
Nếu thối thất các dục
Sắc đây liền biến hoại
Như trong chỗ tên độc*

*Nếu xa lìa các dục
Giống như dầu rấn độc
Kia nơi ái thế gian
Chánh niệm năng vượt qua*

Ruộng đất cùng vàng bạc

*Ngựa trâu, châu, vòng xuyên,
Hầu nữ thêm các dục
Là chỗ người vui đắm*

*Phan duyên chìm hạ liệt
Biến hoại sanh các lậu
Từ đây nhóm các khổ
Như thuyền vỡ nước tràn*

*Nếu dứt hẳn các dục
Như chặt ngọn đa-la
Xả bỏ các ưu sầu
Như giọt nước hoa sen.*

Đây là kệ tụng nương các dục trong phẩm nghĩa. Đó là như có người mong cầu sở hữu các dục vị lai, vì muốn thu hoạch được các dục ấy nên phát siêng phương tiện. Nếu đã hiện tiền được, liền đắm trước thọ dụng. Như vậy mong cầu các dục và đang thọ dụng các dục đã đắc. Do nhân duyên đây, sanh vui sanh thích. Như vậy gọi chung là ái vị các dục.

Lại kia mong cầu và chánh thọ dụng sở hữu các dục. Ở nơi việc đã được và việc đang thọ dụng, nếu lúc thối thất bèn theo các dục kia mà luyến

trước ái vị, nên bị mũi tên ái nhập tâm, như trúng tên độc thọ ưu khổ lớn, hoặc có khi đưa đến mất mạng. Như vậy gọi là quá hoạn của các dục.

Lại rắn độc dụ như các cảnh giới dục, đầu rắn độc dụ cho sở hữu ái vị ở trong các dục. Nếu các ngu phu ái vị các dục, tham trước thọ dụng như bị nọc độc của rắn cắn. Nếu có các Thánh đệ tử đã xa lìa sở hữu ái vị của các dục như đầu rắn độc, thì được trọn không ái nhiễm mà thọ dụng, nói rộng cho đến không sanh đấm trước. Kia đối với sở hữu tham ái của các sắc cho đến đối với sở hữu tham ái của các xúc, đều có khả năng điều phục, đoạn diệt, vượt qua. Như vậy gọi là xuất ly khỏi các dục.

Lại tự tánh các dục lược có 2 chủng: 1. Sự dục; 2. Phiền não dục.

- Sự dục có hai: 1. Lúa và xứ sở y của kia, đó là việc ruộng nương; 2. Tài bảo và xứ sở y của kia, đó là việc như vàng bạc... Vì có sao? Bởi các kẻ cầu lúa gạo ắt trông vào sự việc ruộng nương. Còn các kẻ cầu tài bảo ắt trông vào sự việc vàng bạc. Cầu vàng bạc lại có 2 chủng: 1. Việc vua; 2. Việc buôn bán. Cầu lúa, cầu ruộng, thì phương tiện cần có là trâu. Cầu tài bảo bằng cách làm việc cho vua thì phương

tiện cần có là ngựa. Sở hữu phương tiện để cầu tài bảo bằng cách buôn bán, hoặc các loại tương ứng với vàng bạc như bảo châu, hoặc các loại không tương ứng với vàng bạc như vòng xuyên. Đây chỉ nêu ra những cái điển hình thù thắng. Hoặc giả sự việc nói năng buôn bán trao đổi nên biết cũng vậy. Nếu tích chứa lúa gạo, vàng bạc như vậy rồi, chỗ có trợ bạn cho việc thọ dụng vui chơi là nữ sắc. Nếu chưa tích chứa thu thập giữ gìn như vậy, thì chỗ có trợ bạn cho việc thu được lợi tức là những người giúp việc. Như vậy lúa gạo, vàng bạc được tích nhóm rộng lớn, cho nên ở nơi các việc đây đấm trước không bỏ. Tất cả như vậy đều gọi là sự dục.

- Phiền não dục, đó là ở nơi các sự dục mà theo đuổi ái vị, nương thức đấm trước phát sanh chủng chủng tham hư vọng phân biệt.

Lại ở nơi sự dục, do phiền não dục khiến tâm bị chìm đắm thành tánh hạ liệt. Nếu sự dục kia bị biến hoại tan mất, liền sanh các lậu chủng chủng khổ não sâu than ưu bi triền nhiều nơi tâm. Như vậy, kia ở trong hiện pháp bị các lậu ngăn che mà không đối trị, giống như thuyền vỡ nước dần tràn vào, nên đương lai chiêu tập chủng chủng khổ não

như sanh, lão, bệnh, tử... Nếu ở nơi các dục đã ra khỏi xa lìa, liền năng vĩnh viễn đoạn dứt ái vị thuận theo dục phát khởi các thức nhiễm ô tham trước, giống như chặt đứt ngọn cây đa-la khiến nó không sanh trưởng trở lại.

Lại các dục kia khả ái khả lạc cho đến khả ý, lúc dục kia biến hoại, nếu người ở nơi thức thanh tịnh, hẳn tất cả khổ não như sâu ưu... đều chẳng thể bám trụ lại, như giọt nước không thể đọng lại trên cánh hoa sen.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã thuyết trên. Đó là trong đây Đức Bạc-Già-Phạm lược hiển thị 3 chủng tự tánh của các dục là quá hoạn, ái vị và xuất ly. Lại hiển thị ái vị năng làm quá hoạn và sở hữu công đức của việc xuất ly ái vị kia. Nên biết đây gọi là nghĩa lược của phần này.

*Ở quá khứ không luyến
Không mong cầu vị lai
Trong các pháp hiện tại
Nơi nơi khắp quán sát
Bạc trí được tăng trưởng
Không đoạt cũng không động.*

Đây là kệ tụng hiển rõ việc tu thành tựu hiền thiện. Đó là như có người ở nơi pháp Tỳ-nại-da sở chứng của Phật, có được lòng tịnh tín, dùng tâm chánh tín xả bỏ cuộc sống gia đình, hướng đến đời sống không gia đình. Do 5 chủng tướng tu hành phạm hạnh khiến được thiện thanh tịnh. Đó là năng xả ly các hành gia đình không lòng đái luyện, cũng không duyên theo kia khiến tâm sanh luyện tiếc trở lại khởi nhiễm trước. Đây gọi là tướng thứ nhất.

Lại đối với lợi dưỡng cung kính ở hiện pháp và sở hữu chủng loại các hành ở vị lai không sanh mong cầu. Cũng không nguyện vì đương lai sở hữu các hành người trời, mà tu hành phạm hạnh. Đây là tướng thứ hai.

Lại ở hiện tại năng chánh quán sát năm thủ uẩn nhiếp lấy các sắc... và sự an lập của kia.

Lại đối với các thân làm các ác hành và chiêu cảm quả báo ác ở hiện pháp và ở đương lai, thường nhớ nghĩ nơi thân ta không nên phát khởi các ác hành... nói rộng như kinh, cho đến nên đoạn các ác hạnh của thân, tu thân thiện hạnh, tu ngữ, ý thiện hạnh nên biết cũng vậy.

Lại ở nơi các sắc uẩn... năng tùy theo đó quán sát đời quá khứ, vị lai, hiện tại đều là vô thường. Do vô thường nên khổ. Do khổ nên vô ngã. Do vô ngã nên ở nơi tất cả các uẩn kia không chấp là ngã sở, cho đến ở nơi kia không chấp là ngã. Như vậy dụng chánh tuệ như thật để quán sát. Đây là tướng thứ ba.

Lại nương pháp Tỳ-bát-xá-na ban đầu, các căn thành thực hai chủng tư lương phước đức, trí huệ là cái mà không phải các vua thế gian có thể cướp đoạt. Ở đời đương lai tăng trưởng và thông đạt. Đây là tướng thứ tư.

Lại nương pháp Tỳ-bát-xá-na thứ hai, ở trong hiện pháp năng khéo tăng trưởng công đức Niết-bàn là đối tượng mà không phải các phiền não và tùy phiền não có thể khuynh động. Đây là tướng thứ năm.

Do năm tướng đây, khiến sự tu hành phạm hạnh đi đến thiện thanh tịnh. Nếu nương như vậy trong khoảng thời gian một ngày một đêm cũng là hiền thiện. Nên biết hiền thiện bậc nhất là vượt qua tất cả sở hữu phạm hạnh còn lại này.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã

nói trên. Đó là trong đây Đức Bạc-Già-Phạm lược hiển thị sự tu hành phạm hạnh trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da nơi tất cả tướng đều thiện thanh tịnh, không cùng chung với pháp ác. Nên biết đây gọi là nghĩa lược của phần này.

Ốt-Đà-Nam nói:

*Lưu bố tham ác thuyết
Loại cùng ao tham chảy
Được nghĩa làm mệt nhọc
Luận nghị mười bốn chủng.*



Quyển 20

Thứ 12. TU SỞ THÀNH ĐỊA

Như vậy đã thuyết Tư sở thành địa.

Sao gọi là *Tu sở thành địa*? Nói lược do 4 xứ nên biết nhiếp khắp Tu sở thành địa. Những gì là bốn xứ? 1. Xứ sở tu; 2. Nhân duyên tu; 3. Tu Du-già; 4. Quả tu.

Bốn xứ như vậy nhiếp thuộc 7 chi. Những gì là bảy? 1. Sanh viên mãn; 2. Nghe chánh pháp viên mãn; 3. Niết-bàn là thượng thủ; 4. Năng chín muồi sự thành thực của tuệ giải thoát; 5. Tu tập đối trị; 6. Tất cả chủng thanh tịnh thế gian; 7. Tất cả chủng thanh tịnh xuất thế gian. Như bốn xứ nhiếp thuộc bảy chi đây nghĩa thánh giáo rộng khắp, đó là nương trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, tất cả học xứ đều được viên mãn.

1. Sanh viên mãn:

Nên biết lược có 10 chủng: đó là nương bên

trong có năm và nương bên ngoài có năm. Nương trong và ngoài tổng cộng thành 10 chủng.

Sao gọi là trong sanh viên mãn, nương bên trong có 5 chủng? 1. Chúng đồng phận viên mãn; 2. Xứ sở viên mãn; 3. Chỗ nương viên mãn; 4. Không nghiệp chướng viên mãn; 5. Không chướng ngại tín giải viên mãn.

Chúng đồng phận viên mãn: như có người sanh trong cõi người được thân trượng phu, nam căn thành tựu.

Xứ sở viên mãn: như có người sanh trong cõi người, lại sanh ở trung tâm đất nước, không sanh nơi biên địa. Sanh ở trung tâm đất nước đây tức là nơi có bốn chúng hành: Bí-sô, Bí-sô-ni, Cận sự nam và Cận sự nữ. Không sanh biên địa hạ tiện tức là không sanh những nơi không có bốn chúng hành, không có các bậc Hiền Thánh chánh chí, chánh hạnh, cũng không có các bậc Thiện trượng phu.

Chỗ nương viên mãn: như có người sanh ở trung tâm đất nước, chẳng bị khuyết mắt, tai... hay một chi phần nào đó của cơ thể, tánh không ngu xuẩn, cũng không cam ngọng, có thể kham năng

hiểu rõ sở hữu pháp nghĩa là thiện thuyết hay ác thuyết.

Không nghiệp chướng viên mãn: như có người chổ nương viên mãn, đối với năm tội nghiệp vô gián, tùy theo nghiệp chướng nào đó, không tự mình làm, cũng không dạy người làm. Nếu có làm các nghiệp đây, thì ở trong thân hiện tại tất không chứng đắc pháp khí của bậc Thánh Hiền.

Không chướng ngại tín giải viên mãn: như có người không thành tựu năm nghiệp vô gián, không ở nơi các việc ác mà sanh tin hiểu, không ở nơi các việc ác mà phát tâm thanh tịnh. Các việc ác tức là chủng chủng xứ trời tà, chủng chủng xứ ngoại đạo. Do kia ở trong đời trước ở trong thánh giáo Phật pháp xứ thiện thuyết, đã từng tịnh tín tu tập, trường thời tương tục. Do nhân duyên đây, ở trong đời nay chỉ phát sanh tín giải, khởi tâm thanh tịnh ở nơi thánh xứ.

Sao gọi là trong sanh viên mãn, nương bên ngoài có 5 chủng? 1. Đại sư viên mãn; 2. Chánh pháp thế tục thi thiết viên mãn; 3. Chánh pháp thắng nghĩa tùy chuyển viên mãn; 4. Chánh hạnh không diệt viên mãn; 5. Thuận theo duyên của

cải viên mãn.

Đại sư viên mãn: tức là bồ-đặc-già-la kia đã có đầy đủ 5 chủng sanh viên mãn bên trong rồi, lại được gặp bậc Đại sư xuất hiện nơi đời, đó là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, là bậc biết tất cả, là bậc thấy tất cả, ở nơi tất cả cảnh được không chướng ngại.

Chánh pháp thế tục thi thiết viên mãn: tức là bồ-đặc-già-la kia được gặp Phật xuất hiện nơi đời rộng khai thị pháp thiện, bất thiện, có tội, không tội, nói rộng cho đến các pháp duyên sanh và rộng phân biệt. Đó là Khế kinh, Ứng tụng, Ký biệt, Phúng tụng, Tự thuyết, Duyên khởi, Thí dụ, Bổn sự, Bổn sanh, Phương quảng, Hy Pháp cùng với Luận nghị.

Chánh pháp thắng nghĩa tùy chuyển viên mãn: tức là bậc Đại sư đã khéo khai thị chánh pháp thế tục rồi, các chúng đệ tử nương theo chánh pháp đây lại được người khác vì họ mà nói thuận theo dạy răn dạy trao tu ba mươi bảy phẩm pháp Bồ-đề phần, đắc quả Sa-môn. Đã chứng đắc viên mãn quả Sa-môn, lại năng chứng đắc sở hữu công đức triển chuyển thù thắng hơn tăng trưởng rộng lớn.

Chánh hạnh chẳng diệt viên mãn: tức là chư Phật Thế Tôn tuy Bát-niết-bàn mà chánh pháp thế tục vẫn chưa diệt, chánh pháp thắng nghĩa không ẩn mất, không đoạn diệt.

Thuận theo duyên của cải viên mãn: tức là 4 chủng thọ dụng chánh pháp. Bởi nhân duyên hiện tiền thọ dụng chánh pháp, nên có các bậc trưởng giả, cư sĩ, Bà-la-môn có chánh tín biết kia thọ dụng triển chuyển theo chánh pháp, sợ rằng do duyên tài vật bị thiếu thốn sẽ thối thất chánh pháp đã được thọ dụng như vậy, cho nên ân cần phụng thí chủng chủng y phục, ăn uống, các tọa ngoại cụ, thuốc trị bệnh và các vật nuôi thân khác.

Mười chủng như vậy gọi là sanh viên mãn nương trong ngoài. Tức 10 chủng sanh viên mãn đây gọi là *xứ sở tu Du-già*.

Do lấy chỗ sở y, chỗ kiến lập đây làm chỗ nương tựa, nên chúng đắc sở hữu thánh pháp của Như Lai và các chúng đệ tử. Thánh pháp như vậy lược có 2 chủng: 1. Pháp hữu học; 2. Pháp vô học. Nay trong nghĩa đây, ý lấy sở hữu Thánh pháp vô học, đó là chánh kiến vô học, nói rộng cho đến chánh trí vô học. Vì cố sao? Vì các hữu học tuy có

thánh pháp, nhưng trong tương tục bị sự theo đuổi của phiền não phi thánh hiện tiền khả đắc.

Như vậy chi sanh viên mãn thứ nhất đây có 10 chủng nghĩa thánh giáo rộng khắp. Ngoài đây ra lại không có chủng viên mãn nào khác hoặc vượt quá hoặc tăng thêm.

2. Nghe chánh pháp viên mãn:

Nên biết hoặc chánh thuyết pháp, hoặc chánh nghe pháp, hai chủng gọi chung là nghe chánh pháp viên mãn.

Chánh thuyết pháp lược có 2 chủng: 1. Tùy thuận; 2. Không nhiễm ô. Nếu nói rộng nên biết có 20 chủng, như trong *Bồ-tát địa sẽ thuyết*.

Chánh nghe pháp lược có 4 chủng: 1. Xa lìa kiêu ngạo; 2. Xa lìa khinh miệt; 3. Xa lìa khiếp nhục; 4. Xa lìa tán loạn. Người lắng nghe pháp mà xa lìa bốn chủng lỗi lầm như vậy, thì được gọi là chánh nghe pháp. Nên biết nếu nói rộng thì có 16 chủng, như trong *Bồ-tát địa sẽ thuyết*.

3. Niết-bàn là thượng thủ:

Đệ tử Như Lai khi nương sanh viên mãn mà

chuyển, lắng nghe chánh pháp như tướng trước đã thuyết, chỉ lấy Niết-bàn làm thượng thủ, chỉ cầu Niết-bàn, chỉ duyên Niết-bàn mà lắng nghe chánh pháp. Chẳng vì khuyến dẫn người khiến tin mình, chẳng vì lợi dưỡng xưng khen cung kính.

Lại người duyên Niết-bàn mà lắng nghe pháp, có 10 pháp chuyển, Niết-bàn làm dẫn đầu. Đó là nương tựa Hữu dư y Niết-bàn giới và Vô dư y Niết-bàn giới.

Nên biết nương tựa Hữu dư y Niết-bàn giới có 9 pháp chuyển, Niết-bàn làm dẫn đầu. Nương tựa Vô dư y Niết-bàn giới, có 1 pháp chuyển, Niết-bàn làm dẫn đầu.

Đó là lấy tuệ thành tựu do nghe làm nhân, ở nơi đạo, đạo quả, Niết-bàn, phát khởi 3 chủng tin hiểu: 1. Tin có tánh thật; 2. Tin có công đức; 3. Tin mình có đủ khả năng đắc phương tiện an lạc. Đã sanh tin hiểu như vậy rồi, vì muốn thành tựu trọn vẹn trí thành tựu do tư duy, nên thân tâm an trú xa lìa nơi ồn náo, xa lìa chướng cái, các ác tâm tư. Vì an trú đây, bèn năng thú nhập nghĩa khéo quyết định trí thành tựu do tư duy. Vì nương tựa đây, lại năng thú nhập hai chủng phương tiện tu ân cần

không gián đoạn. Do thứ lớp đây, dần dần cho đến chứng được trí thành tựu do tu. Do trí đây, nên thấy quá thất của sanh tử phát khởi thắng giải, cùng thấy công đức của Niết-bàn phát khởi thắng giải. Do thường xuyên tu tập nên nhập hiện quán đế, trước đắc kiến đạo, chỗ giải thoát của hữu học, ở nơi tu đạo bậc thượng đã được kiến tích. Vì luôn luôn tu tập, lại thêm chứng đắc giải thoát của vô học, vì chứng đắc đây nên giải thoát viên mãn. Giải thoát viên mãn đây gọi là Hữu dư y Niết-bàn giới, tức lấy Niết-bàn làm thượng thủ, khiến chín pháp trước thứ lớp tu tập mà được viên mãn. Nên biết giải thoát viên mãn đây lại lấy Vô dư y Niết-bàn giới làm thượng thủ.

Như vậy, Niết-bàn làm dẫn đầu, lắng nghe chánh pháp, nên biết gặt hái 5 chủng lợi ích thù thắng. Những gì là năm? Đó là lúc lắng nghe chánh pháp, năng nhiều ích mình, người. Lúc tu chánh hạnh, năng nhiều ích mình, người. Năng chứng đắc ngần mé các khổ.

Nếu thuyết pháp sư lấy nghĩa đây mà tuyên thuyết chánh pháp, người nghe pháp cũng lấy ý đây mà lắng nghe chánh pháp, đó gọi là nhiều

ích cho người.

Lại dùng tâm thiện lắng nghe chánh pháp, bèn năng lãnh thọ vị thượng phẩm sâu của pháp nghĩa đã thuyết. Nhân đây chứng được hoan hỷ rộng lớn, lại năng dẫn phát thiện căn xuất ly. Đó gọi là năng nhiều ích mình.

Nếu có bậc Đại sư chánh tu tập tùy pháp hành pháp, vì muốn kiến lập chánh pháp, phương tiện thị hiện thành bậc Chánh Đẳng Giác, khiến người tu tập chánh hành pháp. Trong đó tự nhiên có pháp cúng dường Đại sư. Cho nên nói đây là nhiều ích người.

Nhân chánh hành đây, kham năng chứng đắc cảnh giới tịch tĩnh thanh lương là Hữu dư y Niết-bàn. Cho nên nói đây năng nhiều ích mình.

Nếu trong Vô dư y Niết-bàn giới, lúc Bát-niết-bàn gọi là chứng đắc ngăn mé các khổ. Đây gọi là lấy Niết-bàn làm thượng thủ, gạt hái lợi ích thù thắng do lắng nghe chánh pháp.

Như vậy gọi là sở hữu nghĩa rộng của Niết-bàn làm dẫn đầu. Ngoài đây ra lại không có hoặc vượt quá hoặc tăng thêm.

4. Năng chín muồi sự thành thực của tuệ giải thoát:

Đó là vì chi Tỳ-bát-xá-na thành thực, nên gọi là tuệ thành thực. Vì chi Xa-ma-tha thành thực, cũng gọi là tuệ thành thực. Vì có sao? Vì tuệ trong tâm định, ở nơi cảnh sở tri thanh tịnh mà chuyển.

Lại chi Tỳ-bát-xá-na, ban đầu hẳn nhờ thiện hữu làm chỗ nương. Nương sự nhiếp thọ của thiện hữu, ở trong tánh chân thật của cảnh sở tri có hiểu rõ dục.

Lại chi Xa-ma-tha do sự nhiếp thọ của Thi-la viên mãn. Nương nơi sự nhiếp thọ của Thi-la viên mãn, ở trong tầng thượng giới nếu có hủy phạm tịnh giới, hủy hoại quỹ tắc mà bị các bậc có trí đồng phạm hạnh do thấy, nghe, nghi, hoặc cử tội, hoặc khiến nhớ lại, hoặc khiến tùy thuận học, lúc bấy giờ kham nhẫn chịu sự luận bàn quả trách.

Lại vì nương nơi sự chân thật của cảnh sở tri hiểu rõ dục nên vui thích lắng nghe. Vì nương sự vui nghe, liền phát lời thưa hỏi. Vì nương sự thưa hỏi, nên được nghe pháp nghĩa sâu xa trước chưa từng nghe. Vì luôn luôn lắng nghe không gián đoạn, nên ở nơi pháp nghĩa kia chuyển được sáng sạch,

lại năng khiến trừ nghi hoặc sanh khởi trước đây.

Như vậy, vì giác tuệ chuyển sáng sạch, nên đối với các sự việc hưng thịnh của thế gian năng thấy quá hoạn, thân tâm chán lìa.

Như vậy, vì khéo tác ý tâm nhằm chán đối với tất cả sự hưng thịnh của thế gian kia, nên không sanh vui mong cầu.

Như vậy, vì kia đối với các đạo tăng thượng sanh thế gian không tâm mong cầu, vì muốn đoạn trừ các pháp ác thú, nên tâm sanh chánh nguyện.

Lại vì tu tập sở hữu các thiện pháp năng đối trị kia, nên tu tập sở hữu các thiện pháp đối trị tất cả phiền não. Vì muốn chứng đắc quả đối trị kia, cũng vì tự tâm được thanh tịnh, nên tâm sanh chánh nguyện.

Mười chủng như vậy năng làm chín muồi sự thành thực pháp của tuệ giải thoát, thứ lớp năng khiến giải thoát viên mãn, như trước đã nói.

Lại theo thứ tự 3 chi đã thuyết là: nghe chánh pháp viên mãn, Niết-bàn là thượng thủ và năng chín muồi sự thành thực của tuệ giải thoát, nghĩa rộng thánh giáo của 3 chi là 10 chủng như vậy. Ngoài đây ra trọn không có hoặc

vượt quá hoặc tăng thêm.

Lại 3 chi đây, bao gồm vì nương nghe chánh pháp viên mãn, Niết-bàn là thượng thủ, năng chín muồi sự thành thực của tuệ giải thoát, nên biết tức là *nhân duyên tu Du-già*. Vì cố sao? Do nương thứ lớp đây, nhân đây, duyên đây, tu tập Du-già mới được thành tựu viên mãn.

5. Tu tập đối trị:

Nên biết lược thuyết ở trong 3 vị có 10 chủng pháp sở đối trị tu tập Du-già.

Sao gọi là 3 vị? **a.** Vị tại gia; **b.** Vị xuất gia; **c.** Vị viễn ly, sống chốn thanh nhàn tu Du-già.

Sao gọi là 10 chủng pháp sở đối trị tu tập Du-già?

a. Ở trong vị tại gia, đối với thế thiếp có tham tương ưng dâm dục, đối với thân thuộc và các tài bảo có ái tương ưng thọ dụng. Như vậy gọi là 2 pháp sở đối trị của vị tại gia. Bởi chướng ngại đây nên ở tất cả chủng không thể xuất ly. Giả sử đã được xuất gia, do sự nhiễu động của tâm tư đây làm chướng ngại, nên không sanh khởi hỷ lạc. Theo thứ lớp 2 chủng pháp sở đối trị như vậy, phải tu

tướng bất tịnh và tu tướng vô thường. Nên biết như vậy là tu tập đối trị kia.

Tướng bất tịnh lược có 2 chủng: 1. Nhiếp thuộc lược tư trạch; 2. Nhiếp thuộc lược tu tập.

Trong tướng bất tịnh nhiếp thuộc lược tư trạch, nên biết có 5 pháp là sở đối trị. Những gì là năm? 1. Gần gũi người nữ; 2. Ở xứ hiển rõ, thất niệm; 3. Ở xứ ẩn, phóng dật; 4. Do lược thường xuyên tập quen, thông cả hai xứ ẩn và hiển; 5. Tuy tinh cần phương tiện tu tập bất tịnh mà tác ý thác loạn, do không quán bất tịnh mà lại tùy chuyển theo tướng tịnh diệu. Như vậy gọi là tác ý thác loạn.

Trong tướng bất tịnh nhiếp thuộc lược tu tập, nên biết có 7 pháp sở đối trị. Những gì là bảy? 1. Gốc của các sự thực hành, tâm tán loạn; 2. Gốc của các sự thực hành, tánh hướng đến tác dụng; 3. Phương tiện tác ý tánh không thiện xảo; 4. Vì không cung kính ân cần thưa hỏi, lại vì không thể giữ gìn căn môn, tuy ở xứ không nhàn vẫn có chủng chủng tâm tư nhiễm ô nhiều loạn nơi tâm; 5. Vì đối với việc ăn uống không biết lượng, nên thân không điều hòa cân bằng; 6. Vì bị tâm tư làm nhiều loạn, nên không vui thích hạnh xa lìa, không

vui nội tâm tịch tĩnh nơi định Xa-ma-tha; 7. Vì thân không điều hòa cân bằng, không thể khéo tu Tỳ-bát-xá-na, không thể như thật quán sát các pháp.

Tất cả pháp sở đối trị như vậy, nên biết nếu thuyết chung thì một môn là 12, một môn là 14.

Lại pháp sở đối trị như vậy, pháp năng trị là bạch pháp. Nên biết nếu nhiều thực hành tu tập hai chủng tướng bất tịnh như vậy, sẽ năng đoạn trừ pháp sở đối trị kia.

b. Ở trong vị xuất gia, người xuất gia thời thời lược có 4 chủng thực hành:

1. Thường thực hành phương tiện tu thiện pháp, như là “Ta ở nơi các pháp vì thường lấy phương tiện tu làm y chỉ, sẽ năng chế phục được tất cả tâm thức vui theo vị ái, lại năng như thật hiểu biết rõ ràng tánh khổ”.

2. Thực hành tín giải, vui thích đối với Niết-bàn không hý luận, như là “Ta phải đối với Niết-bàn không hý luận, tâm không thối chuyển”. Lại chẳng sanh trầm ngâm ưu tư, như là “Ta... ta nay đang ở đâu?”.

3. Thực hành trong mọi lúc du hành vào tụ lạc

khất thực, như là “Ta lấy việc khất thực thọ dụng làm nhân, do đây thân được tồn tại lâu dài, có sức khỏe điều hòa cân bằng để thường năng phương tiện tu các thiện pháp”.

4. Thực hành khi an trú ở chốn xa lìa, như là “Nếu vui thích cùng những người tại gia và chúng xuất gia cư trú hỗn tạp, tức có các việc rối loạn của thấy, nghe, thọ dụng hợp theo chủng chủng thế gian. Ta chớ ở nơi kia quán sát sâu, sẽ làm chướng ngại vị tâm nhất cảnh”.

Ở trong 4 chủng sự thực hành các việc đây, nên biết có 4 pháp sở đối trị. Ở nơi sự thực hành thứ nhất, có uế oải, lười biếng, giải đãi. Ở nơi sự thực hành thứ hai, có thân kiến. Ở nơi sự thực hành thứ ba, có tham ái vị. Ở nơi sự thực hành thứ tư, có chủng chủng tham ái dục lạc thế gian. Bốn chủng như vậy là pháp sở đối trị.

Như thứ lớp trên cũng có 4 chủng tu tập đối trị: 1. Ở nơi vô thường, tu tập tưởng khổ; 2. Ở nơi các khổ, tu tập tưởng vô ngã; 3. Ở nơi ăn uống, tu tập tưởng nhàm chán, trái lìa; 4. Ở nơi tất cả thế gian, tu tập tưởng không đáng vui.

Ở nơi vô thường, tu tưởng khổ, lược có 6 chủng

pháp sở đối trị. Những gì là sáu? 1. Đối với thiện pháp chưa sanh nên sanh ưu tiên, mà có sự uể oải; 2. Đối với thiện pháp đã sanh nên trụ không để quên mất, tu tập khiến được tăng trưởng gấp bội cho đến viên mãn, mà có sự uể oải; 3. Đối với bậc Sư trưởng cần có sự cung kính đến thưa hỏi, mà không thường xuyên đến thỉnh hỏi; 4. Đối với việc hằng tu thiện pháp, thường thực hành theo lời thầy dạy, mà lại xa lìa lòng tinh tín; 5. Vì xa lìa tinh tín, không thể thường tu tập; 6. Nội tâm phóng dật, vì phóng dật nên chỗ thường tu tập các thiện pháp không hằng tùy chuyển.

Sáu chủng pháp sở đối trị như vậy, ngược lại có 6 chủng pháp cần nhiều thực hành năng đối trị. Nên biết tướng đây trái với tướng đã thuyết trên.

c. Ở trong vị viễn ly, nhàn cư, phương tiện tu tập tác ý, nên biết lược có 4 chủng sở trị. Những gì là bốn? 1. Ở nơi phẩm Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na, có tâm ám muội; 2. Ở nơi các định, có sự thuận theo ái vị; 3. Ở nơi sanh, có tâm thuận theo tướng động; 4. Suy tìm ngày càng về sau, trông đợi thời khác thuận theo tìm cầu bất tử, chẳng thể mạnh mẽ siêng tu phương tiện. Như vậy là 4

chủng pháp sở đối trị.

Nên biết cũng có 4 chủng tu tập đối trị: 1. Tu tưởng quang minh; 2. Tu tưởng ly dục; 3. Tu tưởng diệt; 4. Tu tưởng chết.

Lại, tưởng quang minh tức là duyên với nhiều quang minh lấy làm cảnh giới, như trong Tam-ma-hí-da địa đã thuyết. Nay ở trong nghĩa đây, ý biện duyên pháp quang minh lấy làm cảnh giới, tu tưởng quang minh. Đó là như pháp đã nghe, đã được rõ ráo, nhớ nghĩ không quên, gọi là pháp quang minh. Tưởng tương ưng với kia, đồng hành với kia, nên biết gọi là tưởng quang minh. Vì có sao? Điều thật sự năng khiến tâm ám muội khi phương tiện tu phẩm Chỉ Quán, đó là sự quên mất niệm ở trong các pháp. Trái với tưởng đây, nên biết tức là quang minh.

Lại nghĩa bậc nhất của tuệ thành tựu do tư và tuệ thành tựu do tu đồng với tưởng quang minh có 11 pháp là sở đối trị. Sao gọi là mười một? Đó là tuệ thành tựu do tư đồng với tưởng quang minh có 4 pháp. Tuệ thành tựu do tu đồng với tưởng quang minh có 7 pháp. Như vậy hợp lại có 11 pháp sở trị.

Những gì gọi là 4 pháp sở trị của tuệ thành

tự do tư đồng với tướng quang minh:

1. Vì không khéo quán sát, không khéo quyết định nơi đối tượng tư duy, có sự nghi ngờ theo đuổi.

2. Vào ban đêm, vì uể oải lười biếng giải đãi, tập nhiều ngủ nghỉ, để thời gian trôi qua uổng phí.

3. Vào ban ngày, vì tập quen gần gũi với tà ác, ăn uống... nên thân không điều nhu nhẹ nhàng, không thể thuận theo quán sát chân thật các pháp.

4. Vì chúng tại gia, xuất gia cùng chung sống hỗn tạp khiến ở nơi pháp tùy thuận nghe, nơi pháp cứu cánh không thể như lý tác ý tư duy. Do đây bị nghi theo đuổi, bị nhân duyên nghi năng làm cho chướng ngại.

Bốn chủng pháp đây là sở đối trị của tuệ thành tự do tư đồng với tướng quang minh, khiến hoặc trí, hoặc kiến thành tự do tư không được thanh tịnh.

Những gì gọi là 7 pháp sở trị của tuệ thành tự do tư đồng với tướng quang minh?

1. Pháp sở đối trị của sự tu tập nương vào tướng cử, tinh tấn mạnh mẽ thái quá.

2. Pháp sở đối trị của sự tu tập nương vào tướng chỉ, tinh tấn quá yếu kém.

3. Pháp sở đối trị của sự tu tập nương vào tướng xả, có được hỷ duyệt do tham đắm mùi vị của định đồng hành với ái.

4. Hai pháp sở đối trị là tâm ôm sợ hãi đối với Bát-niết-bàn và tâm khiếp nhược, đồng hành với sân khuể.

5. Tức nương phương tiện tác ý như vậy, đối với pháp thì siêng năng luận nghị quyết trạch, đối với môn kiến lập phân tích thì sanh nhiều luận bàn tương tục không xả bỏ. Những điều này năng làm chướng ngại trong lúc tịch tĩnh chánh tư duy.

6. Ở trong sắc thanh hương vị xúc lại chấp thủ tướng diệu hảo không như chánh lý, không chánh tâm tư khiến tâm tán loạn.

7. Đối với điều không nên tư duy, lại nhiếp tâm mạnh mẽ tư duy các pháp.

Bảy chủng như vậy là pháp sở đối trị của tuệ thành tựu do tu đồng với tướng quang minh, cực gây chướng ngại cho tuệ thành tựu do tu đồng với tướng quang minh, khiến hoặc trí, hoặc kiến thành tựu do tu triển chuyển không thanh tịnh.

Pháp sở trị như vậy có 11 chủng. Trái với tướng đây tức là pháp năng đối trị, năng đoạn trừ

pháp sở đối trị kia, khiến hoặc trí, hoặc kiến thành tự do tư và do tu triển chuyển thành tịnh.

Lại người chánh phương tiện tu các tướng có khả năng đoạn diệt pháp sở trị. Lại ở nơi pháp sở trị hiện hành, tâm không nhiễm trước, khiến chóng đoạn diệt. Lại năng trụ nhiều pháp năng đối trị, đoạn diệt tất cả các pháp sở đối trị. Ba pháp như đây, vì theo đuổi tất cả việc tu đối trị, nên gọi là có nhiều sự thực hành.

Tất cả như vậy gọi là tu tập đối trị.

Tu tập đối trị đây, nên biết tức là *tu tập Du-già*. Chi tu tập đối trị thứ năm đây là nghĩa thánh giáo rộng, nên biết chỉ có 10 như vậy. Ngoài đây ra trọn không có hoặc vượt quá hoặc tăng thêm.

6. Tất cả chủng thanh tịnh thế gian:

Nên biết lược có 3 chủng: **a.** Đắc tam-ma-địa; **b.** Tam-ma-địa viên mãn; **c.** Tam-ma-địa tự tại.

a. *Sao gọi là đắc tam-ma-địa?* Trong đây trước hết có 20 chủng pháp sở đối trị của đắc tam-ma-địa, năng khiến không thể đắc tam-ma-địa thù thắng. Những gì là hai mươi?

1. Không muốn đoạn trừ với bạn đồng phạm

hạnh có lỗi lầm.

2. Bạn tuy có đức, nhưng vị thầy tuyên thuyết phương tiện tu định có lỗi lầm, đó là tuyên thuyết phương tiện tu định điên đảo.

3. Tuy thầy có đức, nhưng đối với phương tiện tu định đã thuyết, người lắng nghe pháp có lỗi lầm, đó là vì vui muốn kém cỏi, vì tâm tán loạn nên không thể lãnh thọ.

4. Người nghe tuy có sự vui thích lắng nghe, nhưng có lỗi lầm ám độn, vì giác huệ yếu kém nên không thể lãnh thọ.

5. Người nghe pháp tuy có trí đức, nhưng có lỗi lầm của hạng người ái hành, nhiều mong cầu lợi dưỡng cung kính.

6. Có lỗi lầm do nhiều ưu sầu, khó trưởng dưỡng, khó đầy đủ, không biết vui đủ.

7. Vì các việc như vậy lực tăng thượng, nên tạo tác nhiều sự việc có lỗi lầm.

8. Tuy không có lỗi này, nhưng có lỗi lầm do giải đãi lười biếng uể oải, nên xả bỏ gia hạnh.

9. Tuy không có lỗi này, nhưng có lỗi lầm gây cho người khác chướng chướng chướng ngại sanh khởi.

10. Tuy không có lỗi này, nhưng có lỗi lầm do

không thể kham nhẫn các khổ lạnh nóng...

11. Tuy không có lỗi này, nhưng có lỗi lầm do mạn khuể, nên không thể lãnh thọ dạy bảo.

12. Tuy không có lỗi này, nhưng có lỗi lầm do tư duy điên đảo đối với lời dạy bảo.

13. Tuy không có lỗi này, nhưng có lỗi lầm do quên mất nhớ nghĩ đối với lời dạy đã lãnh thọ.

14. Tuy không có lỗi này, nhưng có lỗi lầm do tại gia, xuất gia sống hỗn tạp.

15. Tuy không có lỗi này, nhưng có lỗi lầm do thọ dụng ngọ cụ tương ưng năm lỗi (ngọ cụ tương ưng năm lỗi nên biết như *Thanh văn địa* sẽ thuyết).

16. Tuy không có lỗi này, nhưng vì ở chốn xa lìa không giữ gìn phòng hộ các căn, nên có lỗi lầm của tâm tư bất chánh.

17. Tuy không có lỗi này, nhưng có quá thất do ăn không điều độ, thân trì trệ nặng nề không thể chịu đựng.

18. Tuy không có lỗi này, nhưng có lỗi lầm do tánh nhiều ngủ nghỉ, nên có nhiều tùy phiền não thù miên hiện hành.

19. Tuy không có lỗi này, nhưng có lỗi lầm do trước không tu hành phẩm Xa-ma-tha, nên không

hân lạc với chỗ nội tâm dừng nghỉ vắng lặng.

20. Tuy không có lỗi này, nhưng có lỗi lầm do trước không tu hành phẩm Tỳ-bát-xá-na, nên không hân lạc trong việc quán như thật pháp tăng thượng tuệ Tỳ-bát-xá-na.

Hai mươi chủng pháp như vậy là sở đối trị của sự chứng đắc tâm tánh nhất cảnh thuộc phẩm Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na.

Lại 20 pháp sở đối trị đây tóm lược có 4 tướng kham làm chướng ngại cho sự sanh khởi của tam-ma-địa. Những gì là bốn? 1. Vì phương tiện không thiện xảo nơi tam-ma-địa; 2. Vì hoàn toàn không gia hạnh đối với tất cả phương tiện tu định; 3. Vì gia hạnh điên đảo; 4. Vì gia hạnh chậm chạp.

Pháp sở đối trị của tam-ma-địa đây có 20 chủng pháp bạch là pháp năng đối trị, nên biết tướng đây trái với 20 tướng đã nói trên. Do có nhiều sự thực hành năng đoạn pháp sở đối trị đây, khiến nhanh chóng được tâm chánh an trụ, chứng tam-ma-địa.

Lại đắc tam-ma-địa đây, nên biết tức là đắc phần cận của sơ tĩnh lự định nhiếp thuộc vị Vị chí. Lại đắc pháp trái nghịch với tam-ma-địa và đắc

pháp tùy thuận của tam-ma-địa đây, nghĩa rộng thánh giáo nên biết chỉ có 20 chủng này. Ngoài đây ra không có hoặc vượt quá hoặc tăng thêm. Do nhân duyên đây, nương tất cả chủng thanh tịnh thế gian thứ nhất đã khéo tuyên thuyết, đã khéo khai thị, bổ-đặc-già-la ở trong chánh pháp đặc tam-ma-địa.

b. Sao gọi là tam-ma-địa viên mãn?

Người đã đặc tam-ma-địa như vậy, đối với chút ít thù thắng của định đây không sanh vui đủ, lại phát khởi mong cầu tam-ma-địa thù thắng viên mãn. Tức nơi định kia thấy công đức thù thắng, cũng do mong cầu mà thấy công đức thù thắng. Vì cầu đối với kia nên đồng mãnh tinh tấn, gắng sức an trú. Lại người kia đối với phiền não đồng hành ái vị tương ưng sắc, vì chẳng phải tất cả đều đã có thể vĩnh viễn đoạn, nên gọi là chưa phải đặc thù thắng. Lại vì trong tất cả các thiện pháp, chẳng phải kia thấy đều siêng tu, nên gọi là bị cái khác thắng.

Lại người kia đối với sanh xứ tịnh thiên rộng lớn không bị đắm chìm. Lại vì tin hiểu hạ liệt lực tăng thượng, kia không thể xem nhẹ chính mình.

Lại người kia tâm không đắm chìm như vậy, ở trong pháp cảnh giới sở duyên của định, tức là tướng chỉ, cử, xả trước đã đắc, ân trọng phương tiện tu không gián đoạn, nên thuận theo đó mà chuyển.

Lại người kia tùy theo tướng pháp chuyển như vậy, luôn nhập, luôn xuất. Lại muốn nhanh chóng chứng đắc thông tuệ, nên nương định viên mãn. Vì vui lắng nghe chánh pháp, ở trong mọi lúc ân cần thưa hỏi. Lại nương tam-ma-địa viên mãn như vậy, ở nơi chánh phương tiện tu tập nhiếp thuộc căn bản định, nội tâm chứng đắc Xa-ma-tha, xa lìa ái lạc. Lại chứng đắc pháp Tỳ-bát-xá-na, như vậy quán sát mà có vui thích mạnh mẽ sáng sạch, nên biết ngang đây đã năng chứng nhập căn bản tĩnh lự. Như vậy gọi là tam-ma-địa viên mãn.

Lại tam-ma-địa viên mãn đây, nghĩa rộng thánh giáo nên biết chỉ có 10 tướng, ngoài đây ra trọn không có hoặc vượt quá hoặc tăng thêm.

c. Sao gọi là tam-ma-địa tự tại?

Vị kia tuy đã chứng đắc căn bản tam-ma-địa, gọi là tam-ma-địa viên mãn, nhưng tâm vẫn bị sự nhiễm ô của các tùy phiền não ái vị mạn, kiến,

nghi, vô minh mà tam-ma-địa sanh khởi, nên chưa gọi là thanh tịnh sáng sạch viên mãn. Vì khiến các tùy phiền não như vậy chẳng hiện hành, vì điều luyện tâm, vì điều phục tâm, người kia khởi tư duy như vậy: “Ta phải nên chứng tánh tâm tự tại, tánh định tự tại”. Cho nên ở nơi 4 xứ, phải dùng 22 xứ tướng mà khéo quán sát. Đó là tự nguyện thọ hình tướng thấp kém, oai nghi thấp kém, vật dụng thấp kém. Lại tự phát thệ nguyện thọ Thi-la cấm chế. Lại tự phát thệ nguyện thọ thiện pháp, tu tập tinh cần không gián đoạn. Nếu có người vì đoạn tất cả khổ não mà thọ 3 xứ đây, nên chánh quán sát sự theo đuổi của các khổ.

Vì cạo bỏ râu tóc, vì xả bỏ hình sắc đẹp thế tục, vì đắp y hoại sắc, phải tự quán sát hình sắc khác với người đời, như vậy gọi là quán sát thệ nguyện thọ hình tướng thấp kém. Ở trong đi, đứng, nằm, ngồi, nói, im... không theo dục mà hành, chế phục kiêu mạn khi đến nhà người, chánh quán sát sâu xa sự du hành khát thực, như vậy gọi là quán sát nguyện thọ oai nghi thấp kém. Lại chánh quán sát từ người mà có được, không tích chứa các vật dụng nuôi thân, như vậy gọi là quán sát nguyện

thọ các vật dụng thấp kém. Do 5 tướng đây, nên biết gọi là quán sát xứ thứ nhất.

Lại trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, việc thọ Thi-la của những người xuất gia là chỗ lược hiển xả bỏ 2 việc: 1. Hiển xả bỏ việc của cha mẹ, vợ con, nô tỳ, nô bộc, bạn bè, quyến thuộc, tiền của, trân bảo; 2. Hiển xả bỏ việc của chúng chúng sự việc thế gian như ca múa hát xướng, cười đùa vui chơi, qua lại phóng túng, thân mật tụ hội. Lại kia an trụ Thi-la luật nghi, không do phạm giới mà tự mình chân thành răn trách, cũng không bị bạn đồng phạm hạnh dùng pháp quả trách. Hoặc có phạm Thi-la mà không vội vàng nêu ra, hoặc ở nơi Thi-la có điều khuyết phạm, do nhân duyên đây bèn tự mình chân thành răn trách. Nếu người đồng phạm hạnh dùng pháp quả trách, tức liền như pháp tự mình hối trừ. Đối với người đồng phạm hạnh năng cử tội, tâm không khuể hận, không nã, không tổn, chỉ lo tự sửa trị mình. Do 5 tướng đây, gọi là quán sát xứ thứ hai.

Thi-la khéo viên mãn như vậy rồi, nên dùng 5 tướng phương tiện tinh cần tu các phẩm thiện: 1. Tùy từng giai đoạn mà thỉnh hỏi, thọ trì, đọc tụng,

luận bàn, suy lường, quyết trạch, siêng tu phẩm thiện như vậy nên có thể thọ nhận tín thí của người; 2. Vui xa lìa, dùng chánh phương tiện tu các tác ý; 3. Đêm ngày đối hai phần pháp thối và thắng, biết tu tập đoạn trừ; 4. Đối với sanh tử thấy lỗi họa lớn; 5. Đối với Niết-bàn thấy công đức thù thắng. Do năm tướng đây, gọi là quán sát xứ thứ ba.

Người tinh cần tu tập phẩm thiện như vậy, tóm lược bị sự theo đuổi của 4 chủng khổ: 1. Đối với bốn quả Sa-môn, vì chưa thể tùy chúng đắc, nên vẫn còn bị sự theo đuổi của bốn chủng khổ ác thú; 2. Vì thể là pháp sanh lão bệnh tử, nên chịu sự theo đuổi của khổ hư hoại bên trong; 3. Vì tất cả sự yêu thích là pháp biệt ly chia lìa, nên chịu sự theo đuổi của khổ do yêu thích mà bị hư hoại; 4. Vì nghiệp của mình gây tạo, nên chịu sự theo đuổi của tất cả nhân khổ. Kẻ kia chịu bốn khổ theo đuổi như vậy, nên dùng 7 tướng chánh quán sát sâu xa. Do 7 tướng đây gọi là quán sát xứ thứ tư.

Người kia ở nơi 4 xứ như vậy, dùng 22 tướng chánh quán sát, bèn sanh như lý tác ý. Đó là: “Ta vì cầu việc như vậy mà thệ nguyện thọ hình tướng,

oai nghi và vật dụng nuôi thân thấp kém, thệ nguyện thọ cấm giới cùng thệ nguyện thọ tinh cần thường tu thiện pháp, mà nay ta ở nơi bốn chủng khổ đã vượt thoát thế nào? Như ta đã tự sách phát, tự khích lệ thệ nguyện thọ ba xứ, mà vẫn còn bị bốn khổ thường theo đuổi chưa được giải thoát. Ta nay chẳng nên để khổ theo đuổi, nếu ta chưa ở nơi định thù thắng, chưa thành tựu tự tại, quyết không giữa đường hoặc dừng nghỉ, hoặc lại thối chí khuất phục”. Tinh siêng như lý tác ý như vậy được gọi là tướng xuất gia và tướng Sa-môn. Người kia đối với “viên mãn”, tu nhiều phương tiện lấy làm chỗ nương.

Do mới chỉ chứng đắc tam-ma-địa viên mãn đạo thế gian, nên đối với việc đoạn phiền não vẫn còn chưa chứng đắc, lại phải tiếp tục thường nương tu đoạn siêng năng tu tập. Lại kia đã đắc đạo thiện thế gian, vì luôn luôn muốn được tự tại ở nơi tam-ma-địa, nên nương vào vui tu triển chuyển không gián đoạn.

Lại từ nơi cư sĩ, trưởng giả, Bà-la-môn chánh tín thu được chủng chủng lợi dưỡng cung kính, mà không nương lợi dưỡng cung kính đây sanh tham trước. Cũng không đối với lợi dưỡng cung kính của

người và Bà-la-môn không tín khác biểu hiện nơi thân nghiệp ngữ nghiệp không vừa ý, ở trước mặt hay sau lưng, mà tâm sanh phần khuể, lại đối với kia tâm không nào hại.

Lại khéo giữ gìn niệm trụ, khiến ái, mạn, kiến, vô minh, nghi, hoặc, các tùy phiền não trong chủng chủng định chẳng hiện hành trở lại. Lại chẳng phải vì dụng Xa-ma-tha như vậy mà cho là tất cả việc làm của mình đã xong. Đây chẳng phải đắc Xa-ma-tha thù thắng. Cũng chẳng hướng đến người kể lễ sở chứng của mình. Người kia do vui đoạn vui tu như vậy, tâm không tham khuể, chánh niệm hiện tiền, lìa tăng thượng mạn. Đối với y phục tùy nghi có được, tâm sanh vui đủ. Như đối với y phục, thì đối với ăn uống, ngọa cụ... sanh vui đủ nên biết cũng vậy.

Lại thọ dụng phải chánh rõ biết các vật dụng đây thật ra chỉ vì để nuôi thân khiến nó tạm dừng đói khát, không bị hư hoại mà nhiếp thọ phạm hạnh... nói rộng cho đến ở nơi ăn biết lượng. Do người kia chánh tu hành như vậy, nên ở nơi tam-ma-địa thu được tự tại. Vì y nương kia, nên tâm sáng sạch, không có tỳ vết cấu uế, lìa tùy phiền

não, nói rộng cho đến đạt được bất động, năng dẫn phát tất cả thân thông thù thắng. Đây gọi là tam-ma-địa tự tại. Nghĩa rộng tam-ma-địa tự tại đây nên biết chỉ có tướng như đã thuyết ở trên. Ngoài đây ra lại không có hoặc vượt quá hoặc tăng thêm.

Trước đã thuyết về đặc tam-ma-địa, giữa đã thuyết về tam-ma-địa viên mãn và nay thuyết về tam-ma-địa tự tại, gọi chung là tất cả chủng thế gian thanh tịnh không gì vượt hơn. Nên biết thanh tịnh đây chỉ có trong Chánh pháp, chẳng phải ở trong các ngoại đạo mà có được.

7. Tất cả chủng thanh tịnh xuất thế gian:

Nên biết lược có 5 chủng. Những gì là năm? **a.** Nhập hiện quán Thánh đế; **b.** Đã nhập hiện quán Thánh đế rồi, lìa các chương ngại; **c.** Đã nhập hiện quán Thánh đế rồi, vì muốn nhanh chóng chứng được thông tuệ, tác ý tư duy các sự việc hoan hỷ; **d.** Tu tập như đạo đã chứng đắc; **e.** Chứng đắc đạo cực thanh tịnh và công đức của quả.

a. Sao gọi là nhập hiện quán Thánh đế? Đó là có các chủng đệ tử của chư Như Lai đã khéo tu tập sự thanh tịnh thế gian, đã rõ biết tự mình trong

đêm dài tích tập năm diệu dục nơi tâm, được sự giữ gìn của thức ăn nuôi dưỡng, lại ở nơi các dục kia tâm sanh yêu thích. Bấy giờ bèn ở nơi các dục kia thấy sâu quá hoạn, ở nơi cảnh thắng thượng thấy đức tịch tĩnh. Nhưng vị kia ở nơi cảnh giới hý luận là tất cả chủng thanh tịnh thế gian dễ có thể an trú, đối với cảnh giới không hý luận là tất cả chủng thanh tịnh xuất thế gian lại khó thể an trú. Cho nên ở nơi cảnh giới hý luận kia trụ chán ghét ác, chẳng phải không chán ghét ác.

Lại người trụ chánh pháp đây đối cõi Niết-bàn không hý luận, tâm vui muốn an trú, vui muốn chứng đắc. Nhưng vì thiếu khuyết lực tăng thượng chứng quả Sa-môn, nên tâm sanh yếm hoạn với chỗ tự thân tương ưng tạp nhiễm, cũng sanh yếm hoạn với chỗ mình không tương ưng thanh tịnh. Lại sanh yếm hoạn ở nơi mình có quá hoạn tương ưng tạp nhiễm, cũng sanh yếm hoạn ở nơi mình có quá hoạn không tương ưng thanh tịnh, lại cũng sanh yếm hoạn ở nơi mình nhận thấy khó thành tựu trọn vẹn thanh tịnh.

Trong đây lược có 3 chủng tương ưng tạp nhiễm:
1. Loại tương ưng tạp nhiễm chưa điều, chưa thuận

mà chết; 2. Loại tương ưng tạp nhiễm chết rồi phải đọa hầm lớn phiền não; 3. Loại tương ưng tạp nhiễm do lực tự tại của phiền não kia, nên hiện hành chủng chủng nghiệp ác bất thiện đi đến chỗ sợ hãi. Kia quán thấy thân mình thiếu khuyết trong việc chứng quả Sa-môn, do khuyết đây nên cùng ba chủng tương ưng tạp nhiễm. Quán như vậy rồi, tâm sanh yểm hoạn.

Nên biết không tương ưng thanh tịnh cũng có 3 chủng: 1. Đoạn trừ các phiền não, cứu cánh Niết-bàn gọi là xứ không có sợ hãi; 2. Nương tắng thượng tâm học, tức đây năng chứng Thiện tâm tam-ma-địa; 3. Nơi tắng thượng tuệ học năng chứng chánh kiến nhiếp lấy Thánh đạo vi diệu. Kia quán tự thân và ba chủng thanh tịnh đây không tương ưng, tâm sanh yểm hoạn.

Nên biết quá hoạn tương ưng tạp nhiễm cũng có 3 chủng: 1. Sanh là nguồn gốc của khổ già, bệnh, chết; 2. Tự tánh khổ của sanh không có xứ thanh nhàn; 3. Tất cả xứ sanh, tánh vô thường. Kia quán tự thân có ba chủng quá hoạn tương ưng tạp nhiễm đây, tâm sanh yểm hoạn.

Nên biết quá hoạn không tương ưng thanh

tịnh có 5 chủng: 1. Sanh nơi biên địa chưa thể dừng dứt; 2. Sanh nơi ác đạo chưa thể dừng dứt; 3. Ở chúng tại gia có các nghiệp vô gián, không thể ngăn dứt; 4. Ở chúng xuất gia có vô lượng kiến thú chưa tương ưng, hoặc không tương ưng; 5. Tuy do đạo thế gian cho đến Hữu đảnh, hoặc định hoặc sanh, mà ở nơi sanh tử lưu chuyển không có bờ trước bờ sau, chưa tạo tác ngăn mé. Kia quán tự thân mình có năm chủng quá hoạn không tương ưng thanh tịnh, tâm sanh yếm hoạn.

Ở nơi mình thấy khó thành tựu trọn vẹn thanh tịnh, nên biết cũng có 5 chủng: 1. Vì không thể tự mình làm điều ác, nên xả không làm; 2. Đối với sự việc khác, không yêu cầu người làm, vì tự mình năng thành tựu trọn vẹn; 3. Vì quyết định điều cần phải làm, tức tự tư duy: “Tâm ta chưa thanh tịnh, hẳn ở nơi các khổ chưa được giải thoát thành tánh kiết tường”; 4. Vì sự gây tạo nghiệp ác bất thiện trước hẳn nhiên không hoại mất, nên không gây tạo ác nghiệp. Nhưng hiện tại vẫn làm, vì cho là mình đã tạo tác thanh tịnh, tức cho là mình được ở pháp hiện kiến vĩnh viễn lìa thiêu đốt, không cần đạo đối trị; 5. Do chỗ chúng đắc đạo học, đạo

vô học thanh tịnh hiển hiện. Kia quán thấy thanh tịnh đây có năm tướng khiến khó thể thành tựu trọn vẹn, tâm sanh yểm hoạn.

Lại nữa, người kia vì muốn chứng đắc nên phát khởi tinh tấn kiên cố. Do kia quán sát thấy sự tương ưng tạp nhiễm, không tương ưng thanh tịnh, nên tâm sanh yểm hoạn. Lại do quán thấy quá hoạn tương ưng tạp nhiễm và quá hoạn không tương ưng thanh tịnh, nên tâm sanh sợ hãi. Lại đối với việc chứng đắc thanh tịnh và đoạn diệt tạp nhiễm, nếu có lười biếng giải đãi, tâm liền phải ngăn dứt. Lại vì tác ý tư duy tướng kia, tâm sanh yểm hoạn. Tức do nhiều thực hành tư duy tướng như vậy, nên tâm cực yểm hoạn. Như yểm hoạn, cực yểm hoạn, thì sợ hãi, cực sợ hãi, ngăn dứt, cực ngăn dứt nên biết cũng vậy. Như vậy người kia do tưởng đồng hành với yểm, ở nơi 5 xứ, vì dùng 20 chủng tướng tác ý tư duy, nên gọi là khéo tu trị.

Lại có 5 nhân, chỗ nhiếp thọ của 20 chủng tướng, khiến tận dứt các ái, tịch diệt Niết-bàn, nhanh chóng nhiều an trụ, tâm không thối chuyển, cũng không ưu tư “Nay ta đang ở đâu?”. Những gì là năm nhân?

1. Do thông đạt tác ý. Đó là do thông đạt tác ý như vậy không gián đoạn, ắt năng thú nhập chánh tánh ly sanh, nhập hiện quán đế, chứng trí kiến của bậc Thánh.

2. Do sở y. Đó là do nương sở y này không gián đoạn, ắt năng thú nhập chánh tánh ly sanh... còn lại như trước đã thuyết.

3. Do nhập môn cảnh giới. Đó là do duyên nhập môn cảnh giới đây, ắt năng thú nhập chánh tánh ly sanh... còn lại như trước thuyết.

4. Do nhiếp thọ tư lương. Đó là do nhiếp thọ tư lương đây, ắt năng thú nhập chánh tánh ly sanh... còn lại như trước đã thuyết.

5. Do nhiếp thọ phương tiện. Đó là do nhiếp thọ phương tiện như vậy, ắt năng thú nhập chánh tánh ly sanh, cho đến nói rộng.

Năm nhân như vậy, nên biết nương nơi nhân ngược thứ tự quán đế mà nói, không phải nhân thuận thứ tự. Nương nơi nhân tối thắng, tức ngược thứ tự với việc đã nói ở trước, đó là ở trong gia hạnh không, vô tướng, vô nguyện, ở nơi tùy nhập tác ý vi tế hiện hành, tướng tâm đồng hành ngã mạn năng chướng hiện quán tùy chuyển gián đoạn,

không gián đoạn, đều chánh thông đạt. Đã thông đạt rồi, nơi tâm câu hành tác ý nhập vận chuyển năng khéo xả bỏ, khiến diệt không gián đoạn. Nương tâm diệt không gián đoạn, lúc mới khởi tác ý, dụng hành vô thường... mà tư duy như thật. Do tu tập, nhiều tu tập tác ý đây, nên trí bình đẳng, không bình đẳng, sở duyên, năng duyên sanh. Lúc bấy giờ ngã mạn loạn tâm năng chướng hiện quán liền vĩnh viễn đoạn hẳn, chứng đắc tâm tánh nhất cảnh. Liền tự tư duy: “Ta như thật rõ biết đã chứng đắc tâm tánh nhất cảnh”. Như vậy nên biết do thông đạt tác ý nhập hiện quán đế.

Lại nếu trước dụng đạo thế gian đắc tam-ma-địa, thì cũng được viên mãn, cũng được tự tại. Người kia hoặc ở nơi tướng nhập tam-ma-địa cho là do đây nên nhập tam-ma-địa, hoặc ở nơi tướng trụ tam-ma-địa cho là do đây nên trụ tam-ma-địa, hoặc ở nơi tướng xuất tam-ma-địa cho là do đây nên xuất tam-ma-địa. Ở nơi các tướng đây, tác ý tư duy an trụ nơi tâm, nhập hiện quán đế. Nếu đắc tam-ma-địa mà chưa viên mãn, cũng chưa được tự tại, kia hoặc tư duy tướng chỉ, hoặc tư duy tướng cử, hoặc tư duy tướng xả, an trụ nơi tâm, nhập hiện quán đế.

Như vậy nên biết do sở y, nên tâm an trụ.

Lại có 2 pháp rất gây chướng ngại cho sự tu tập hiện quán. Những gì là hai? 1. Tâm tư bất chánh gây nhiễu loạn, khiến tâm không an tĩnh; 2. Ở nơi sự sở tri, tâm diên đảo.

Vì muốn đối trị chướng ngại như vậy, nên biết có 2 chủng an trụ tâm nơi cảnh sở duyên. Đó là: vì đối trị chướng thứ nhất, nên tu niệm A-na-ban-na. Vì đối trị chướng thứ hai, nên tu các niệm trụ. Như vậy nên biết do môn nhập cảnh giới, tâm được an trụ.

Lại kẻ vui muốn thân cận tập quen năm điều dục, thì sanh vui đủ đối với chỗ chẳng phải hành xứ trong thánh pháp Tỳ-nại-da, hoặc đối với y phục, ăn uống, các tọa ngoạn cụ tùy nghi có được; tùy theo lợi dưỡng cung kính có được mà chế phục nơi tâm. Tức là nương năm điều dục chẳng phải vì lợi dưỡng cung kính, mà chỉ vì an trụ tâm bền vững. Do nhân duyên đây, xa lìa tất cả chỗ chẳng phải hành xứ. Đã xa lìa rồi, nương các niệm trụ, vui đoạn trừ, vui tu tập. Đêm ngày luôn luôn quán sát các việc thịnh suy của mình của người, tâm sanh yếm hoạn. Lại tu tập tùy niệm Phật... khiến

tâm thanh tịnh, an trụ trong các chủng thánh. Như vậy nên biết do vì tư lương, tâm được an trụ. Đây nương đạo tư lương tối thắng mà nói.

Lại người kia đã an trụ tư lương như vậy rồi, vì tu gia hạnh tác ý tương ưng, nên có 2 chủng phương tiện gia hạnh. Những gì là hai? 1. Ở nơi Khế kinh, A-tỳ-đạt-ma, tự mình đọc tụng thọ trì, tu chánh tác ý ở nơi sự uẩn... khiến cực thiện xảo. 2. Nương vào lời dạy của các thầy là bậc Đại sư, Ô-ba-dà-da (Thân giáo sư), A-già-lợi-da (A-xà-lê, Quỷ phạm sư), tùy thời dạy răn dạy trao mà tiếp thu lãnh thọ y chỉ. Lại tác ý tư duy chánh gia hạnh, nên biết đây gọi là phương tiện thứ ba. Tác ý tư duy chánh gia hạnh đây gọi là chánh gia hạnh, đây nghĩa là sở hữu tác ý Thi-la thanh tịnh gọi là tác ý tư duy chánh gia hạnh. Kia tự tư duy Thi-la thanh tịnh, nên không hối hận buồn bã. Vì không hối hận buồn bã liền sanh hoan hỷ, nói rộng cho đến tâm nhập chánh định. Cho nên nói: tác ý tư duy chánh gia hạnh đây gọi là phương tiện tâm an trụ. Như vậy, do phương tiện nên tâm nhanh chóng an trụ.

Bấy giờ, người kia do 20 chủng tướng của 5

nhân đây thâm nhiếp giữ gìn tâm. Ở trong ái tận dứt, cảnh giới tịch diệt Niết-bàn, khiến khéo an trụ không còn thoái chuyển, tâm không sợ hãi tác nghĩ “Ta, ta nay đang ở đâu?”. Lúc đang an trụ tâm như vậy, nên biết đã gọi là nhập hiện quán đế. Như vậy gọi là nhập hiện quán Thánh đế.

Lại nghĩa hiện quán Thánh đế đây nói rộng nên biết, đó là: tướng tâm yếm hoạn có 20 chủng; tướng tâm an trụ cũng có 20 chủng. Ngoài đây ra trọn không có hoặc vượt quá hoặc tăng thêm.

b. Sao gọi là nhập hiện quán Thánh đế rồi, xa lìa các chướng ngại? Nên biết chướng đây lược có 2 chủng: 1. Chướng của hành xứ; 2. Chướng của trụ xứ.

Chướng của hành xứ: như Thánh đệ tử cùng cộng trú với chúng, tùy theo các việc sanh khởi trong Tăng chúng, xả bỏ phẩm thiện, luôn cùng chúng hội họp. Hoặc lại an trụ pháp thường khát thực, chú trọng ăn uống. Hoặc ở cả hai xứ, vui thích lo toan các việc y, bát.. Hoặc đọc tụng kinh điển mà vui thích đàm luận. Hoặc ban đêm vui dấm ngủ nghỉ. Hoặc ban ngày ưa thích luận bàn các việc tạp nhiễm, vua quan, giặc cướp.. Hoặc trú

ở chỗ có người thân thích giao du để cùng luận bàn, vui chơi. Nơi các xứ đây chẳng muốn xa lìa, do vì đêm dài luôn tập quen cùng kia cộng trú lực tăng thượng, hoặc lại vui cùng cộng trú với loại thứ hai. Những việc như vậy... gọi là chướng của hành xứ.

Chướng của trụ xứ: tức là ở chốn không nhàn, tu Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, gọi chung là trụ. Nương Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, nên biết lại có 4 chủng chướng ngại: 1. Tánh chẳng thuận theo chi Tỳ-bát-xá-na; 2. Tánh chẳng thuận theo chi Xa-ma-tha; 3. Tánh không thuận theo nhớ nghĩ cả hai phẩm kia; 4. Tánh không thuận theo xứ sở.

Hoặc tự cho mình thông minh mà sanh cao cử, nên không lắng nghe lời dạy của người, thuận theo đó mà quán sát chánh pháp. Đây gọi là tánh không thuận theo chi Tỳ-bát-xá-na.

Hoặc thân ngữ ý hành không an tĩnh, tháo động khinh xuất, luôn phạm Thi-la, sanh tâm ưu não hối hận... cho đến tâm không khéo an trụ. Nên biết đây gọi là tánh không thuận theo chi Xa-ma-tha.

Hoặc vì lực tăng thượng của sự quên mất niệm

đối với các tùy phiền não trầm, trạo, loạn... nên không ngăn ngừa phòng hộ tâm. Nên biết đây gọi là tánh không thuận theo nhớ nghĩ hai phẩm kia.

Hoặc có sự tập quen gần gũi các toạ ngoại cụ tương ưng năm lỗi. Nên biết đây gọi là tánh không thuận theo xứ sở. Hoặc ban ngày có các khổ do ồn ào phóng dật, ban đêm lại có các khổ do muỗi mòng cắn đốt... Hoặc có nhiều việc đáng sợ, nhiều các tai họa hiểm độc, hoặc thiếu thốn vật dụng không thể vui thích, hoặc bị bạn ác thâm nhiếp, không có các bạn lành.

Tất cả các việc như vậy, gọi là chương của trụ xứ.

Lại hai chương đây tổng có 2 chủng nhân duyên năng khiến xa lìa: 1. Nhiều các định lạc; 2. Nhiều các tư trạch.

Nhiều các định lạc, nên biết lược có 6 chủng. Đó là: hoặc có người đã đắc tam-ma-địa mà chưa đến viên mãn, chưa được tự tại, kia phải tu tập thiện xảo 3 chủng chỉ, cử, xả, do đây phát sanh nhiều định lạc. Hoặc có người đối với tam-ma-địa đã được viên mãn, cũng được tự tại, kia phải tu tập thiện xảo 3 chủng là nhập định, trụ định và xuất

định. Do đây phát sanh nhiều định lạc.

Nhiều các tư trạch: đó là tuệ thiện thù thắng, gọi là tư trạch. Do tuệ đây, vào ban ngày, ban đêm như thật rõ biết sở hữu thiện pháp của chính mình tăng trưởng; như thật rõ biết sở hữu bất thiện pháp của mình tăng trưởng; như thật rõ biết sở hữu thiện pháp của mình bị suy thối; như thật rõ biết sở hữu bất thiện pháp của mình suy thối. Lại kia như lúc ban ngày, ban đêm, hoặc đi hoặc đứng, tập quen gần gũi mạng duyên y phục, ăn uống... Do tập quen gần gũi, nên bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp bị suy thối; hoặc thiện pháp tăng trưởng, bất thiện pháp suy thối. Tất cả việc ấy, kia đều như thật rõ biết. Vì lấy tư trạch đây làm y chỉ, nên đối với sự sanh khởi các bất thiện pháp, do đạo lý phương tiện không kiên cố đấm trước, nhanh chóng xa đuổi xa lìa; đối với các thiện pháp năng siêng tu tập.

Như vậy 10 chủng thiện xảo của hai xứ hay khiến đoạn diệt 11 chủng chướng của hai xứ sở. Tùy theo sự sanh khởi, tức liền xa lìa. Như vậy gọi là xa lìa chướng ngại. Lại nghĩa xa lìa chướng ngại đây, nói rộng nên biết như tướng đã thuyết ở trước.

Ngoài đây ra trọn không có hoặc vượt quá hoặc tăng thêm.

c. *Sao gọi là đã nhập hiện quán Thánh đế, vì muốn mau chóng chứng đắc thông tuệ, tác ý tư duy các việc hoan hỷ?* Đó là Thánh đệ tử đã kiến Thánh đế, đã đắc chứng tịnh. Vì lấy chứng tịnh làm y chỉ, đối với ruộng công đức thù thắng Phật Pháp Tăng, tác ý tư duy phát sanh hoan hỷ.

Lại nương sự sống tăng thượng của mình và những việc tốt đẹp chắc chắn, như là sự hưng thịnh của bản thân và tài bảo, tác ý tư duy khiến phát sanh hoan hỷ.

Lại nương không ghen ghét, đối với bản thân thế nào, đối với người khác thế ấy.

Lại nương vào sự biết ân, tức là nhớ nghĩ ân đức những người có ân như Đại sư, tác ý tư duy khiến phát sanh hoan hỷ.

Do nương các việc kia, nên xa lìa các khổ cùng với nhân khổ, dẫn phát sự vui cùng với nhân vui. Như vậy, vì tư duy sự việc hoan hỷ thuận theo tu đạo, năng chứng đắc thông tuệ mau chóng.

Lại nghĩa tư duy các việc khiến hoan hỷ thuận theo tu đạo đây, nói rộng nên biết như tướng đã

thuyết. Ngoài đây ra lại không có hoặc vượt quá hoặc tăng thêm.

d. *Sao gọi là tu tập như đạo đã đăc?* Kia sanh hoan hỷ vô tội rọng lớn như vậy tưới tẩm nơi tâm, vì hướng đến rốt ráo, nên ở trong hiện pháp tâm sanh rất nhớ nghĩ mền mộ. Do kia tâm sanh mền mộ như vậy, nên vui muốn xuất ly lớp lớp hiện hành, đó là: “Ta phải làm sao có thể trụ đầy đủ các thánh xứ như thế, như đầy đủ an trụ chỗ của A-la-hán”. Như vậy sanh khởi vui muốn rồi, phát siêng tinh tấn không gián đoạn, thường thuận theo, ở nơi ba mươi bảy phần pháp Bồ-đề, phương tiện siêng tu.

Lại vì kia siêng tinh tấn như vậy, không cùng người tại gia và xuất gia chung sống hỗn tạp, tâm vui hạnh viễn ly, tập sống ở chốn không nhà như nằm ngồi bờ vắng vẻ...

Lại kia đã phát sanh vui muốn như vậy, phát siêng tinh tấn vui xa lìa rồi mà không sanh vui đủ, tức là tâm không vui đủ ở nơi chút phần thù thắng đã chứng, lại mong cầu an trụ đối với các thiện pháp chuyển thượng, chuyển thắng, chuyển thêm vi diệu.

Do 4 pháp đây, nhiếp thọ tu đạo, cực khéo nhiếp thọ. Tức lấy 4 chủng tu đạo đây làm chỗ nương tựa cho các sự việc hoan hỷ khiến sanh hoan hỷ như trước đã nói. Lúc bấy giờ, người kia tu viên mãn đạo lý phương tiện tối cực tổn giảm. Vì phiền não đoạn trừ, vì được pháp sở chứng thù thắng, cũng khiến hoan hỷ vui thích, tu được viên mãn.

Lại vì đã xa lìa phẩm hoặc thô trọng của tu sở đoạn, nên thành tựu khinh an. Vì khinh an sanh, nên thân tâm được sự nhiếp thọ thanh lương rất nhiều. Như vậy hai chủng tu đã được viên mãn.

Lại định Kim cương dụ của bậc hữu học đạt đến cứu cánh, nên tu được viên mãn. Đây gọi là tu tập như đạo đã đắc. Lại nghĩa tu tập như đạo đã đắc đây, nói rộng nên biết đó là vì lấy bốn chủng pháp làm chỗ nương tựa, năng khiến năm pháp tu tập viên mãn. Ngoài đây ra lại không có hoặc vượt quá hoặc tăng thêm.

e. Sao gọi là chứng đắc đạo cực thanh tịnh và công đức của quả? Đó là ở 3 vị: vị lạc, vị khổ và vị không khổ không lạc. Các vị đây chịu sự tùy miên của các tùy phiền não. Có 2 chủng bổ-đặc-già-la được hiển hiện phần nhiều: 1. Dị sanh; 2. Hữu học.

Lại có 2 chủng năng phát khởi phẩm tạp nhiễm: 1. Chủng giữ lấy phẩm tạp nhiễm; 2. Chủng hành phẩm tạp nhiễm. Tức vì đoạn trừ hai phẩm tạp nhiễm đây, lúc nhập vào pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, năng làm chướng ngại sở hữu phiền não. Các phiền não đây năng khiến tùy miên nhập vào tâm sâu xa, lại năng khiến phát sanh chủng chủng các khổ. Nếu có thể ở nơi phiền não đây vĩnh viễn đoạn không sót thừa, gọi là chứng đắc quả đạo cực thanh tịnh.

Lại 10 chi vô học nhiếp lấy 5 uẩn vô học, đó là: giới uẩn, định uẩn, huệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn. Đây gọi là đạo cực thanh tịnh.

Lại do chứng đắc đạo cực tịnh đây, nên xa lìa 10 lỗi lầm, an trụ nơi chỗ trụ của bậc Thánh. Sao gọi là 10 chủng lỗi lầm?

1. Nương các dục bên ngoài, có lỗi lầm do tương ưng với chỗ có sâu, thán, ưu, khổ, chủng chủng khổ khổ não loạn.

2. Lỗi lầm do nương bên trong không phòng hộ các căn. Do không hộ các căn, nên sanh sâu, thán...

3. Lỗi lầm của việc vui trú nơi ái vị.

4. Lỗi lầm của việc đi đứng phóng dật.

5, 6, 7. Chẳng cùng chung với ngoại đạo, tức là ba chủng lỗi lầm về ngôn ngữ, tâm tư và truy cầu do kia phát khởi tà kiến khác nhau.

8. Lỗi lầm của việc nương vào biên tế tĩnh lự.

9. Lỗi lầm của giữ lấy phẩm tạp nhiễm phát khởi nhiếp thuộc duyên khởi.

10. Lỗi lầm của hành phẩm tạp nhiễm phát khởi.

Nếu vĩnh viĩn không tương ưng với 10 chủng lỗi lầm như vậy, nên biết chỉ có sự nhậm trì của thân tối hậu, thân thứ hai khác thì nhất định không có việc này. An trụ trong cảnh giới Niết-bàn tịch tĩnh tối thắng, tất cả hữu tình an trụ cho đến cứu cánh đệ nhất hữu thượng sanh. Tất cả những điều mà hữu tình chứng đắc ở nơi kia đều là tối thắng, cho nên thuyết gọi là an trụ nơi chỗ trụ của bậc Thánh. Vì năng xa lìa 10 chủng lỗi lầm, lại vì năng an trụ nơi chỗ trụ của bậc Thánh, cho nên gọi là công đức. Lại hoặc quả kia, hoặc đạo cực thanh tịnh, hoặc công đức của kia, tất cả như vậy lược chung làm một, gọi là chứng đắc đạo cực thanh tịnh và quả công đức.

Lại nghĩa chúng đắc đạo cực thanh tịnh và công đức của quả đây, nói rộng như những tướng đã nói ở trên. Ngoài đây ra lại không có hoặc vượt quá hoặc tăng thêm.

Nếu người đắc Thánh pháp tối thượng vô học như vậy, tâm tương ứng với các thánh pháp. Đối với năm diệu dụng sanh cực nhằm chán trái lìa, vì không có dị thực, nên lại chẳng tiếp nối về sau. Nếu tâm thế gian tuy đã đoạn trừ mà vẫn còn hiện hành, ở thời sau tâm kia nhậm vận mà diệt. Lại đạo phiền não, đạo nghiệp hậu hữu, ở trong hiện pháp đã vĩnh viễn đoạn dứt. Do đoạn dứt kia, nên đương lai đạo khổ không triển chuyển trở lại. Do nhân quả đây vĩnh viễn tận diệt, nên gọi là biên khổ. Thêm nữa, không có sự vô thượng vô thắng nào khác.

Trong đây, hoặc nhập hiện quán thánh đế, hoặc lìa chướng ngại, hoặc vì mau chóng chứng đắc thông tuệ, tác ý tư duy các sự việc hoan hỷ, hoặc tu tập như đạo đã đắc trước, hoặc chứng đắc đạo cực thanh tịnh và công đức quả; như vậy gọi là tất cả chủng thanh tịnh xuất thế gian. Lại nghĩa tất cả chủng thanh tịnh xuất thế gian đây, nên biết nói

rộng như tướng đã nói ở trên. Ngoài đây ra lại không có hoặc vượt quá hoặc tăng thêm.

Như vậy, hoặc tất cả chủng thanh tịnh thế gian như trước đã nói, hoặc tất cả chủng thanh tịnh xuất thế gian được nói ở đây, lược chung làm một gọi là *quả tu*. Như vậy hoặc xứ sở tu, hoặc nhân duyên tu, hoặc tu Du-già, hoặc quả tu, tất cả gọi chung là *Tu sở thành địa*.

